

HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG



SÁCH HƯỚNG DẪN HỌC TẬP
CHỦ NGHĨA
XÃ HỘI KHOA HỌC

(Dùng cho sinh viên hệ đào tạo đại học từ xa)

Lưu hành nội bộ

HÀ NỘI - 2006

SÁCH HƯỚNG DẪN HỌC TẬP
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

Biên soạn : CN. ĐỖ MINH SƠN

GIỚI THIỆU MÔN HỌC

1. GIỚI THIỆU CHUNG

Nhằm phục vụ việc học tập và tự nghiên cứu của sinh viên theo chương trình “Đào tạo đại học theo hình thức giáo dục từ xa” của Học viện công nghệ Bưu chính Viễn thông, được sự đồng ý của cấp trên, bộ môn Mác - Lênin khoa cơ bản I - Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông tổ chức biên soạn cuốn “Sách hướng dẫn học tập môn chủ nghĩa xã hội khoa học”.

Cuốn sách được biên soạn trên cơ sở giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học dùng trong các trường Đại học và Cao đẳng do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Nội dung cuốn “Sách hướng dẫn học tập môn chủ nghĩa xã hội khoa học” được biên soạn theo trình tự: Nêu rõ mục đích, yêu cầu, trọng tâm của bài giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Cuối mỗi chương là những nội dung câu hỏi và bài tập cùng những gợi ý, hướng dẫn nghiên cứu phù hợp.

2. MỤC ĐÍCH MÔN HỌC

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa xã hội khoa học. Trên cơ sở đó tiếp tục củng cố, hoàn thiện thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, quán triệt đường lối, quan điểm xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng Cộng sản Việt Nam.

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN HỌC THEO HÌNH THỨC GIÁO DỤC TỪ XA

Để đạt kết quả tốt môn học này, ngoài yêu cầu chung đối với các môn Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh sinh viên cần lưu ý mấy điểm sau:

3.1. Thu thập và sử dụng các tài liệu sau

- Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành .
- Sách hướng dẫn học tập chủ nghĩa xã hội khoa học: **Đỗ Minh Sơn**, Học viện công nghệ Bưu chính - Viễn thông 2006.
- Các tài liệu tham khảo trong mục tài liệu tham khảo ở cuối sách này.

3.2. Tham gia đầy đủ các buổi hướng dẫn học tập

- Các buổi hướng dẫn học tập ở đầu kỳ, giữa và cuối kỳ giảng viên sẽ giúp sinh viên nắm được tổng thể môn học, cách nghiên cứu, tiếp cận, lý giải các vấn đề mà môn học đề ra ở góc độ lý luận và thực tiễn. Qua đó sinh viên cũng có thể trao đổi, thảo luận với đồng môn về các vấn đề quan tâm. Thời gian tập trung nghe hướng dẫn không nhiều, do đó cần tận dụng thời gian để có định hướng trong học tập, nghiên cứu.

3.3. Phải tận dụng kiến thức các môn học triết học Mác - Lênin, kinh tế - chính trị học Mác - Lênin

Vì triết học là thế giới quan phương pháp luận chung nhất của các khoa học, với chủ nghĩa xã hội nó là cơ sở trực tiếp. Do vậy nắm vững các nguyên lý của triết học, kinh tế chính trị học Mác - Lênin giúp sinh viên hiểu rõ hơn về nội dung môn học.

3.4. Nghiên cứu, nắm chắc vấn đề cốt lõi

Sinh viên nên đọc qua sách hướng dẫn học tập trước khi học tập các tài liệu khác. Đây là cơ sở để tiếp cận các vấn đề cốt lõi, để hiểu nội dung của giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học.

Cũng nên tiếp cận với các thông tin thực tiễn từ các nguồn khác: các loại báo: nói, viết, hình để hiểu thêm về nội dung lý luận.

3.5. Chủ động liên hệ với đồng môn và giảng viên

Nếu có điều kiện thì tham gia diễn đàn học tập qua mạng Internet, nhưng chú ý thời gian biểu. Bạn có thể sử dụng dịch vụ bưu chính viễn thông qua trao đổi thông tin môn học.

3.6. Nên ghi chép lại những vấn đề cơ bản

Ghi chép lại là một hành động nhằm thu tóm kiến thức theo ý kiến của mình. Ghi chép giúp chúng ta tiếp cận, tái hiện kiến thức trong quá trình tự học tập, tự nghiên cứu.

3.7. Trả lời các câu hỏi cuối mỗi chương

Câu hỏi sau mỗi chương là những nội dung chính cần đạt được ở chương đó. Trả lời câu hỏi là từng bước hoàn chỉnh nội dung môn học. Đừng ngần ngại, hãy cố gắng trả lời, nó giúp bạn gắn liền giữa học đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tiễn

Hãy xây dựng thói quen đọc, ghi chép và tự trả lời câu hỏi đó là bí quyết của việc tự học tập, nghiên cứu.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng không tránh khỏi những thiếu sót, rất mong được sự đóng góp ý kiến của bạn đọc

Chúc bạn thành công!



HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Km10 Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông-Hà Tây
Tel: (04).5541221; Fax: (04).5540587
Website: <http://www.o-ptit.edu.vn>; E-mail: dhck@o-ptit.edu.vn

CHƯƠNG 1: LƯỢC KHẢO TƯ TƯỞNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

GIỚI THIỆU CHUNG

Chủ nghĩa Mác - Lênin ra đời, phát triển những điều kiện kinh tế xã hội nhất định, được phát triển trên cơ sở những thành tựu khoa học tự nhiên vững chắc, được kế thừa và phát triển những giá trị tư tưởng nhân loại trước đó. Chủ nghĩa Mác Lênin nói chung, chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng được bắt nguồn trực tiếp từ tư tưởng xã hội chủ nghĩa của nhân loại trước đó. Do vậy để nắm chắc bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa xã hội khoa học cần hiểu một cách khái quát quá trình hình thành phát triển tư tưởng xã hội chủ nghĩa trong lịch sử tư tưởng nhân loại.

MỤC ĐÍCH YÊU CẦU CẦN NẮM VỮNG

1. Hiểu được khái niệm về tư tưởng xã hội chủ nghĩa.
2. Thấy được tư tưởng xã hội chủ nghĩa qua các thời kỳ lịch sử
3. Nắm được những giá trị và hạn chế của tư tưởng xã hội chủ nghĩa trước khi chủ nghĩa xã hội khoa học ra đời.
4. Thấy được tính tất yếu của sự ra đời chủ nghĩa xã hội khoa học và các giai đoạn phát triển của nó.

NỘI DUNG

1.1. KHÁI NIỆM VÀ PHÂN LOẠI TƯ TƯỞNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1.1.1. Khái niệm tư tưởng xã hội chủ nghĩa

1.1.1.1. Định nghĩa tư tưởng xã hội chủ nghĩa

Tư tưởng là một hình thái ý thức của con người phản ánh thế giới hiện thực. Bất cứ tư tưởng nào cũng bắt nguồn và phản ánh điều kiện sinh hoạt vật chất của một xã hội nhất định.

Triết học Mác Lênin đã chỉ rõ chính sự khác nhau về sở hữu tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội là cơ sở của sự phân chia xã hội thành những kẻ giàu và người nghèo, phân chia thành kẻ áp bức bóc lột và người bị áp bức bóc lột. Nghiên cứu về tình trạng đó Lênin đã chỉ

rõ: Đã từ lâu rồi, đã hàng bao thế kỷ nay, thậm chí hàng ngàn năm nay, nhân loại mong ước thủ tiêu lập tức mọi sự bóc lột và xóa bỏ sự khác nhau giữa người giàu và người nghèo. Đó là nguyện vọng có tính chất xã hội chủ nghĩa.

Những tư tưởng đó phản ánh lợi ích của các giai cấp bị trị chống lại lợi ích của những giai cấp thống trị. Từ khẳng định của Lênin có thể đưa ra định nghĩa về tư tưởng xã hội chủ nghĩa như sau:

Tư tưởng xã hội chủ nghĩa là một hệ thống những quan niệm phản ánh những nhu cầu, những ước mơ của các giai cấp lao động bị thống trị về con đường, cách thức và phương pháp đấu tranh nhằm thực hiện một chế độ xã hội mà ở đó, tư liệu sản xuất là thuộc về toàn xã hội không có áp bức và bóc lột, trên cơ sở đó, mọi người đều bình đẳng về mọi mặt và đều có cuộc sống ấm no, hạnh phúc văn minh.

1.1.1.2. Những biểu hiện cơ bản của tư tưởng xã hội chủ nghĩa

- Là quan niệm về một chế độ xã hội mà mọi tư liệu sản xuất thuộc về mọi thành viên, thuộc về toàn xã hội (chế độ công hữu về tư liệu sản xuất).

- Là tư tưởng về một chế độ xã hội mà ở đó ai cũng có việc làm và ai cũng lao động.

- Là tư tưởng về một xã hội trong đó mọi người đều bình đẳng, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc. Mọi người đều có điều kiện để lao động cống hiến, hưởng thụ và phát triển toàn diện.

1.1.2. Phân loại các tư tưởng xã hội chủ nghĩa

Việc phân loại tư tưởng xã hội chủ nghĩa được dựa theo các tiêu chí theo lịch đại, theo trình độ phát triển cũng như sự kết hợp đúng mức các tiêu chí đó.

1.1.2.1. Phân loại tư tưởng xã hội chủ nghĩa theo lịch đại

Dựa vào tiến trình lịch sử, người ta thường chia tư tưởng xã hội chủ nghĩa thành các giai đoạn phát triển tương ứng với các giai đoạn phát triển của xã hội loài người. Theo đó có: tư tưởng xã hội chủ nghĩa thời cổ đại và trung đại, tư tưởng xã hội chủ nghĩa thời kỳ phục hưng, tư tưởng xã hội chủ nghĩa thời kỳ cận đại và tư tưởng xã hội chủ nghĩa thời kỳ hiện đại.

1.1.2.2. Phân loại tư tưởng xã hội chủ nghĩa theo trình độ phát triển

Tức là theo tính chất, trình độ của tư tưởng sẽ có: xã hội chủ nghĩa sơ khai, xã hội chủ nghĩa không tưởng, xã hội chủ nghĩa không tưởng phê phán, xã hội chủ nghĩa khoa học.

1.1.2.3. Kết hợp tính lịch đại với trình độ phát triển để phân loại các tư tưởng xã hội chủ nghĩa

Các nhà nghiên cứu đều cho rằng không nên tuyệt đối hóa các tiêu chí để phân loại, chỉ nên coi đó là tiêu chí cơ bản, chủ yếu mà thôi.

Vì vậy khi nghiên cứu tư tưởng xã hội chủ nghĩa cần chú ý đến cấp độ phát triển nội tại (theo kiểu phủ định của phủ định với các đặc điểm kế thừa, phủ định, phát triển). Phương pháp này được coi là phù hợp hơn cả để khảo sát các tư tưởng xã hội chủ nghĩa.

1.2. LƯỢC KHẢO TƯ TƯỞNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRƯỚC MÁC

1.2.1. Tư tưởng xã hội chủ nghĩa thời cổ đại

Dưới chế độ công xã nguyên thủy sản xuất chưa phát triển, do đó tính cộng đồng về tộc loại và kinh tế là đặc trưng cơ bản nhất của đời sống tập thể trong công xã nguyên thủy. Do đó tư tưởng xã hội chủ nghĩa chưa có cơ sở kinh tế - xã hội, nó chưa xuất hiện.

Chế độ công xã nguyên thủy tan rã, thay vào đó là chế độ chiếm hữu nô lệ. Quan hệ sản xuất chiếm hữu nô là hình thức phát triển cao hơn so với cộng đồng thị tộc. Kinh tế có sự phát triển cao hơn, đồng thời trong xã hội cũng xuất hiện sự phân chia giàu nghèo, xuất hiện sự bóc lột áp bức và bị bóc lột áp bức. Đấu tranh giai cấp giữa giai cấp nô lệ chống lại giai cấp chủ nô.

Do sự tác động bởi những huyền thoại, do bị chi phối bởi điều kiện lịch sử đặc biệt là trình độ nhận thức nên tư tưởng xã hội chủ nghĩa thời kỳ này tản mạn, rời rạc chưa thành hệ thống, chủ yếu được thể hiện ở những ước mơ, niềm khát vọng của công chúng bị áp bức, bóc lột. Cụ thể:

Do tác động bởi những huyền thoại mà họ mong muốn trở về "thời kỳ hoàng kim" - thời kỳ cộng đồng nguyên thủy.

Khát vọng, ước mơ của công chúng còn được thể hiện ở những công trình kiến trúc vừa nói lên tội ác của chế độ chiếm hữu nô lệ vừa nói lên ước mơ của công chúng.

Nó cũng được thể hiện bằng nhiều phong trào khởi nghĩa của nô lệ chống lại chủ nô mà cuộc khởi nghĩa Xpactaquyt ở đầu công nguyên là một ví dụ.

Đạo Cơ đốc sơ kỳ ra đời ở đầu công nguyên cũng phản ánh nguyện vọng của những nô lệ và người lao động mất đất. Nếu là có thật thì công xã tập đoàn Cơ đốc giáo được coi là Cộng sản đầu tiên.

1.2.2. Tư tưởng xã hội chủ nghĩa từ thế kỷ XVI đến cuối thế kỷ XVIII

1.2.2.1. Điều kiện kinh tế xã hội và hoàn cảnh lịch sử

Sự xuất hiện những công trường thủ công, tiền đề của nền công nghiệp cơ khí hóa với đặc điểm nổi bật là tính chất chuyên môn hóa thay thế dần cho hợp tác giản đơn trong phường hội. Những thành phần đầu tiên của giai cấp tư sản và vô sản ra đời, vừa đối lập lợi ích với nhau vừa đối lập với giai cấp phong kiến. Đấu tranh giai cấp diễn ra mạnh mẽ.

Quan điểm thần học đã nhường chỗ dần cho quan điểm duy lý. Nhiều cuộc Cách mạng tư sản nổ ra báo hiệu sự sụp đổ của chế độ phong kiến và sự thống trị của giai cấp tư sản...

Những điều kiện đó làm cho tư tưởng xã hội chủ nghĩa phát triển sang một thời kỳ mới, trình độ mới cao hơn. Xuất hiện nhiều nhà tư tưởng vĩ đại.

1.2.2.2. Các đại biểu xuất sắc và tư tưởng xã hội chủ nghĩa chủ yếu

a. Tư tưởng xã hội chủ nghĩa thế kỷ XVI - XVII

- **Tômat Moro (1478 - 1535):** Là người có học thức rộng, là huân tước, giữ nhiều chức vụ trong Nghị viện Anh. Là người theo chủ nghĩa nhân đạo sớm nhận ra bất công trong xã hội.

Tác phẩm nổi tiếng: Utopi - không tưởng theo tiếng Hy Lạp: chưa tồn tại ở đâu cả - được viết vào năm 1516. Đây là một tác phẩm văn học viết về một hòn đảo, mơ về một xã hội không có thực.

Tư tưởng nổi bật: Phê phán trật tự chính trị - xã hội đang thối nát ở Anh và nhiều nước khác ở Tây Âu. Vạch rõ nguyên nhân chung của tình trạng đó xuất phát từ chế độ tư hữu. Chỉ ra con đường để xóa bỏ bất công trong xã hội, xây dựng xã hội bình đẳng phải xóa bỏ chế độ tư hữu. Ông cũng chỉ ra xã hội cần vươn tới là xã hội có: sở hữu tập thể, lao động tập thể, không có áp bức bóc lột, một xã hội thống nhất được quản lý chặt chẽ.

Mặc dù bị xử tử, nhưng Tômat Moro sống mãi với nhân loại bởi tư tưởng tiến bộ đó. Ông được coi là người mở đầu các trào lưu tư tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

- **Tômadô Campanella (1568 - 1639):** Là người Ý, tham gia vào phong trào chống xâm lược của bọn thực dân Anh bị bắt cầm tù 30 năm. Trong tù ông viết tác phẩm "Thành phố mặt trời".

Mặc dù còn duy tâm nhưng ông có quan điểm nhân đạo. Phủ nhận chế độ tư hữu, xây dựng xã hội dựa trên nền tảng: tài sản là của chung, quan điểm phân phối theo nhu cầu. Sử dụng kỹ thuật để giảm nhẹ lao động bình quân, nặng nhọc cho con người.

- **Giêrăđo Uynxtenli (1609 - 1652):** Là nhà tư tưởng của phái "Đào đất" - tên gọi giành cho những người nghèo từ các nơi đến canh tác đất hoang ở Luân đôn.

Tác phẩm nổi tiếng "Luật tự do" với các tư tưởng chính: Nêu lên yêu sách mọi người trong xã hội phải được bình đẳng trên tất cả các phương diện kinh tế - xã hội và chính trị. Chủ trương phong trào hòa bình, thủ tiêu chế độ tư hữu về ruộng đất, xây dựng chế độ cộng hòa của nền sản xuất nhỏ dựa trên cơ sở ruộng đất là của chung và sử dụng chung sản phẩm làm ra.

b. Tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng thế kỷ XVIII

Từ giữa thế kỷ XVII chế độ quân chủ chuyên chế vào thời kỳ suy tàn thay vào đó là chế độ cộng hòa tư sản. Điều kiện đó làm xuất hiện các nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa.

- **Giăng Mêliê (1664 - 1729):** Là người Pháp, là linh mục với tác phẩm "Những di chúc của tôi" ông chỉ rõ:

"Sự bất bình đẳng không phải do tự nhiên mang lại, trái lại nó nảy sinh do chính con người tạo nên. Do vậy phải xóa bỏ chế độ tư hữu xác lập chế độ công hữu về của cải. Chủ trương giải phóng xã hội bằng con đường đấu tranh".

- Grắc cơ Ba Bốp (1760 - 1797):

Từ thực tiễn của cách mạng tư sản Pháp ông viết tác phẩm tuyên ngôn của những người bình dân" nêu ra cương lĩnh hành động với những nhiệm vụ biện pháp phải thực hiện ngay trong cách mạng đó là:

Tổ chức sản xuất bánh mỳ để cứu đói cho những người nghèo khổ. Tịch thu nhà ở của bọn nhà giàu có chia cho dân nghèo. Trả lại cho người nghèo những vật đã đem cầm cố. Chiếm kho bạc nhà nước, bưu điện, các kho hàng...

Ngoài những nhân vật tiêu biểu trên còn có các nhà tư tưởng khác cũng có đóng góp cho xã hội tư tưởng về xã hội chủ nghĩa như: Morely, Grabrien dơ Mably...

1.2.3. Chủ nghĩa xã hội không tưởng - phê phán đầu thế kỷ XIX

1.2.3.1. Hoàn cảnh lịch sử và các điều kiện kinh tế

Là thời kỳ bão táp của cách mạng tư sản, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã thống trị ở hầu hết các nước châu Âu, đặc biệt phát triển nhanh ở Anh và Pháp. Đây cũng là thời kỳ lực lượng tiền thân của giai cấp công nhân giác ngộ về sứ mệnh lịch sử của mình.. Họ từng bước trở thành giai cấp độc lập, đối lập với giai cấp tư sản. Điều kiện đó làm xuất hiện sự phản kháng đầu tiên của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, đó cũng là cơ sở cho tư tưởng về xã hội chủ nghĩa.

1.2.3.2. Các nhân vật tiêu biểu của tư tưởng xã hội chủ nghĩa

- Cólôđơ Hăngri Đơxanh Xi Mông (1760 - 1825):

Là đại tá, bá tước của nước Pháp, sau bỏ lính đi nghiên cứu khoa học. Tác phẩm chính "chế độ công nghiệp", "vấn đáp những nhà công nghiệp" với tư tưởng chính:

Điểm mới mẻ trong tư tưởng xã hội chủ nghĩa là nêu lý luận về giai cấp và xung đột giai cấp, tuy chưa lý giải chính xác về đấu tranh giai cấp nhưng chỉ rõ mục đích cuối cùng trong nỗ lực của ông là giải phóng giai cấp cần lao.

Phê phán tính hạn chế của cách mạng tư sản Pháp, từ đó đề xuất phải làm một cuộc cách mạng mới đem lại lợi ích cho toàn xã hội - cuộc "tổng cách mạng".

Chủ trương giải quyết xung đột xã hội bằng hòa bình, ông không chủ trương xóa bỏ tư hữu, mà tổ chức một chế độ sở hữu sao cho có lợi nhất cho toàn xã hội.

Mác đã nhận xét: Chủ nghĩa Xanh Xi Mông chỉ có thể gọi là thơ ca xã hội, tức là vừa tích cực, vừa có mặt hạn chế.

- Phơ răng xoa Mari Sáclơ Phurie (1772 – 1837): Xuất thân từ gia đình tư sản, bản thân cũng là nhà tư sản.

Tác phẩm chính" Thế giới mới công nghiệp và xã hội".

Với các tư tưởng chính:

Phê phán sâu sắc chế độ tư bản chủ nghĩa: tình trạng vô chính phủ về công nghiệp, vạch ra nguyên nhân của sự nghèo khổ. Đưa ra các giai đoạn phát triển của lịch sử nhân loại: Mông muội, dã man, gia trưởng, văn minh để từ đó khẳng định sự diệt vong của chủ nghĩa tư bản. Không chủ trương xóa bỏ chế độ tư hữu, phản đối bạo lực. Đưa ra tiêu chí đánh giá trình độ của xã hội là giải phóng phụ nữ.

- **Rôboc Ôoen (1971 - 1858)**: Là người Anh, là chủ xưởng hơn 30 năm.

Tác phẩm chính: "Quan niệm mới về xã hội hay là tiểu luận về sự hình thành tính cách của con người".

Tư tưởng chính: Chủ trương xóa bỏ chế độ tư hữu (tương tự như Tômat Morơ).

Đánh giá ý nghĩa lịch sử của sự phát triển lực lượng sản xuất trong thời lực lượng đại cách mạng công nghiệp.

Đề xướng luật "Lao động nhân đạo" với nội dung: Phản đối sử dụng lao động trẻ em, đảm bảo điều kiện làm việc, đảm bảo phúc lợi xã hội... Xác định mối quan hệ giữa hoàn cảnh và nhân cách con người.

Khác với các nhà tư tưởng khác Ôwen thực hiện kiên trì thực nghiệm xã hội, xây dựng làng cộng sản, làng hòa hợp với những việc làm tiến bộ.

1.2.4. Giá trị và những hạn chế lịch sử của chủ nghĩa xã hội không tưởng

1.2.4.1. Giá trị lịch sử của chủ nghĩa xã hội không tưởng

Tư tưởng của chủ nghĩa xã hội không tưởng, nhất là tư tưởng của chủ nghĩa xã hội không tưởng phê phán mà nổi bật là nhà tư tưởng lớn C. Xanh Ximông, Ph. Phuriê, R. Ooen có giá trị lịch sử rất lớn.

- Những nhà tư tưởng của chủ nghĩa xã hội không tưởng đều thể hiện tinh thần nhân đạo chủ nghĩa. Không chỉ là nhân đạo tư sản, mà là chủ nghĩa nhân đạo ngày càng có nhiều giá trị mới vượt khỏi nhân đạo tư sản.

- Ở những mức độ khác nhau, nhưng đều mang tinh thần phê phán chế độ quân chủ và chế độ tư bản chủ nghĩa đương thời.

Họ như những thư ký của thời đại vừa ghi lại tội ác của chủ nghĩa tư bản vừa tìm ra hiện tượng ngược phổ biến trong xã hội tư bản, và chỉ rõ nguyên nhân của những hiện tượng đó là chế độ tư hữu.

- Một số nhà tư tưởng còn thể hiện tinh thần xả thân vì chính nghĩa, vì chân lý và tiến bộ xã hội thông qua hoạt động thực tiễn có tác dụng thức tỉnh giai cấp công nhân và quần chúng nhân dân.

Đó là các hoạt động tích cực của Tômat Morơ, Campanenla, R. Ôoen.

- Các nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng đã nêu lên nhiều luận điểm có giá trị mà sau này Mác và Ăng-ghe-n chứng minh được tính đúng đắn của nó.

Đó là các luận điểm: Các giai cấp xuất hiện là do sự chiếm đoạt, chỉ ra sự hạn chế của cách mạng tư sản. Nêu ra tư tưởng giải phóng toàn xã hội. Tạo điều kiện cho con người phát triển toàn diện. Giải phóng phụ nữ, xóa bỏ sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn.

Những giá trị trên được coi là tiền đề của chủ nghĩa Mác - Lênin, với xã hội chủ nghĩa khoa học nó là tiền đề lý luận trực tiếp

1.2.4.2. Những hạn chế của xã hội chủ nghĩa không tưởng

- Những nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa trước Mác còn duy tâm trong lịch sử

Chủ nghĩa xã hội được họ quan niệm như biểu hiện của lý tính của chân lý có sẵn ở đâu đó, chỉ cần người ta phát hiện rồi thuyết phục mọi người xây dựng xã hội tốt đẹp. Nhưng thực chất lý tính vĩnh cửu để xây dựng xã hội "Tức là sự thống trị của giai cấp tư sản được hợp pháp hóa mà thôi.

- Con đường, biện pháp cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới mang tính chất ảo tưởng.

Đó là việc đề cập tới con đường ôn hòa: Thuyết giáo, cải cách pháp luật thực nghiệm xã hội, kêu gọi "từ tâm" của giai cấp tư sản. Có người thể hiện bằng hành động khởi nghĩa nhưng chưa được chuẩn bị tự giác.

- Các nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng không thể phát hiện ra lực lượng tiên phong có thể thực hiện cuộc chuyển biến Cách mạng từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội đó là giai cấp công nhân.

Đến giới hạn cuối cùng trước khi chủ nghĩa Mác ra đời, các nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa vẫn chưa thoát khỏi ảo tưởng: Nhiều luận điểm đúng nhất chưa được luận chứng bằng khoa học, quá trình phát triển đầy mâu thuẫn. Có thể thấy rõ nguyên nhân của những hạn chế đó là những tư tưởng xã hội chủ nghĩa ra đời trong điều kiện chủ nghĩa xã hội phát triển chưa đầy đủ, do đó chưa bộc lộ hết những mâu thuẫn vốn có của nó để các nhà tư tưởng khái quát. Giai cấp công nhân chưa trưởng thành, chưa trở thành giai cấp "tự giác" nên các nhà tư tưởng không thấy rõ.

1.3. SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

1.3.1. Sự hình thành của chủ nghĩa xã hội khoa học

1.3.1.1. Những điều kiện và tiền đề khách quan dẫn tới sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học

(Xem lại phần những điều kiện và tiền đề khách quan dẫn tới sự ra đời của triết học Mác).

1.3.1.2. Vai trò của Các Mác và Ăng-ghe-n đối với sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học.

(Phần tiểu sử xem lại ở phần triết học Mác - Lênin)

Mác và Ăng-ghe-n có 2 phát kiến vĩ đại:

Một là, sáng tạo ra chủ nghĩa duy vật lịch sử: Làm rõ tính chất lịch sử của hình thái kinh tế - xã hội, chỉ rõ tính tất yếu và tiền đề khách quan của Cách mạng xã hội chủ nghĩa .

Hai là, học thuyết giá trị thặng dư: vạch trần bản chất của chế độ nô lệ làm thuê, chỉ rõ mâu thuẫn giữa 2 giai cấp công nhân và giai cấp tư sản là từ quyền lợi kinh tế.

Nhờ 2 phát kiến vĩ đại đó mà Mác và Ăng-ghe-n luận giải một cách khoa học sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân (được coi là phát kiến vĩ đại thứ 3). Nhờ đó mà các ông khắc phục được những hạn chế của chủ nghĩa xã hội không tưởng.

Với các tác phẩm: Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hê-ghe-n, tình cảnh giai cấp lao động ở Anh, hệ tư tưởng Đức, đặc biệt sự ra đời của Tuyên ngôn Cộng sản (1848) đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học, chủ nghĩa Mác. Đây là tác phẩm chứa đựng nội dung cơ bản về 3 bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác: triết học, kinh tế chính trị học và chủ nghĩa xã hội khoa học. Với những nội dung chính: khẳng định quy luật phát triển khách quan của xã hội và sự diệt vong tất yếu của chủ nghĩa tư bản, sự thắng lợi tất yếu của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, chỉ rõ vai trò của giai cấp công nhân và chính đảng của nó trong quá trình chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Chỉ rõ con đường Cách mạng vô sản và những lực lượng, biện pháp để thực hiện. Chỉ rõ sách lược và điều kiện quốc tế của giai cấp công nhân cũng như những phác họa về chủ nghĩa cộng sản.

1.3.2. Các giai đoạn phát triển cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học

1.3.2.1. Các Mác và Ăng-ghe-n đặt nền móng và tiếp tục phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học

Sau 1848, Mác - Ăng-ghe-n tiếp tục tổng kết kinh nghiệm của cách mạng Châu Âu 1848 - 1851 để bổ sung vào lý luận của mình những vấn đề sau:

Về vấn đề chính quyền: Để giành quyền thống trị về chính trị, giai cấp công nhân phải đập tan bộ máy nhà nước tư sản quan liêu, xây dựng nhà nước mới, nhà nước dân chủ tư sản. Phải sử dụng bạo lực cách mạng để lật đổ nhà nước tư sản, xây dựng nền chuyên chính vô sản - công cụ chủ yếu để xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Mác Ăng ghen cũng bổ sung thêm các vấn đề liên minh của giai cấp công nhân với quảng đại quần chúng để tạo thành động lực của cách mạng. Giải quyết vấn đề dân tộc, quan hệ giai cấp dân tộc. Phân chia các giai đoạn của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa: thấp (chủ nghĩa xã hội), cao (chủ nghĩa cộng sản).

Tóm lại: Mác Ăng ghen chẳng những là người sáng lập ra chủ nghĩa xã hội khoa học mà còn là những người kiên quyết đấu tranh bảo vệ và phát triển lý luận ấy. Những cống hiến đó có ý nghĩa trọng đại cho quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

1.3.2.2. Giai đoạn Lênin tiếp tục phát triển và vận dụng chủ nghĩa xã hội khoa học trong hoàn cảnh lịch sử mới

V.Lênin (1870 - 1924) là người kế tục xuất sắc sự nghiệp cách mạng của Mác ăngghen trong thời kỳ đế quốc chủ nghĩa (xem lại tiểu sử) Lênin phát triển chủ nghĩa Mác chia làm hai thời kỳ.

Một: Thời kỳ từ cuối thế kỷ XIX đến 1917. Người bổ xung và phát triển thêm.

Vạch ra học thuyết xây dựng Đảng kiểu mới của giai cấp công nhân về cách mạng xã hội chủ nghĩa và chuyên chính vô sản. Luận chứng về sự chuyển biến từ cách mạng dân chủ tư sản là cách mạng xã hội chủ nghĩa. Những vấn đề mang tính quy luật của cách mạng xã hội chủ nghĩa, về vấn đề dân tộc và cương lĩnh dân tộc. Đặc biệt Lênin tập hợp, vận động, tổ chức quần chúng tiến hành thắng lợi cuộc cách mạng tháng Mười Nga thành công.

Hai, Thời kỳ từ 1917 - 1924.

Do yêu cầu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội Lênin phân tích chỉ rõ, nội dung của thời kỳ quá độ, vạch ra cương lĩnh xây dựng chủ nghĩa xã hội. Vạch ra một cách toàn diện phương hướng xây dựng và bảo vệ các thành quả của cách mạng. Xác định chính sách kinh tế mới... Người tiếp tục đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội, xét lại.

Tóm lại, Lênin là người bảo vệ, phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học trên mọi khía cạnh, biến nó từ lý luận thành thực tiễn. Do cống hiến vĩ đại đó mà tại hội nghị các Đảng cộng sản và công nhân quốc tế họp tại Maxcova năm 1924 đã quyết định gắn tên tuổi Lênin vào hệ tư tưởng của giai cấp công nhân thành tên gọi chủ nghĩa Mác - Lênin.

1.3.2.3. Sự phát triển và tiếp tục vận dụng chủ nghĩa xã hội khoa học từ sau khi Lênin từ trần

Từ 1924 đến nay chủ nghĩa xã hội khoa học đã trải qua nhiều thăng trầm, đã đạt được những thắng lợi vĩ đại nhưng cũng trải qua những tổn thất to lớn. Có thể tóm tắt những nội dung phản ánh sự vận dụng phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học trong khoảng hơn 80 năm như sau:

Thứ nhất, mọi thắng lợi của phong trào cách mạng thế giới của thế kỷ XX đều có phần đóng góp to lớn của chủ nghĩa xã hội. Cụ thể:

Cứu loài người khỏi họa phát xít, đẩy nhanh sự tan rã của chủ nghĩa thực dân cũ và mới, hình thành và phát triển chủ nghĩa xã hội với tư cách là hệ thống. Trong xây dựng chủ nghĩa xã hội phấn đấu vì dân sinh dân chủ.

Hai là, các đảng cộng sản và công nhân đã tổng kết và bổ sung nhiều nội dung quan trọng cho chủ nghĩa xã hội khoa học.

Xác định nội dung, tính chất, mục tiêu của thời đại, chỉ rõ nội dung, phương hướng cải tạo, xây dựng chủ nghĩa xã hội trên các lĩnh vực. Vấn đề quản lý xã hội và bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Ba là, sự thắng lợi rực rỡ và sau đó là sự sụp đổ của Liên Xô và Đông Âu chỉ rõ vấn đề: Sự thành công và thất bại của chủ nghĩa xã hội không bắt nguồn từ bản chất chủ nghĩa xã hội

mà do sai lầm chủ quan trong việc vận dụng và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học vào mỗi nước trong quá trình cả tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.

Do vậy phải nhận thức, nhận thức lại, nhận thức cho đúng với bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa xã hội khoa học. Đồng thời biết vận dụng, bổ xung phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện hoàn cảnh phù hợp với mỗi nước, kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội, xét lại dưới nhiều hình thức.

1.3.2.4. Đảng cộng sản Việt Nam với sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa xã hội khoa học

Trong thế kỷ XX, nhân dân Việt Nam đạt được những thành tựu to lớn nhất, vĩ đại nhất. Những thành tựu đó luôn gắn liền với quá trình vận dụng sáng tạo, bổ xung phát triển lý luận của chủ nghĩa xã hội khoa học trong điều kiện cụ thể của Việt Nam. Những đóng góp bổ xung phát triển sáng tạo của Hồ Chí Minh và Đảng ta có thể tóm tắt trên một số nội dung sau:

Một là, Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là quy luật cách mạng Việt Nam.

Hai là, Kết hợp ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế là trung tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị.

Ba là, Xây dựng và phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tăng cường vai trò quản lý của nhà nước. Giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội.

Bốn là, Mở rộng và phát huy khối đại đoàn kết dân tộc.

Năm là, Tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới, kết hợp sức mạnh thời đại và sức mạnh dân tộc để phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Sáu là, Giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Coi trọng công tác xây dựng Đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Đó là kinh nghiệm được tổng kết, khái quát từ thực tiễn của cách mạng Việt Nam, là sự vận dụng, bổ xung phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học ở Việt Nam.

1.4. KẾT LUẬN

Nghiên cứu lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa giúp chúng ta có một cái nhìn khái quát tư tưởng giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, giải phóng con người trong lịch sử nhân loại. Đồng thời cũng giúp chúng ta thấy được chủ nghĩa xã hội nằm trong dòng chảy tư tưởng của nhân loại, được ra đời từ những tiền đề, những cơ sở vững chắc. Qua đó chúng ta cũng thấy được tính cách mạng khoa học của chủ nghĩa xã hội khoa học, thấy được sự phát triển của nó qua các thời kỳ lịch sử. Nghiên cứu vấn đề này cũng chỉ cho chúng ta thấy sự cần thiết phải vận dụng sáng tạo, bổ xung phát triển chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Phân tích những giá trị lịch sử, những hạn chế của tư tưởng xã hội chủ nghĩa trước khi xuất hiện chủ nghĩa xã hội khoa học?

Câu 2: Phân tích những điều kiện và tiền đề ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học.

Câu 3: Những giai đoạn cơ bản trong tiến trình phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học? Công hiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đối với việc vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa xã hội khoa học?



HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VÀ TIN HỌC
Km10 Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông (Hà Nội)
Tel: (04) 5541221; Fax: (04) 5541222
Website: <http://www.e-ptit.edu.vn>; E-mail: dhk@ptit.edu.vn

CHƯƠNG 2: VỊ TRÍ, ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP VÀ CHỨC NĂNG CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

GIỚI THIỆU CHUNG

Nghiên cứu chương giúp chúng ta thấy được vị trí của chủ nghĩa xã hội khoa học trong chủ nghĩa Mác Lênin. Qua đó cũng thấy được sự tác động lẫn nhau giữa ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác Lênin là triết học Mác Lênin, kinh tế chính trị học Mác Lênin và chủ nghĩa xã hội khoa học tạo nên sự hoàn chỉnh, khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác Lênin. Từ đó làm cho hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác Lênin trở thành lý luận tiên phong soi đường cho giai cấp công nhân, nhân dân lao động đấu tranh giải phóng nhân loại khỏi chế độ tư hữu, áp bức bất công, nghèo nàn, lạc hậu để vươn tới xã hội văn minh.

MỤC ĐÍCH YÊU CẦU CẦN NẮM VỮNG

1. Thấy được vị trí của chủ nghĩa xã hội khoa học trong chủ nghĩa Mác Lênin.
2. Nắm chắc đối tượng. Phương pháp nghiên cứu bộ môn.
3. Chỉ rõ được chức năng hướng dẫn và dự báo của chủ nghĩa xã hội khoa học.

NỘI DUNG

2.1. VỊ TRÍ CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

2.1.1. Quan niệm về "chủ nghĩa xã hội" và "chủ nghĩa xã hội khoa học"

Khái niệm "chủ nghĩa xã hội" rộng hơn khái niệm "chủ nghĩa xã hội khoa học". Do đó muốn hiểu "chủ nghĩa xã hội khoa học" với tư cách là một môn khoa học, là một trong 3 bộ phận tạo thành chủ nghĩa Mác - Lênin phải thấy được "chủ nghĩa xã hội" với các ý nghĩa sau:

Một là, chủ nghĩa xã hội với nghĩa là phong trào đấu tranh Cách mạng của quần chúng nhân dân chống chế độ tư hữu, bóc lột áp bức, bất công để đòi giải phóng... Ở ý nghĩa này nó được ghi nhận bởi lịch sử đấu tranh giai cấp của nhân loại.

Hai là, chủ nghĩa xã hội với ý nghĩa là nhu cầu hoạt động thực tiễn của nhân dân lao động trong quá trình sản xuất ngày càng xã hội hóa và thực thi dân chủ. Ở góc độ này được

ghi nhận bởi cuộc đấu tranh cho quyền lực của dân từ thời Hy Lạp cổ đại cho đến chủ nghĩa Mác - Lênin.

Ba là, chủ nghĩa xã hội với tư cách là ước mơ, lý tưởng về một xã hội tốt đẹp: không còn tư hữu, giai cấp, áp bức bóc lột... Nó được xuất hiện khi những cuộc khởi nghĩa của nô lệ bị thất bại và đàn áp dã man.

Bốn là, chủ nghĩa xã hội với ý nghĩa là học thuyết, một hệ thống các quan điểm. Theo góc độ tiếp cận này thì chủ nghĩa xã hội được hình thành từ tư tưởng xóa bỏ nguyên nhân sinh ra bóc lột". Tư tưởng đó chín muồi dần rồi trở thành các học thuyết về chủ nghĩa xã hội (cả không tưởng và khoa học).

Năm là, chủ nghĩa xã hội với ý nghĩa là giai đoạn thấp của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Nó là một chế độ xã hội mà nhân dân lao động xây dựng dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản.

Rõ ràng: chủ nghĩa xã hội khoa học chỉ là ý nghĩa về mặt lý luận trong khái niệm chủ nghĩa xã hội.

2.1.2. Vị trí của chủ nghĩa xã hội khoa học

Muốn hiểu rõ vị trí của chủ nghĩa xã hội phải hiểu theo 2 nghĩa rộng hẹp của nó.

Thứ nhất, chủ nghĩa xã hội khoa học theo nghĩa rộng.

Theo nghĩa này chủ nghĩa xã hội khoa học (hay chủ nghĩa cộng sản khoa học) là chủ nghĩa Mác - Lênin. Khi đánh giá khái quát về bộ tư bản của Mác, Lênin cho rằng: Bộ tư bản - tác phẩm chủ yếu và cơ bản... trình bày chủ nghĩa xã hội khoa học, rằng chủ nghĩa xã hội khoa học tức là chủ nghĩa Mác, hoặc chủ nghĩa Mác chính là chủ nghĩa xã hội khoa học. Hiện nay, theo tinh thần đó ta khẳng định chủ nghĩa xã hội chính là chủ nghĩa Mác - Lênin.

Với nghĩa đó chủ nghĩa xã hội khoa học phản ánh tính quy luật trong sự phát triển của lịch sử, là biểu hiện thế giới quan, phương pháp luận hóa vũ khí tư tưởng sắc bén để giai cấp công nhân cải tạo thế giới. Tức là chủ nghĩa xã hội khoa học luận giải trên các góc độ triết học, kinh tế và chính trị - xã hội về sự chuyển biến tất yếu của xã hội loài người từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và cộng sản chủ nghĩa. Trong chủ nghĩa Mác - Lênin (tức chủ nghĩa xã hội khoa học) ở góc độ này luôn có sự thống nhất giữa lý luận khoa học với hệ tư tưởng của giai cấp công nhân với những nguyên tắc lãnh đạo và cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân với những nguyên tắc lãnh đạo và cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân được thể hiện trong các bộ phận cấu thành để thực hiện mục tiêu chung là phục vụ sự nghiệp đấu tranh nhằm mục tiêu cuối cùng của giai cấp công nhân.

Thứ hai, theo nghĩa hẹp chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong 3 bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin.

Ở nghĩa này, bộ môn dựa trên phương pháp luận của triết học Mác - Lênin, kinh tế học chính trị Mác - Lênin để luận giải về quá trình nảy sinh Cách mạng xã hội chủ nghĩa, sự hình

thành và phát triển của hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa, sự hình thành và phát triển của hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa, gắn liền với sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

2.2. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU VÀ PHẠM VI KHẢO SÁT, ỨNG DỤNG CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

2.2.1. Đối tượng nghiên cứu của triết học và kinh tế học chính trị Mác - Lênin là cơ sở lý luận của chủ nghĩa xã hội khoa học

Đối tượng nghiên cứu của triết học Mác - Lênin là những quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy.

Với tư cách là hạt nhân của thế giới quan, triết học trở thành thế giới quan và nhân sinh quan của con người. Triết học Mác - Lênin trở thành cơ sở lý luận và thế giới quan phương pháp luận chung cho các khoa học trong đó có chủ nghĩa xã hội khoa học. Đặc biệt triết học Mác - Lênin chỉ rõ quy luật chung chi phối sự vận động của xã hội loài người, chỉ rõ sự phát triển của hình thái kinh tế xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên và tất yếu dẫn đến sự ra đời của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Kinh tế học chính trị Mác - Lênin với đối tượng nghiên cứu là những quy luật của các quan hệ xã hội hình thành và phát triển trong quá tư bản chủ nghĩa, luận chứng sự diệt vong tất yếu của chủ nghĩa tư bản thay vào đó là chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Dựa trên cơ sở lý luận và phương pháp luận của triết học, kinh tế học chính trị Mác - Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học vừa bổ sung và hoàn tất các học thuyết ấy làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin mang tính cân đối và hoàn chỉnh.

2.2.2. Đối tượng nghiên cứu và chức năng của chủ nghĩa xã hội khoa học

Đối tượng của nó là nghiên cứu các quy luật và tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa; nghiên cứu những nguyên tắc căn bản, những điều kiện, con đường hình thức và phương pháp đấu tranh của giai cấp công nhân để thực hiện sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Đối tượng của chủ nghĩa xã hội khoa học chỉ rõ.

Thứ nhất, chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu các quy luật khách quan trong quá trình chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Nhưng khác với những môn khoa học khác như Triết học, kinh tế chính trị học Mác Lênin nó chỉ tập trung nghiên cứu những quy luật đặc thù tồn tại trong quá trình chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Đó là nghiên cứu cuộc đấu tranh giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản, nghiên cứu những vấn đề liên quan đến cách mạng vô sản, nhà nước xã hội chủ nghĩa, nghiên cứu các quan hệ xã hội các quy luật chính trị xã hội.

Thứ hai, chủ nghĩa xã hội khoa học tập trung nghiên cứu nhân tố chủ quan thông qua sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

Đó là các vấn đề: vai trò lãnh đạo của chính đảng tiên phong của giai cấp công nhân, nghiên cứu việc đề ra chiến lược, sách lược tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nghiên cứu việc thành lập và phát huy vai trò của Nhà nước, xây dựng khối liên minh công nông - trí thức, quan hệ giai cấp - dân tộc.

2.2.3. Phạm vi khảo sát và vận dụng của chủ nghĩa xã hội khoa học

Ra đời từ sự khảo sát, phân tích những tư liệu thực tiễn, thực tế. Do vậy khi vận dụng cũng phải sáng tạo, linh hoạt bám vào thực tiễn. Điều này xuất phát từ sự phức tạp của những vấn đề chính trị - xã hội giữa các giai cấp, các tầng lớp các quốc gia, dân tộc có đặc điểm, vai trò, mục đích khác nhau lại là những vấn đề thường và phức tạp hơn so với các bộ môn khác. Quán triệt được những nội dung trên chúng ta có khả năng tránh được những căn bệnh chủ quan duy ý chí giản đơn, nóng vội thờ ơ với chính trị... trong thời đại khoa học công nghệ phát triển như vũ bão.

Thực tiễn sự sụp đổ của Liên Xô và Đông Âu cho thấy có nhiều nguyên nhân cả khách quan và chủ quan, nhưng có nguyên nhân từ việc chủ quan duy ý chí, máy móc, cứng nhắc, giáo điều trong việc vận dụng chủ nghĩa Mác Lênin vào thực tiễn.

Nhưng sự tồn tại của những nước còn lại cũng minh chứng một điều: từ thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội, từ những thành công và cả những thất bại biết nghiêm túc rút kinh nghiệm, đồng thời biết vận dụng, bổ xung, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác Lênin vào thực tiễn sẽ đạt được những thành tựu to lớn. Những vấn đề trên thuộc phạm vi khảo sát và vận dụng của chủ nghĩa xã hội khoa học.

2.3. PHƯƠNG PHÁP CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

Chủ nghĩa xã hội sử dụng phương pháp luận chung nhất của triết học để giải quyết các khái niệm, phạm trù mà nó nghiên cứu. Đối tượng nghiên cứu quy định mà chủ nghĩa xã hội khoa học tập trung vào các phương cụ thể sau:

Một là, phương pháp logic và lịch sử của triết học Mác Lênin phương pháp này chỉ rõ: phải trên cơ sở tư liệu thực tiễn mà phân tích nhận định, khái quát những vấn đề về lý luận - tức là rút ra logic của lịch sử. Đây là phương pháp luận quan trọng để nhận thức các vấn đề mà chủ nghĩa xã hội đề cập tới, cũng như việc xây dựng các luận chứng để giải quyết vấn đề thực tiễn. Sức mạnh logic tư duy là tìm ra được bản chất của lịch sử, vạch ra các quy luật của lịch sử.

Hai là, sử dụng phương pháp chuyên ngành: phương pháp khảo sát và phân tích về mặt chính trị - xã hội dựa trên các điều kiện cụ thể.

Phương pháp này chỉ rõ: Khi khảo sát thực tiễn một xã hội cụ thể, đặc biệt trong thời kỳ quá độ phải luôn có sự nhạy bén về chính trị - xã hội. Tức là phân tích một vấn đề cụ thể

về hoạt động xã hội, quan hệ xã hội trong khi còn đấu tranh giai cấp phải thấy được nhân tố chi phối mạnh nhất là chính trị.

Ba là, phương pháp liên ngành:

Là môn nghiên cứu về quy luật chính trị xã hội nên chủ nghĩa xã hội cũng chịu tác động của các môn khoa học xã hội và khoa học chính trị - xã hội. Do vậy nó phải sử dụng các phương pháp cụ thể khác như: Phương pháp phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh, điều tra xã hội học... để nghiên cứu, lý giải về các vấn đề xã hội.

Ngoài ra chủ nghĩa xã hội khoa học còn sử dụng phương pháp tổng kết lý luận từ thực tiễn và yêu cầu phải đứng trên lập trường của giai cấp công nhân.

2.4. CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC VÀ Ý NGHĨA VIỆC NGHIÊN CỨU CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

2.4.1. Chức năng nhiệm vụ của chủ nghĩa xã hội khoa học

Là một bộ phận của chủ nghĩa Mác - Lênin, thống nhất với triết học Mác - Lênin và kinh tế chính trị học Mác - Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học có chức năng và nhiệm vụ:

Thứ nhất, trang bị những tri thức khoa học đó là hệ thống lý luận chính trị - xã hội và phương pháp luận khoa học mà chủ nghĩa Mác - Lênin đã phát hiện ra. Đồng thời luận giải về tính tất yếu của quá trình hình thành phát triển hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Với đối tượng nghiên cứu của mình chủ nghĩa xã hội khoa học trực tiếp trang bị những lý luận nhận thức về cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cung cấp cơ sở lý luận và phương pháp nhận thức chính trị - xã hội cho người nghiên cứu và hoạt động thực tiễn trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, chức năng trực tiếp là giáo dục, trang bị lập trường tư tưởng chính trị của giai cấp công nhân cho Đảng của giai cấp công nhân. Không có hệ tư tưởng Cách mạng và khoa học thì giai cấp công nhân nhân dân lao động không thể giành chính quyền, không thể xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Cũng không thể đấu tranh chống các trào lưu tư tưởng và hành động thù địch chống chủ nghĩa xã hội.

Thứ ba, chủ nghĩa xã hội có chức năng và nhiệm vụ định hướng chính trị - xã hội cho mọi hoạt động của giai cấp công nhân. Đó là chức năng hướng dẫn và dự báo cho giai cấp công nhân thực hiện nhiệm vụ của mình ở 3 thời kỳ: Đấu tranh lật đổ ách thống trị của giai cấp tư sản, giành chính quyền; thiết lập chuyên chính vô sản, triển khai sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội; phát triển chủ nghĩa xã hội lên chủ nghĩa cộng sản. Nó cũng dự báo các hiện tượng, quá trình, quan hệ xã hội trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

2.4.2. ý nghĩa của việc nghiên cứu, học tập chủ nghĩa xã hội khoa học

Nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học có 2 ý nghĩa:

2.4.2.1. Về mặt lý luận

Nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học giúp chúng ta hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin một cách hoàn toàn đối và hoàn chỉnh (vì nó là một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin). Nó giúp cho triết học, kinh tế chính trị học Mác - Lênin không chệch hướng chính trị - xã hội trước hết là không chệch hướng mục tiêu, bản chất của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, giải phóng nhân loại.

Nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học giúp chúng ta trang bị những nhận thức chính trị - xã hội. Từ nhận thức đó hướng tới hoạt động đúng trong cải tạo xã hội, tự nhiên và bản thân con người theo hướng văn minh, tiến bộ.

Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học giúp chúng ta tránh khỏi hiện tượng mơ hồ về chính trị, phi chính trị hoặc vi phạm pháp luật, nâng cao bản lĩnh chính trị để góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Học tập nghiên cứu bộ môn còn giúp ta căn cứ khoa học để cảnh giác, phân tích, đấu tranh chống lại những nhận thức sai lệch những tuyên truyền chống phá của các thế lực thù địch.

2.4.2.2. Về mặt thực tiễn

Nghiên cứu, học tập, vận dụng và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học rất cần thiết với chúng ta hiện nay. Nó là cơ sở để chúng ta củng cố niềm tin thật sự đối với chủ nghĩa xã hội. Điều đó xuất phát từ các lý do sau:

Thứ nhất, giữa lý thuyết khoa học xã hội và thực tiễn bao giờ cũng có một khoảng cách. Thực tế chưa có một nước nào xây dựng hoàn chỉnh chủ nghĩa xã hội, thêm vào đó Liên Xô và Đông Âu sụp đổ nên lòng tin vào chủ nghĩa Mác Lênin, chủ nghĩa xã hội bị giảm sút. Do đó chủ nghĩa xã hội khoa học với hệ thống tri thức của nó phải phân tích chỉ rõ nguyên nhân cơ bản bản chất của những sai lầm, khuyết điểm và cả những thành quả của chủ nghĩa xã hội để khẳng định bản chất Cách mạng và khoa học của Chủ nghĩa Mác - Lênin. Sự sụp đổ của Liên Xô, Đông Âu bắt nguồn từ chính những sai lầm chủ quan của các Đảng cộng sản trong việc nhận thức vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn...

Thứ hai, học tập nghiên cứu vận dụng chủ nghĩa xã hội khoa học là cơ sở lý luận để Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục thực hiện hoàn chỉnh các nguyên lý: Kết hợp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội giữ vững, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, xây dựng quyền làm chủ của nhân dân... Giúp cho đông đảo quần chúng tiếp thu và thực hiện đường lối một cách tự giác, để nhận thức và hành động để trong việc đón nhận những thời cơ mới và vượt qua những thách thức trong quá trình hội nhập.

2.5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu vị trí, đối tượng, phương pháp và chức năng của chủ nghĩa xã hội khoa học giúp chúng ta hiểu được nó là một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin, góp phần làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin trở nên cân đối và hoàn chỉnh. Nghiên cứu chương này

cũng chỉ rõ đối tượng nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học là những quy luật, tính quy luật chính trị trong quá trình phát sinh, hình thành và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản Việt Nam

Đồng thời chương cũng chỉ rõ phương pháp tiếp cận bộ môn, cũng như chỉ rõ chức năng nhiệm vụ và ý nghĩa của chủ nghĩa xã hội trong công cuộc đổi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Phân biệt hai khái niệm " chủ nghĩa xã hội" và " chủ nghĩa xã hội khoa học".

Câu 2: Nêu rõ vị trí, đối tượng và chức năng của chủ nghĩa xã hội khoa học.

Câu 3: Ý nghĩa của việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học nhất là trong tình hình hiện nay.



CHƯƠNG 3: XÃ HỘI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

GIỚI THIỆU CHUNG

Nghiên cứu sự ra đời, các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa giúp chúng ta tìm ra những nội dung cụ thể, hình thức, bước đi và những điều kiện cơ bản để xây dựng cách mạng xã hội chủ nghĩa, giai đoạn thấp của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Đây là vấn đề có ý nghĩa to lớn đối với sự xây dựng mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội trong thời kỳ quá độ đi lên cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Nó góp phần củng cố lòng tin vào con đường xã hội chủ nghĩa mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn.

MỤC ĐÍCH YÊU CẦU CẦN NẮM VỮNG

1. Nắm vững khái niệm hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa cùng các giai đoạn phát triển của nó.
2. Hiểu những đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa nói chung và những đặc điểm xã hội mà nhân dân ta xây dựng.
3. Nắm được tính tất yếu nội dung và đặc điểm của thời kỳ quá độ.
4. Nắm được đặc điểm nội dung cơ bản của thời kỳ quá độ ở Việt Nam.

NỘI DUNG

3.1. HÌNH THÁI KINH TẾ XÃ HỘI CỘNG SẢN CHỦ NGHĨA

3.1.1. Khái niệm hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa

Triết học Mác Lênin đã chỉ rõ: "Hình thái kinh tế xã hội là một phạm trù cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử dùng để chỉ xã hội ở từng giai đoạn lịch sử nhất định với một kiểu quan hệ sản xuất đặc trưng cho xã hội đó phù hợp với một trình độ nhất định của lực lượng sản xuất và với một kiến trúc thượng tầng tương ứng được xây dựng trên những quan hệ sản xuất ấy". Sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử tự nhiên.

Chủ nghĩa duy vật lịch sử cũng chỉ rõ quá trình phát triển từ thấp đến cao của các hình thái kinh tế - xã hội tất yếu dẫn tới sự ra đời của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Trên cơ sở đó ta có khái niệm hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa như sau: hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa là một phạm trù chỉ xã hội ở giai đoạn phát triển cao nhất trong lịch sử phát triển của xã hội loài người. Trong đó quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, kiến trúc thượng tầng được xây dựng thể hiện ý chí quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Khái niệm chỉ rõ, đây là xã hội phát triển cao nhất trong lịch sử. Đó là hình thái kinh tế - xã hội có các yếu tố luôn phù hợp và tác động nhau cùng phát triển, là xã hội không còn nguồn gốc áp bức, bóc lột, con người được tự do, bình đẳng.

3.1.2. Các điều kiện cơ bản của sự ra đời hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa

Trên cơ sở phân tích mô tả hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa Mác đã dự báo hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa được hình thành từ chủ nghĩa tư bản, là kết quả tác động của giai cấp công nhân hiện đại.

3.1.2.1. Những điều kiện cơ bản của sự ra đời hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa

Khi xã hội loài người phát triển đến hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa, những điều kiện kinh tế - xã hội đã được chuẩn bị đầy đủ nhất để cho ra đời hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Thứ nhất, lực lượng sản xuất đã phát triển mạnh, dưới chủ nghĩa tư bản đã tạo ra lực lượng sản xuất lớn hơn, đồ sộ hơn lực lượng sản xuất mà nhân loại đã tạo ra được trước đó nhưng quan hệ sản xuất vẫn không đổi, vẫn dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất. Mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất đã đạt đến trình độ xã hội hóa với quan hệ sản xuất dựa trên chế độ tư nhân về tư liệu sản xuất tất yếu dẫn đến yêu cầu là phải xóa bỏ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa xây dựng quan hệ sản xuất mới tiến bộ hơn.

Thứ hai, Từ mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất được biểu hiện về mặt xã hội là mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân với giai cấp tư sản trong chủ nghĩa tư bản. Mâu thuẫn trên phát triển ngày càng gay gắt cùng với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản. Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân từ tự phát đến tự giác, nhằm vào mục tiêu giành chính quyền nhà nước. Phong trào công nhân dẫn đến sự ra đời tất yếu của Đảng cộng sản khi nó kết hợp được với chủ nghĩa Mác. Giai cấp tư sản dùng nhiều thủ đoạn nhằm xoa dịu mâu thuẫn, chống phá phong trào công nhân, nhưng mâu thuẫn trên không thể điều hòa được, nó chỉ được giải quyết khi tư liệu sản xuất thành của chung xã hội, thông qua cách mạng xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản.

Thứ ba, Với sự phát triển phi thường của lực lượng sản xuất nhưng do bản chất và mục đích của giai cấp tư sản dẫn tới một loạt mâu thuẫn:

Con người ngày càng chinh phục tự nhiên bao nhiêu thì tình trạng áp bức bóc lột, bất công ngày càng được mở rộng bấy nhiêu. Sự phát triển về kinh tế kỹ thuật ngày càng được

đẩy mạnh thì sự suy đồi về đạo đức ngày càng tăng bấy nhiêu, Sự giàu có thừa thãi của số ít người đối lập với số đông lao động cực khổ. Mong muốn điều chỉnh, thích nghi quan hệ sản xuất không làm cho mâu thuẫn với lực lượng sản xuất giảm đi mà khoét sâu thêm mâu thuẫn đó.

Từ những điều kiện trên chỉ rõ sự ra đời của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa là một tất yếu. Tuy nhiên các nhà kinh điển đã lưu ý.

Không ảo tưởng vào sự tự sụp đổ của chủ nghĩa tư bản. Giai cấp tư sản kiên quyết bảo vệ đến cùng chế độ tư bản bằng mọi biện pháp do đó giai cấp công nhân phải tiến hành cách mạng xã hội. Đồng thời Mác Ăng ghen cũng kiên quyết chống lại khuynh hướng cách mạng phiêu lưu không tính đến điều kiện hiện thực không chuẩn bị lực lượng.

3.1.2.2. Những điều kiện cơ bản của sự ra đời hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa ở các nước tư bản chủ nghĩa trung bình và các nước chưa qua chủ nghĩa tư bản

Từ lý luận "bỏ qua" trong sự phát triển của các hình thái kinh tế xã hội của Mác, vận dụng trong thời đại ngày nay Lênin đã chỉ rõ những nước tư bản phát triển trung bình và những nước chưa qua chủ nghĩa tư bản vẫn có đủ điều kiện đi lên chủ nghĩa xã hội. Đó là loại hình "đặc biệt" và "đặc biệt của đặc biệt". Tuy nhiên những nước này phải thỏa mãn các điều kiện sau:

Một là, khi chủ nghĩa đế quốc xuất hiện đưa tới những mâu thuẫn mới. Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản. Mâu thuẫn chủ nghĩa đế quốc với các quốc gia dân tộc bị xâm lược và đô hộ. Mâu thuẫn giữa các đế quốc với nhau. Đặc biệt ở các nước nông nghiệp lạc hậu là thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc còn có mâu thuẫn: giai cấp nông dân với địa chủ, tư sản với nông dân chưa được giải quyết (giai cấp công nhân và tư sản chưa hình thành đáng kể), lại xuất hiện mâu thuẫn mới một bên là tư bản, đế quốc xâm lược cùng bè lũ tai sai phong kiến, một bên là toàn thể dân tộc gồm công nhân, nông dân, trí thức, tiểu thương, tiểu chủ, mất tự do. Giải quyết mâu thuẫn trên giai cấp công nhân và nhân dân lao động sẽ giành chính quyền Nhà nước, tạo điều kiện để phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa .

Hai là, do tác động của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, đặc biệt là luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin... làm thức tỉnh nhiều dân tộc, đẩy lên phong trào yêu nước giải phóng dân tộc. Dưới tác động của yếu tố thời đại, kết hợp với phong trào công nhân tất yếu hình thành Đảng chính trị lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng để lãnh đạo các dân tộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Tính đặc thù bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa để đi lên chủ nghĩa xã hội ở những nước nông nghiệp lạc hậu chưa qua chủ nghĩa tư bản nằm trong quy luật chúng là quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.

Tuy nhiên, cũng cần phê phán hai khuynh hướng:

- **Một là**, cứ để cho các nước trải qua chủ nghĩa tư bản đầy đủ rồi tự nó sẽ chuyển hóa lên chủ nghĩa cộng sản không cần đấu tranh giai cấp (đó là tư tưởng cơ hội, hữu khuynh) .

- **Hai là**, bằng ý muốn chủ quan, duy ý chí, tả khuynh bất chấp quy luật khách quan muốn có ngay cách mạng xã hội chủ nghĩa và chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản (đó là tư tưởng tả khuynh) thực chất là kéo dài sự phát triển của lịch sử.

3.1.3. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong sự phân kỳ hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa

3.1.3.1. Quan điểm của Mác và Ăng ghen

Mác và Ăng ghen chỉ rõ sự phát triển của lịch sử rất phức tạp và đầy mâu thuẫn không thể quy về lý luận mà xem nhẹ cơ sở thực tế của nó. Từ đó các ông đi đến kết luận: chủ nghĩa cộng sản là một phong trào hiện thực nhằm thủ tiêu trạng thái hiện tồn. Nó là nấc thang cao nhất trong phong trào cách mạng theo đuổi mục tiêu tốt đẹp nhờ những phương tiện thực tiễn. Các ông đã căn cứ vào sự phát triển cụ thể của lực lượng sản xuất và sự tồn tại của quan hệ sản xuất, các ông đã chia lịch sử loài người thành các hình thái kinh tế - xã hội, các hình thái kinh tế xã hội thành các giai đoạn phát triển, các giai đoạn phát triển lại có các thời đoạn phát triển. Trên cơ sở đó Mác và Ăng ghen chia hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa thành hai giai đoạn.

Giai đoạn thấp còn gọi là chủ nghĩa xã hội:

Đây là giai đoạn giai cấp công nhân trở thành giai cấp thống trị. Sự phát triển của chế độ kinh tế và văn hóa mới đạt đến giới hạn nguyên tắc "làm theo năng lực, hưởng theo lao động".

Giai đoạn cao gọi là chủ nghĩa cộng sản:

Con người không còn phụ thuộc phiếu diện vào sự phân công lao động. Lao động trở thành phương tiện, nhu cầu của con người. Sự phát triển phi thường của lực lượng tạo ra năng suất lao động cao cho phép thực hiện nguyên tắc "Làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu" ...

Giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa là một thời kỳ cải cách mạng từ xã hội nọ sang xã hội kia... là một thời kỳ quá độ chính trị mà công cụ cải biến đó là chuyên chính vô sản. Mác gọi đó là con dao để kéo dài để loại bỏ dần những cái cũ, xây dựng dần những cái mới, tạo ra tiền đề vật chất và tinh thần để hình thành xã hội cao hơn.

3.1.3.2. Quan điểm của Lênin

Lênin diễn đạt tư tưởng của Mác trong tác phẩm "Chủ nghĩa Mác về vấn đề nhà nước" để xác định vị trí của thời kỳ quá độ.

- I. Những con dao để kéo dài (thời kỳ quá độ).
- II. Giai đoạn đầu của xã hội cộng sản chủ nghĩa.
- III. Giai đoạn cao của xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Người chỉ vì thời kỳ quá độ không chỉ làm nhiệm vụ của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội qui định, mà còn phải làm cả nhiệm vụ của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội quy định, mà còn phải làm cả nhiệm vụ mà đáng ra giai cấp tư sản phải làm trước đó. Lênin kết luận cần có một thời kỳ quá độ khá lâu dài từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là tất yếu.

Kế thừa, phát triển quan điểm của Mác, tổng kết thực tiễn thế giới, Lênin đã chỉ rõ các kiểu quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Kiểu quá độ trực tiếp ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển cao, giai cấp công nhân đã trưởng thành mới đủ điều kiện tiên đề đi lên chủ nghĩa xã hội.

Kiểu quá độ gián tiếp ở những nước nông nghiệp lạc hậu đi lên chủ nghĩa xã hội. Những nước này phải thỏa mãn điều kiện bên trong và bên ngoài. Điều kiện bên trong phải có Đảng cách mạng chân chính lãnh đạo, vai trò tích cực của nhà nước chuyên chính vô sản trong quản lý, tính tích cực, tự giác của quần chúng nhân dân. Bên ngoài phải có sự giúp đỡ quốc tế. Tuy nhiên Lênin nhấn mạnh những nước nông nghiệp lạc hậu đi lên chủ nghĩa xã hội phải trải qua những bước trung gian, những hình thức quá độ. Đó là quá trình lâu dài, gian khổ, phức tạp, đồng thời phải tìm ra hình thức quá độ cho phù hợp.

Tóm lại, hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa bắt đầu từ thời kỳ quá độ cho đến khi xây dựng xong giai đoạn cao của chủ nghĩa cộng sản. Hình thức quá độ dù là trực tiếp hay gián tiếp cũng đều nằm trong quy luật và xu hướng tất yếu của lịch sử nhân loại trong thời đại ngày nay.

3.2. NHỮNG ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA XÃ HỘI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Dựa trên quan niệm của Mác, Ăng ghen và Lênin, dựa vào thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội có thể nêu lên đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa như sau:

3.2.1. Cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội là nền sản xuất công nghiệp hiện đại

Theo quan điểm của các nhà kinh điển của chủ nghĩa xã hội mỗi chế độ xã hội đều dựa trên một cơ sở vật chất tương ứng: công cụ thủ công, năng suất lao động kém là cơ sở vật chất của xã hội tiền tư bản, đại công nghiệp cơ khí là cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa tư bản.

Trên cơ sở phủ định của phủ định thì đại công nghiệp phát triển và hoàn thiện trên một trình độ mới là cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Tùy theo loại hình các nước đi lên chủ nghĩa xã hội mà có những hình thức, biện pháp, công việc cụ thể phải tiến hành.

3.2.2. Xã hội xã hội chủ nghĩa đã xóa bỏ chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa, thiết lập chế độ công hữu về những tư liệu sản xuất chủ yếu

Trong tuyên ngôn Đảng cộng sản, Mác Ăng ghen đã khẳng định thủ tiêu chế độ tư hữu là nhiệm vụ tổng quát của giai cấp công nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tổng quát của gia cấp công nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ lịch sử của mình. Tuy nhiên đặc

trung của chủ nghĩa xã hội không phải là thủ tiêu chế độ tư hữu nói chung mà là xóa bỏ chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa. Đây là cơ sở nô dịch áp bức đa số nhân dân lao động, cơ sở của tình trạng bất bình đẳng trong xã hội. Chế độ công hữu về tư liệu sản xuất là cơ sở nô dịch áp bức đa số nhân dân lao động, cơ sở của tình trạng bất bình đẳng trong xã hội. Chế độ công hữu về tư liệu sản xuất là cơ sở của sự bình đẳng giữa các giai cấp trong chủ nghĩa xã hội.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, do điều kiện lịch sử vẫn còn tồn tại nhiều quan hệ sản xuất tương ứng với nó là các thành phần kinh tế. Điều đó chỉ rõ vẫn còn quan hệ cụ thể có những quan hệ bóc lột cụ thể nhưng nó không phải là chế độ xã hội.

3.2.3. Xã hội xã hội chủ nghĩa tạo ra cách tổ chức lao động và kỷ luật lao động mới

Xây dựng chủ nghĩa xã hội là một quá trình tự giác của quần chúng. Chính vì vậy các nhà kinh điển quan tâm và coi trọng tổ chức và kỷ luật lao động để khắc phục tan rã của sự tha hóa lao động. Đồng thời với quá trình đó xây dựng thái độ lao động mới phù hợp với địa vị làm chủ. Các ông cho đó là điều để dẫn tới chủ nghĩa xã hội. Do vậy, kỷ luật lao động mới cũng có đặc trưng mới: vừa chịu sự tác động của pháp luật, pháp chế vừa có tính tự giác trên cơ sở tổ chức khoa học.

3.2.4. Xã hội xã hội chủ nghĩa thực hiện nguyên tắc này vì lực lượng sản xuất chưa phát triển cao, của cải vật chất chưa dồi dào.

Theo nguyên tắc này số lượng, chất chưa dồi dào. Theo nguyên tắc này số lượng, chất lượng, hiệu quả của người lao động cung cấp cho xã hội được tính bằng sản phẩm tiêu dùng ngang giá trị ngoài khoản đóng góp cho xã hội và phúc lợi xã hội.

3.2.5. Nhà nước xã hội chủ nghĩa mang bản chất giai cấp công nhân tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc, thực hiện quyền lực và lợi ích của nhân dân

Các nhà kinh điển đã đề cập tới nhà nước chuyên chính vô sản khi chỉ rõ bản chất, chức năng, nhiệm vụ của nhà nước đó. Thực chất của chuyên chính vô sản là sự lãnh đạo của Đảng cộng sản với nhà nước và toàn xã hội nhằm bảo vệ và phát triển dân chủ, đảm bảo quyền lực thuộc về nhân dân.

3.2.6. Xã hội xã hội chủ nghĩa là chế độ giải phóng con người thoát khỏi áp bức bóc lột, thực hiện công bằng, tiến bộ xã hội, tạo những điều kiện cơ bản để con người phát triển toàn diện.

Mục tiêu cao nhất của chủ nghĩa xã hội là hướng tới giải phóng con người. Nhờ vào việc xóa bỏ chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa, chủ nghĩa xã hội giải phóng lực lượng sản xuất, phát triển sản xuất mới cho phép thực hiện từng bước giải phóng con người. Chủ nghĩa xã hội xóa bỏ những tai họa lớn của loài người để con người phát triển toàn diện.

3.3. THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

3.3.1. Nhận thức rõ hơn về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Trung thành với chủ nghĩa Mác Lênin, vận dụng và phát triển sáng tạo ở Việt Nam, Đảng và Hồ Chí Minh chỉ rõ mục tiêu của cách mạng Việt Nam là giành độc lập dân tộc và tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Từ thực tiễn của cách mạng sau năm 1954 đất nước tạm chia làm hai miền với những nhiệm vụ chiến lược khác nhau: cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Miền Nam, cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Miền Bắc. Miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội với đặc điểm nổi bật là từ nền sản xuất nhỏ, nông nghiệp lạc hậu. Miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội rơi vào các loại hình "đặc biệt của đặc biệt" đó là nét sáng tạo. Từ 1954 - 1975 miền Bắc thật sự xứng đáng là hậu phương lớn cho tiền tuyến lớn, có vai trò quyết định đến toàn bộ hai nhiệm vụ chiến lược.

Từ 1975 - 1985 vận dụng việc "Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở những nước tiểu nông chúng ta đã đạt được những thành tựu khảng định những thắng lợi bước đầu nhưng cũng mắc những sai trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đó là từ nguyên nhân nóng vội, chủ quan, duy ý chí, tả khuynh, hữu khuynh... dẫn đến khủng hoảng kinh tế, xã hội.

Năm 1986, Đại hội của Đảng đánh dấu công cuộc đổi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội. Sau 20 năm đổi mới chúng ta đã đạt được những thành tựu quan trọng, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng tạo đà cho đất nước phát triển trong giai đoạn mới.

Chúng ta đã chỉ rõ hơn về " thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội" tức là bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa: Bỏ qua nhưng phải tôn trọng lịch sử - tự nhiên, tính tuần tự không chủ quan, nóng vội. Bỏ qua những khâu trung gian những hình thái quá độ, không bỏ quan nền sản xuất hàng hóa. Bỏ qua nhưng phải kế thừa, sử dụng chủ nghĩa tư bản nhà nước. Bỏ qua lực lượng sản xuất nhưng không lặp lại quá trình sản xuất tư bản chủ nghĩa vừa rút ngắn quá trình ấy. Bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa với tư cách nó giữ vai trò thống trị xã hội chứ không xóa sạch các hình thức kinh tế tư bản chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ.

3.3.2. Những đặc trưng cơ bản của "xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam"

Đó là một xã hội:

- Do nhân dân lao động làm chủ
- Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu.
- Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bắt công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện.

- Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ.
- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

3.3.3. Phương hướng - nhiệm vụ cơ bản trong thời kỳ quá độ

Phương hướng, nhiệm vụ cơ bản trong thời kỳ quá độ được Đảng ta nêu rõ trong cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và được bổ sung, cụ thể hóa sau các đại hội VIII, IX của Đảng. Có 7 phương hướng sau:

Thứ nhất, xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; lấy liên minh giữa giai cấp công nhân, nông dân và trí thức làm nền tảng đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản. ...

Thứ hai, Phát triển lực lượng sản xuất, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là nhiệm vụ trung tâm...

Thứ ba, phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất. Từng bước thiết lập quan hệ sản xuất. Đa dạng hóa các hình thức sở hữu. Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy nguyên tắc phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế làm nguyên tắc chủ đạo...

Thứ tư, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng văn hóa, làm cho chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần.

Thứ năm, Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, củng cố và mở rộng mặt trận Tổ quốc Việt Nam... thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình, hợp tác, hữu nghị, bình đẳng và cùng có lợi với các nước các tổ chức quốc tế.

Thứ sáu, Thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa...

Thứ bảy, thường xuyên xây dựng chính đôn Đảng theo phương châm: phát triển kinh tế là trọng tâm, xây dựng, chính đôn Đảng là theo chốt... để Đảng ngang tầm với nhiệm vụ.

3.4. KẾT LUẬN

Nghiên cứu về xã hội xã hội chủ nghĩa cho chúng ta một cách nhìn tổng thể về hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Thấy được những đặc trưng về xã hội xã hội chủ nghĩa với những biểu hiện tốt đẹp của nó. Đồng thời chúng ta cũng thấy được tính chất lâu dài, gian khổ, phức tạp của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở một nước nông nghiệp lạc hậu. Qua đó cũng giúp chúng ta xác định được những công việc phải tiến hành trong giai đoạn tới để thực hiện con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta lựa chọn.

CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Phân tích những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin về sự phân kỳ hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Câu 2: Nêu rõ những đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa và đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Câu 3: Đảng cộng sản Việt Nam đã vận dụng những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam như thế nào?



HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH ĐIỆN THOẠI
Km10 Đường Nguyễn Trãi
Tel: (04) 5541221; Fax: (04) 5540587
Webs/le: <http://www.c-ptit.edu.vn>; E-mail: dhkc@ptit.edu.vn

CHƯƠNG 4: SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

GIỚI THIỆU CHUNG

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là điểm xuất phát, là phạm trù cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học. Việc phát hiện ra sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân được coi là một trong những phát kiến vĩ đại nhất của Mác. Khi đề cập đến vấn đề này V.Lênin đã từng khẳng định: "Điểm chú ý trong học thuyết của Mác là ở chỗ nó làm sáng tỏ vai trò lịch sử thế giới của giai cấp vô sản là xây dựng chủ nghĩa xã hội".

Đây là nội dung quan trọng về lý luận và có nghĩa quan trọng về thực tiễn trong việc xây dựng đội ngũ giai cấp công nhân Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CẦN NẮM

1. Hiểu rõ khái niệm giai cấp công nhân và phương pháp xem xét giai cấp công nhân hiện nay.
2. Nắm được nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân nói chung và giai cấp công nhân Việt Nam nói riêng.
3. Hiểu những điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân nói chung và giai cấp công nhân Việt Nam nói riêng.
4. Thấy được quy luật hình thành Đảng Cộng sản và quan hệ giữa Đảng và giai cấp.
5. Thấy được phương hướng phát triển giai cấp công nhân Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

NỘI DUNG

4.1. KHÁI NIỆM GIAI CẤP CÔNG NHÂN

Trong quá trình trình bày về giai cấp công nhân trong chủ nghĩa tư bản. Mác và Ăng ghen đã dùng nhiều thuật ngữ đồng nghĩa như: giai cấp công nhân, giai cấp vô sản, giai cấp xã hội hoàn toàn chỉ dựa vào việc bán sức lao động của mình, giai cấp lao động làm thuê ở thế kỷ XIX, giai cấp công nhân hiện đại... để chỉ giai cấp công nhân. Đó là con đẻ của đại công

ng nghiệp tư bản chủ nghĩa, đại biểu cho phương thức sản xuất tiên tiến. Giai cấp công nhân có hai tiêu chí cơ bản sau:

Một là, Về phương thức lao động, phương thức sản xuất.

Chỉ rõ: Đó là những người lao động trong nền sản xuất vật chất có tính chất công nghệ ngày càng hiện đại và có tính chất hóa cao. Họ trực tiếp hay gián tiếp vận hành công cụ sản xuất tạo ra của cải vật chất. Mác ăng ghen nhấn mạnh tiêu chí công nhân công nghiệp công xưởng, bộ phận tiêu biểu cho giai cấp công nhân.

Rõ ràng phương thức lao động của giai cấp công nhân khác giai cấp nông dân (nông dân sản xuất công cụ thủ công - trình độ cá nhân). Công nhân cũng khác trí thức (tính chất lao động bằng trí óc, sản phẩm là các giá trị tinh thần).

Hai là, về vị trí trong quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa . Giai cấp công nhân không có tư liệu sản xuất , phải bán sức lao động cho giai cấp tư sản, bị bóc lột giá trị thặng dư. Họ là những người tự do những người bán sức lao động để kiếm sống.

Từ hai tiêu chí cơ bản trên giúp chúng ta phương pháp luận để đi nghiên cứu giai cấp công nhân hiện đại. Diện mạo giai cấp công nhân hiện đại không còn như Mác mô tả ở thế kỷ XIX vì:

Sự phát triển của lực lượng sản xuất hiện nay đã vượt ra trình độ văn minh trước đây, sự xã hội hóa và phân công lao động mới. Cơ cấu giai cấp công nhân cũng có sự thay đổi: Bên cạnh công nhân của nền công nghiệp cơ khí đã có công nhân của nền công nghiệp tự động hóa. Bên cạnh công nghiệp hiện đại xuất hiện loại ngành dịch vụ công nghiệp nhưng không làm giảm vị trí của giai cấp công nhân đối với xã hội.

Xu hướng trí thức hóa công nhân tăng nhưng không làm thay đổi bản chất đối với họ, công nhân vẫn bị bóc lột. Công nhân có tài sản có cổ phần nhưng vẫn là giai cấp làm thuê, bị bóc lột theo chiều sâu.

Như vậy giai cấp công nhân hiện nay hoạt động ở các ngành nghề hết sức khác nhau, trình độ cũng rất khác nhau. Có thể coi công nhân làm việc trong các ngành công nghiệp, dịch vụ công nghiệp là công nhân, giai cấp công nhân. Những người lao động trong các ngành y tế, giáo dục, văn hóa, dịch vụ không liên quan đến công nghiệp là những người lao động nói chung, mặc dù được thu hút vào các nghiệp đoàn lao động nhưng không phải là công nhân.

Mác - Ăng-ghen chỉ rõ khi cách mạng vô sản thành công, giai cấp công nhân trở thành giai cấp cầm quyền, không còn bị áp bức bóc lột. Lúc đó, họ trở thành giai cấp lãnh đạo nhân dân xây dựng xã hội mới.

Lưu ý: Hiểu giai cấp công nhân trong thời kỳ quá độ. Giai cấp công nhân được đặc trưng bởi tiêu chí thứ nhất. Với tiêu chí thứ hai cần thấy một bộ phận làm thuê trong các doanh nghiệp tư nhân, có vốn đầu tư nước ngoài, nếu xét ở góc độ giai cấp họ cùng giai cấp công nhân là người làm chủ, xét về mặt cá nhân họ vẫn bị bóc lột. Khi gọi: giai cấp vô sản là

muốn nhấn mạnh tiêu chí sở hữu, khi gọi: giai cấp công nhân nhấn mạnh tiêu chí 1: nghề nghiệp.

Từ phân tích trên có thể định nghĩa giai cấp công nhân theo SGK trang 83 (từ dòng 2 đến dòng 17).

4.2. NỘI DUNG VÀ ĐIỀU KIỆN KHÁCH QUAN QUY ĐỊNH SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

4.2.1. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

Nội dung khái quát:

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là xóa bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa, xóa bỏ chế độ người bóc lột người, giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn thể nhân loại khỏi mọi sự áp bức, bóc lột, nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa văn minh.

Nội dung thực chất:

Về kinh tế: Xóa bỏ chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất xây dựng chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, nâng cao năng suất lao động, đáp ứng với nhu cầu ngày càng phát triển của xã hội. Nội dung trên chỉ ra mục tiêu cuối cùng của giai cấp công nhân, nhưng phải được tiến hành từng bước.

Về chính trị: Đập tan Nhà nước tư sản, thiết lập Nhà nước chuyên chính vô sản. Thực hiện và đảm bảo quyền lực thuộc về nhân dân.

Về xã hội: Xóa bỏ giai cấp bóc lột, tiến tới xóa bỏ giai cấp nói chung, tạo ra sự bình đẳng trong công hiến và hưởng thụ.

Tóm lại: Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân bao gồm 4 sự nghiệp giải phóng: giải phóng giai cấp, dân tộc, người lao động và con người. Sứ mệnh lịch sử phải được thực hiện trên phạm vi toàn thế giới. Thực hiện nội dung phải kiên trì, không nóng vội, phải chia làm nhiều giai đoạn, thời kỳ.

4.2.2. Những điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

Trong Tuyên ngôn Đảng cộng sản Mác và Ăng-ghe-n đã phân tích những điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

Một là, giai cấp công nhân, con đẻ của nền sản xuất công nghiệp hiện đại, được nền công nghiệp hiện đại rèn luyện, tổ chức lại thành một lực lượng xã hội hùng mạnh.

Có thể thấy điều kiện này ở các khía cạnh sau:

- Là con đẻ của đại công nghiệp: Đại Công nghiệp làm phá hàng loạt những người sản xuất nhỏ, bổ xung lực lượng cho giai cấp công nhân. Đại công nghiệp phát triển sẽ thu hút lực lượng lao động xã hội tạo thành tập đoàn người lao động công nghiệp. Yêu cầu sản xuất công nghiệp rèn luyện người lao động ở tác phong, kỷ luật, trình độ...Giai cấp công nhân gắn liền

Chương 4: Sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

với sản xuất vật chất đi liền với nền công nghiệp hiện đại kể cả trong nền kinh tế tri thức vì lao động sẽ làm xuất hiện công nhân trí thức hòa trộn trong một người lao động. Kể cả "Hậu công nghiệp" vẫn không bỏ qua trình độ công nghiệp, vẫn gắn với công nhân.

- Giai cấp công nhân bị áp bức bóc lột nặng nề, là giai cấp đối kháng trực tiếp với giai cấp tư sản.

Không nắm tư liệu sản xuất chủ yếu, giai cấp công nhân mất quyền làm chủ quá trình tổ chức lao động xã hội, phân phối sản phẩm xã hội.

Giai cấp công nhân bị bần cùng hóa so với giai cấp tư sản về khoảng cách thu nhập, hưởng thụ vật chất. Vì không có tư hữu nên giai cấp công nhân có khả năng xây dựng một xã hội hoàn toàn mới chứ không cải biến chút ít như giai cấp tư sản đã làm.

- Trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa giai cấp công nhân là lực lượng sản xuất, đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến. Do vậy đây là bộ phận đông nhất, cách mạng nhất và quyết định nhất.

Hai là, địa vị kinh tế - xã hội khách quan còn tạo ra khả năng cho giai cấp công nhân trở thành giai cấp triệt để cách mạng nhất có khả năng đoàn kết các giai cấp khác, đi đầu trong cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản.

- Giai cấp công nhân có khả năng đoàn kết toàn bộ giai cấp vì: Có lợi ích cơ bản thống nhất với nhau, cùng tồn tại trong điều kiện, môi trường như nhau. Họ cũng bị toàn bộ giai cấp tư sản trong nước và quốc tế.

- Giai cấp công nhân có lý luận Cách mạng và khoa học dẫn đường đó là chủ nghĩa Mác - Lênin. Điều đó làm cho giai cấp giác ngộ hơn, tinh thần Cách mạng, ý thức tổ chức kỷ luật cao hơn các giai cấp tầng lớp khác trong xã hội. Chủ nghĩa Mác - Lênin cũng giúp họ khả năng hoạt động đấu tranh để đạt được mục tiêu.

- Giai cấp công nhân có khả năng đoàn kết các giai cấp khác (chủ yếu là các giai cấp tầng lớp cùng bị thống trị với chủ nghĩa tư bản) vì họ có lợi ích kinh tế cơ bản phù hợp với nhau. Sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân phù hợp với nhu cầu nguyện vọng của các giai cấp khác.

Tóm lại: Do địa vị kinh tế - xã hội của giai cấp công nhân tạo nên cho giai cấp công nhân trở thành một giai cấp có địa vị hơn hẳn các giai cấp, tầng lớp khác, làm cho nó trở thành giai cấp tiên tiến trong chủ nghĩa tư bản. Những đặc điểm đó tạo thành bản chất Cách mạng của giai cấp công nhân, là cơ sở để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình.

Cần phê phán các quan điểm sau:

- Quan điểm giai cấp công nhân đã "teo đi", tan biến vào các giai cấp tầng lớp khác do vậy sứ mệnh lịch sử cũng mất đi. Quan điểm trên sai vì: số lượng của giai cấp có thay đổi nhưng chất lượng không đổi. Giai cấp công nhân có tài sản nhưng mâu thuẫn với giai cấp tư

sản không mất đi mà trở nên sâu sắc. Giai cấp công nhân vẫn đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến. Giai cấp công nhân có một bộ phận được trung lưu hóa có cổ phần nhưng vẫn là giai cấp cách mạng. Chủ nghĩa Mác không quan niệm một giai cấp lãnh đạo cách mạng là giai cấp nghèo khổ nhất.

- Quan điểm cho rằng: Quan niệm của Mác về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trước kia là đúng nhưng sang nền "kinh tế tri thức" không còn phù hợp. Do đó sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân chuyển sang cho tầng lớp tri thức.

Tri thức có vai trò quan trọng trong mọi thời đại, nhưng tri thức không thể lãnh đạo được cách mạng, không còn sứ mệnh lịch sử như giai cấp công nhân vì:

Tri thức không bao giờ là lực lượng xã hội thuần nhất, họ không phải là giai cấp. Không liên hệ với bất kỳ hình thức sở hữu nào, cũng không đại diện cho bất kỳ một phương thức sản xuất nào. Họ không đối lập về kinh tế trước bất kỳ gia cấp - tầng lớp nào. Tri thức không có lợi ích đối kháng trực tiếp với tư sản, họ không có hệ tư tưởng riêng. Phương thức lao động là cá nhân ít liên kết.

- Có quan điểm cho rằng: nông dân có sứ mệnh lịch sử như công nhân. Không vì: Họ là người lao động nhưng có tính tư hữu, không có hệ tư tưởng độc lập.

4.3. NHỮNG NHÂN TỐ CHỦ QUAN, ĐẶC BIỆT LÀ VAI TRÒ CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

Bên cạnh điều kiện khách quan thì nhân tố chủ quan có ý nghĩa quyết định đối với việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Những nhân tố chủ quan đó là:

4.3.1. Bản thân giai cấp công nhân

Ra đời cùng với phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, giai cấp công nhân từng bước trưởng thành về số lượng và chất lượng.

Về số lượng:

Chẳng những tăng ở tất cả các nước, mà còn đa dạng hơn về cơ cấu với nhiều ngành nghề khác nhau. Theo tổ chức lao động quốc tế đầu thế kỷ XX có 80 triệu đến 1998 có 800 triệu và ngày càng tiếp tục tăng.

Về chất lượng:

Đây là yếu tố quyết định đảm bảo thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử. Bản thân giai cấp công nhân luôn có sự nâng cao về học vấn, về khoa học công nghệ, tay nghề. Từ hoạt động kinh tế, đến hình thức đấu tranh kinh tế, đấu tranh tư tưởng, từng bước hoạt động chính trị và đấu tranh chính trị. Sự giác ngộ giai cấp đã dẫn tới hình thành chính đảng tiên phong. Bản thân giai cấp công nhân đã trở thành cơ sở xã hội, nhân tố xã hội quan trọng nhất của Đảng Cộng sản.

4.3.2. Tính tất yếu, quy luật hình thành và phát triển đảng của giai cấp công nhân

Quy luật chung của sự hình thành Đảng của giai cấp công nhân là sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác Lênin với phong trào công nhân.

Phong trào công nhân là cơ sở xã hội, nhân tố xã hội của Đảng. Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân diễn ra dưới nhiều hình thức, thể hiện bước tiến của phong trào: Từ đấu tranh kinh tế, đấu tranh tư tưởng đến đấu tranh chính trị. Phong trào công nhân chỉ phát triển lên hình thức chính trị (hình thức đấu tranh mang tính tự giác) khi tiếp thu được lý luận khoa học - lý luận chủ nghĩa Mác Lênin với trình độ lý luận khoa học cho phép giai cấp công nhân thấy được vị trí, vai trò của giai cấp trong xã hội, mục tiêu, con đường, biện pháp giải phóng giai cấp và toàn nhân loại. Phong trào công nhân phát triển nhanh hay chậm để đạt đến trình độ tự giác phụ thuộc vào việc chủ nghĩa Mác Lênin truyền bá như thế nào? truyền bá đến đâu.

Chủ nghĩa Mác Lênin mang bản chất cách mạng và khoa học, lấy lợi ích giai cấp làm mục đích chính. Phản ánh phong trào công nhân, nhận thấy vai trò sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Chủ nghĩa Mác Lênin có xu hướng đi vào phong trào công nhân, đóng vai trò dẫn đường.

Sự kết hợp phong trào công nhân và chủ nghĩa Mác Lênin là sự kết hợp lực lượng vật chất với lực lượng tinh thần tiên tiến đưa đến sự hình thành Đảng giai cấp công nhân.

Quy luật phát triển Đảng theo nguyên tắc Mác xít Lênin nít với các quy luật tập trung dân chủ, thiểu số phục tùng đa số, lãnh đạo tập thể cá nhân phụ trách, phê bình và tự phê bình.

Hồ Chí Minh đã chỉ rõ quy luật hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam là sự kết hợp giữa phong trào công nhân, phong trào yêu nước với chủ nghĩa Mác Lênin.

4.3.3. Môi quan hệ giữa Đảng Cộng sản với giai cấp công nhân

Trong lịch sử đấu tranh giai cấp, bất cứ giai cấp lãnh đạo nào cũng phải tổ chức ra chính đảng của mình. Bất cứ chính đảng nào cũng mang tính chất giai cấp, thể hiện: Là tổ chức cao nhất của giai cấp đại biểu cho trí tuệ và lợi ích toàn giai cấp.

Với Đảng cộng sản tính chất giai cấp thể hiện: Đảng đại biểu cho trí tuệ lợi ích giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc. Điều cốt lõi nhất phải lấy chủ nghĩa Mác Lênin làm nền tảng tư tưởng. Đảng phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định và sáng suốt. Phải có đường lối chiến lược, sách lược đúng.

Quan hệ giữa Đảng cộng sản và giai cấp. Đó là quan hệ hữu cơ không thể tách rời. Những Đảng viên của Đảng phải có giác ngộ về giai cấp: nhận thức về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, đứng trên lập trường giai cấp để nhận thức và hành động. Đảng viên có thể không là công nhân.

Sự lãnh đạo của Đảng là sự lãnh đạo của giai cấp. Đảng và giai cấp là thống nhất, nhưng Đảng có trình độ, lý luận và trình độ tổ chức cao nhất để lãnh đạo giai cấp, lãnh đạo dân tộc

(không nên lẫn lộn giữa Đảng và giai cấp). Đảng đem giác ngộ cho giai cấp, sức mạnh cho giai cấp, đoàn kết giai cấp và đường lối chiến lược, sách lược cho giai cấp. Để hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình giai cấp công nhân phải tự vươn lên, mỗi công nhân phải thường xuyên phấn đấu.

4.4. SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM

4.4.1. Đặc điểm cơ bản của giai cấp công nhân Việt Nam

Vài nét khái quát về giai cấp công nhân Việt Nam.

Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời muộn hơn giai cấp công nhân quốc tế là sản phẩm của công nghiệp chế biến và khai thác.

Ra đời trong cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp(1897 - 1914). Sinh ra và lớn lên ở một nước thuộc địa nửa phong kiến nên Giai cấp công nhân Việt Nam phát triển chậm chạp. Mặc dù số lượng ít (1% dân số trước 1930) Giai cấp công nhân nhanh chóng vươn lên lãnh đạo cách mạng Việt Nam, được dân tộc thừa nhận suốt 76 năm lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Đặc điểm cơ bản (điều kiện thực hiện vai trò lãnh đạo cách mạng: (Sách giáo trình Bộ giáo dục và đào tạo trang 91 - 92) tóm tắt:

1. Giai cấp công nhân Việt Nam sinh ra trong lòng một dân tộc có truyền thống đấu tranh bất khuất chống giặc ngoại xâm.
2. Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời và từng bước trưởng thành trong không khí sục sôi của một loạt phong trào yêu nước và các cuộc khởi nghĩa chống thực dân Pháp.
3. Ra đời, trưởng thành vào lúc phong trào cộng sản và công nhân quốc tế phát triển mạnh, cách mạng tháng Mười Nga thành công, nhà yêu nước Nguyễn Ái Quốc trên con đường tìm đến với chủ nghĩa Mác Lênin.
4. Giai cấp công nhân Việt Nam, mà tuyệt đại bộ phận xuất thân từ nông dân và những tầng lớp lao động khác...

Thực tiễn lịch sử Việt Nam chỉ rõ: giai cấp công nhân ra đời chưa bao lâu, ngay cả khi chưa có Đảng ra đời đã tổ chức nhiều cuộc đấu tranh tự phát chống thực dân Pháp, đó là phong trào từ 1922 đến 1929. Khi Đảng cộng sản Việt Nam ra đời, lãnh đạo. Vai trò của Giai cấp công nhân Việt Nam đã thể hiện trên thực tế: lãnh đạo nhân dân Việt Nam đạt được những thành tựu to lớn trong thế kỷ XX.

4.4.2. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam

Trước hết phải lãnh đạo cuộc cách mạng đó thông qua đội tiên phong của mình giành chính quyền, thiết lập nền chuyên chính nhân dân. Trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa: giai cấp công nhân từng bước lãnh đạo nhân dân xây dựng, giải phóng nhân dân lao động khỏi mọi áp bức, bóc lột, bất công.

4.4.3. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời với việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

Đảng cộng sản Việt Nam là sản phẩm của sự kết hợp giữa phong trào yêu nước với phong trào công nhân và chủ nghĩa Mác Lênin.

Từ khi thành lập Đảng đã đem đến yếu tố tự giác và phong trào công nhân làm cho phong trào công nhân có bước nhảy vọt về chất.

Giai cấp công nhân Việt Nam lãnh đạo cách mạng Việt Nam thông qua Đảng Cộng sản do vậy: nói đến Giai cấp công nhân lãnh đạo là nói đến toàn bộ giai cấp chứ không phải một nhóm người, từng người.

Tuy nhiên để lãnh đạo, giai cấp công nhân phải có một lực lượng, tổ chức tiêu biểu cho quyền lợi giai cấp đó là Đảng Cộng sản. Đảng viên dù xuất thân từ thành phần xã hội nào cũng phải đứng trên lập trường giai cấp công nhân. Thể hiện: Phải thực hiện lý tưởng của giai cấp công nhân, lấy chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng. Họ đấu tranh vì lợi ích giai cấp, lợi ích nhân dân và cả dân tộc.

Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo cách mạng Việt Nam hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, hiện nay đang lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa - nhiệm vụ khó khăn và phức tạp. Trong bối cảnh hiện nay giai cấp công nhân Việt Nam phải khắc phục những khuyết điểm thường xuyên tự đổi mới nâng cao năng lực lãnh đạo toàn diện đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ mới.

Giai cấp công nhân Việt Nam bao gồm những người lao động trí óc và chân tay trong các ngành công nghiệp - dịch vụ công nghiệp, thuộc doanh nghiệp Nhà nước, hợp tác xã, khu vực tư nhân, trong doanh nghiệp hợp tác liên doanh với nước ngoài. Theo số liệu điều tra của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam có (1999 - 2000): số lượng 10,2 triệu, trình độ học vấn trung học phổ thông 62, trung học cơ sở 28%, tiểu học 5%, không biết chữ 0.25%... Trình độ nghề: Bậc 1: 6,7%, bậc 2: 9,4%, bậc 3: 16,6%, bậc 4: 12,7%, bậc 5: 11,1%, bậc 6: 6%, bậc 7: 2,38%. Các thành phần kinh tế thừa khoảng 17% lao động không có tay nghề, riêng doanh nghiệp Nhà nước thừa 30%. Nghịch lý giữa đào tạo và sử dụng: 76% công nhân được điều tra không làm việc phù hợp với ngành nghề đào tạo.

Từ Nghị quyết Đại hội IX của Đảng (trang 95 - 96 từ dòng 18 - 26) chỉ rõ những việc phải làm hiện nay để phát triển về số lượng và chất lượng giai cấp công nhân đó là:

Tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng làm cho giai cấp công nhân kiên định với con đường chủ nghĩa xã hội đã lựa chọn. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng với giai cấp công nhân. Giải quyết đời sống và việc làm cho giai cấp công nhân trong điều kiện mới: tạo việc làm, chính sách trợ cấp thất nghiệp... Đổi mới phương thức lãnh đạo đối với giai cấp công nhân. Bồi dưỡng trình độ mọi mặt cho giai cấp công nhân. Xây dựng, đổi mới phương thức hoạt động của tổ chức công đoàn.

4.5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân giúp chúng ta cơ sở lý luận để hiểu đầy đủ về khái niệm, vai trò sự mệnh lịch sử điều kiện để thực hiện sự mệnh lịch sử đó. Qua đây chúng ta cũng thấy được tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân đối với quá trình thực hiện sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Nghiên cứu chương này cũng là cơ sở lý luận để chúng ta giải quyết những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam: như vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, giai cấp công nhân Việt Nam, điều kiện và yêu cầu để giai cấp công nhân Việt Nam thực hiện nhiệm vụ lịch sử của mình.

CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Phân tích khái niệm giai cấp công nhân

Câu 2: Những quan điểm cơ bản của các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin về điều kiện khách quan quy định sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

Câu 3: Phân tích nội dung sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

Câu 4: Phân tích các quan điểm của Lê nin và Hồ Chí Minh về điều kiện thành lập Đảng Cộng sản và mối quan hệ giữa Đảng với giai cấp công nhân.

Câu 5: Phân tích những điều kiện giai cấp công nhân Việt Nam làm tròn sự mệnh lịch sử của mình đối với Cách mạng Việt Nam.

Câu 6: Trong bối cảnh hiện nay giai cấp công nhân phải làm gì để đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ mới?

CHƯƠNG 5: CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

GIỚI THIỆU CHUNG

Để thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình giai cấp công nhân phải tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nghiên cứu vấn đề này giúp chúng ta hiểu được nguyên nhân, điều kiện, nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa, cũng như tính liên tục của quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa nhằm thực hiện nhiệm vụ của giai cấp công nhân. Qua đó giúp chúng ta cơ sở lý luận để đẩy mạnh quá trình đổi mới xây dựng đất nước theo con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa.

MỤC ĐÍCH YÊU CẦU CẦN NẮM VỮNG

1. Bản chất của cách mạng xã hội chủ nghĩa.
2. Mục tiêu, động lực và nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa
3. Lý luận cách mạng không ngừng của chủ nghĩa Mác Lênin.
4. Sự vận dụng vào cách mạng Việt Nam.

NỘI DUNG

5.1. CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA - QUY LUẬT PHỔ BIẾN CỦA QUÁ TRÌNH CHUYỂN BIẾN TỪ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

5.1.1. Cách mạng xã hội chủ nghĩa và nguyên nhân của nó

5.1.1.1. Quan niệm về cách mạng xã hội chủ nghĩa

Theo nghĩa hẹp: Cách mạng xã hội chủ nghĩa được hiểu là một cuộc cách mạng chính trị được kết thúc bằng việc giai cấp công nhân cùng với nhân dân lao động giành được chính quyền, thiết lập nên nhà nước chuyên chính vô sản - nhà nước của giai cấp công nhân và quần chúng nhân dân.

Theo nghĩa rộng:

Cách mạng xã hội chủ nghĩa là quá trình cải biến một cách toàn diện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội từ kinh tế, chính trị và văn hóa, tư tưởng ... để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Theo nghĩa này: Cách mạng xã hội chủ nghĩa bao gồm cả việc giành chính quyền về tay giai cấp công nhân, nhân dân lao động và cả quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội tới khi xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Rõ ràng, hiểu về cách mạng xã hội chủ nghĩa là cuộc cách mạng do giai cấp công nhân và nhân dân lao động tiến hành. Giai cấp công nhân vừa là lực lượng lãnh đạo, vừa là động lực của Cách mạng. Mục đích của cuộc Cách mạng nhằm thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

5.1.1.2. Nguyên nhân của Cách mạng xã hội chủ nghĩa

Đã nghiên cứu ở "điều kiện ra đời hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa " cần lưu ý. Tất cả các cuộc Cách mạng xã hội đều bắt nguồn từ nhu cầu giải phóng lực lượng sản xuất. Cách mạng xã hội chủ nghĩa mở ra từ chính phương thức sản xuất Tư bản chủ nghĩa khi lực lượng sản xuất đã phát triển tới trình độ xã hội hóa mâu thuẫn với quan hệ sản xuất đã phát triển tới trình độ xã hội hóa mâu thuẫn với quan hệ sản xuất dựa trên chế độ chiếm hữu tư liệu sản xuất (sở hữu tư bản chủ nghĩa). Mâu thuẫn trên trở thành mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Tư bản chủ nghĩa . Để lực lượng sản xuất phát triển yêu cầu phải thay thế quan hệ sản xuất Tư bản chủ nghĩa bằng một quan hệ sản xuất tiến bộ hơn. Chừng nào còn quan hệ sản xuất dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân tư liệu sản xuất chừng đó còn nguyên nhân nổ ra Cách mạng xã hội chủ nghĩa .

5.1.2. Điều kiện của cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa

5.1.2.1. Điều kiện khách quan của cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa

Từ nguyên nhân của Cách mạng xã hội chủ nghĩa phát triển cao mới có điều kiện khách quan của Cách mạng xã hội chủ nghĩa .

Với sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất trong chủ nghĩa tư bản đã trở thành tình trạng quá lớn, quá mạnh với quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa , quan hệ sản xuất trở thành lực cản sự phát triển của lực lượng sản xuất. Chỉ khi lực lượng sản xuất mang tính xã hội hóa cao mới làm nảy sinh nhu cầu xóa bỏ chế độ chiếm hữu tư bản chủ nghĩa, lúc xuất hiện đại công nghiệp và giai cấp công nhân hiện đại. Đây là xuất phát điểm để Cách mạng xã hội chủ nghĩa nổ ra, nó làm cho chủ nghĩa xã hội mang tính hiện thực.

Chủ nghĩa tư bản làm nảy sinh nhân tố phủ định chính nó. Mỗi bước tiến của chủ nghĩa tư bản càng làm chín muồi thêm những điều kiện vật chất cho sự ra đời của chủ nghĩa xã hội. Nhân tố suy đến cùng quyết định sự phát triển của xã hội là khoa học kỹ thuật cũng chứa đựng đầy mâu thuẫn: Để tăng lợi nhuận, giai cấp tư sản phải sử dụng khoa học công nghệ, sử dụng nó lại tăng thêm mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. Khoa học thường bị hướng vào mục đích phi nhân đạo: tăng cường sự bóc lột, chiến tranh xâm lược, làm biến dạng môi trường sinh thái... làm tăng những mâu thuẫn trong chủ nghĩa tư bản.

Tất cả mâu thuẫn trên đòi hỏi phải thay thế quan hệ sản xuất mới tiến bộ hơn.

5.1.2.2. Điều kiện chủ quan của cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa

Điều kiện chủ quan có ý nghĩa quyết định nhất của Cách mạng xã hội chủ nghĩa là sự trưởng thành về chính trị của giai cấp công nhân, sự ra đời chính Đảng của giai cấp công nhân, sự liên minh các giai cấp, tầng lớp đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Giai cấp công nhân là bộ phận quan trọng nhất trong lực lượng sản xuất mang tính xã hội hóa cao. Do không có tư liệu sản xuất, bị bóc lột sức lao động nên có nhu cầu giành chính quyền để nắm tư liệu sản xuất. Phong trào đấu tranh của công nhân phát triển từ khi chủ nghĩa tư bản ra đời từ tự phát lên tự giác khi tiếp cận được với chủ nghĩa Mác - Lênin. Dẫn tới sự ra đời của chính Đảng. Đánh dấu việc nhận thức về sứ mệnh lịch sử của mình. Đảng Cộng sản nhân tố quyết định thắng lợi sự nghiệp đấu tranh của giai cấp công nhân. Bằng hoạt động của mình, với mục đích của mình Đảng tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của giai cấp nông dân, nhân dân lao động để tạo nên liên minh các giai cấp các tầng lớp khác tạo nên động lực của Cách mạng.

Tóm lại, khi điều kiện khách quan chín muồi, điều kiện chủ quan hội tụ đủ thì cách mạng xã hội chủ nghĩa diễn ra.

5.1.3. Tiến trình của cách mạng xã hội chủ nghĩa

Cách mạng xã hội chủ nghĩa bao gồm 2 tiến trình:

Giai đoạn thứ nhất: Là giai cấp vô sản tự xây dựng thành giai cấp thống trị, giành lấy dân chủ, muốn vậy phải giành chính quyền đó là mục tiêu trực tiếp của giai cấp công nhân. Thực hiện mục tiêu đó cần phải có tình thế Cách mạng.

Tình thế Cách mạng xuất hiện khi giai cấp thống trị không thể duy trì ách thống trị như cũ được nữa, nổi cùng khổ và quần bách của quần chúng trở nên nặng nề hơn mức bình thường, tính tích cực của quần chúng nâng cao rõ rệt, giai cấp lãnh đạo đã đủ năng lực lãnh đạo.

Tình thế Cách mạng phát triển và phải xuất hiện thời cơ Cách mạng. Thời cơ Cách mạng có 2 yếu tố: Bên trong mỗi nước, là thời điểm giai cấp thống trị tỏ ra lung lay nhất, mâu thuẫn nội bộ cao nhất, chúng hoang mang nhất trước sự lớn mạnh của phong trào đấu tranh của quần chúng. Lực lượng Cách mạng sẵn sàng nhất để hành động cho cuộc quyết chiến giành chính quyền. Ở bên ngoài điều kiện quốc tế thuận lợi nhất.

Khi thời cơ Cách mạng xuất hiện giai cấp lãnh đạo phải chớp thời cơ phát động khởi nghĩa đúng lúc. Nếu sớm quá, sẽ tạo nên khó khăn cho Cách mạng, nếu chậm trễ mất thời cơ sẽ có sai lầm với lịch sử. Đó là điểm lưu ý của giai cấp Cách mạng.

Với bản chất của chủ nghĩa tư bản, Cách mạng xã hội chủ nghĩa phải được xây dựng và sử dụng bạo lực cách mạng gồm 2 lực lượng: Chính trị và vũ trang, cũng như 2 hình thức đấu tranh chính trị và vũ trang, sử dụng kết hợp cả 2 hình thức đó.

Giai đoạn 2: Giai cấp công nhân sử dụng chính quyền dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, tập hợp, vận động, tổ chức nhân dân cải tạo xã hội cũ xây dựng xã hội mới trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Đó là một quá trình lâu dài, gian khổ, phức tạp phải có hình thức bước đi phù hợp. Giai cấp công nhân phải cải tạo chính mình và cải tạo các giai cấp tầng lớp khác trong quá trình này.

5.2. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ ĐỘNG LỰC CỦA CUỘC CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

5.2.1. Mục tiêu của cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa

Khi tiến hành Cách mạng tư sản, giai cấp tư sản đã nêu tư tưởng tự do - bình đẳng - bác ái. Khi Cách mạng thành công, tư tưởng đó không được giai cấp tư sản thực hiện đầy đủ. Kết quả mà cuộc Cách mạng tư sản đem lại là: tình trạng con người (người lao động bị áp bức, bóc lột nặng nề hơn; Phân hóa giai cấp sâu sắc dẫn tới xung đột giai cấp, dân tộc phát triển; quan hệ gắn bó giữa người với người bị biến dạng. Tôn giáo bị lợi dụng vì mục đích chính trị...

Mác - Ăng-ghe-n đã khắc phục tư tưởng của chủ nghĩa xã hội không tưởng, khẳng định mục tiêu của Cách mạng xã hội chủ nghĩa là: Giải phóng giai cấp bị áp bức bóc lột, giải phóng các dân tộc bị nô dịch, giải phóng xã hội khỏi sự trì trệ để tiếp tục phát triển trên con đường văn minh, tiến bộ. Thực chất xã hội chủ nghĩa mà Mác - Ăng-ghe-n áp dụng là một thể liên hiệp trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện tự do của tất cả mọi người.

Mục tiêu đó được chia làm 2 giai đoạn:

Giai đoạn thứ nhất, là giành chính quyền về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Giai đoạn thứ hai: Mục tiêu là xóa bỏ chế độ người bóc lột người, phát triển sản xuất nhằm đưa lại đời sống ấm no cho toàn dân.

5.2.2. Nội dung của cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa

Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa tạo nên sự thay đổi toàn diện, triệt để và sâu sắc trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Trên lĩnh vực chính trị:

Nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, đập tan chính quyền của giai cấp tư sản thiết lập chính quyền của dân, vì dân. Vì vấn đề cơ bản của mọi cuộc Cách mạng là vấn đề chính quyền Nhà nước. G giành chính quyền về tay nhân dân là đưa nhân dân lên vị trí làm chủ. Sau khi có chính quyền phải xây dựng nền dân chủ hình thức, khắc phục hạn chế tự do tư tưởng, đồng thời nâng cao ý thức dân chủ của nhân dân. Mục tiêu nhằm tạo tiền đề chính trị đưa xã hội sang một trạng thái mới.

Trên lĩnh vực kinh tế:

Xóa bỏ chế độ chiếm hữu tư nhân tư liệu sản xuất thay đổi vị trí người lao động trong hệ thống sản xuất xã hội. Cụ thể xóa bỏ sở hữu tư bản chủ nghĩa, xây dựng chế độ công hữu tư liệu sản xuất với các hình thức phù hợp. Thay đổi vị trí người lao động từ làm thuê sang làm chủ để kết hợp tốt tư liệu sản xuất và người lao động, cải thiện điều kiện làm việc, điều kiện sinh sống của người lao động.

Phát triển lực lượng sản xuất, tăng năng suất lao động. Mục tiêu của việc làm này là nhằm thỏa mãn nhu cầu chính đáng của người lao động. Thu hút quần chúng tham gia lao động sáng tạo. Đưa ra quan niệm mới về thang giá trị: căn cứ vào số lượng, chất lượng của người lao động đóng góp cho xã hội. Rõ ràng ở lĩnh vực kinh tế mục tiêu của Cách mạng xã hội là tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật và môi trường kinh tế rộng lớn, thuận lợi để người lao động sáng tạo.

Trên lĩnh vực văn hóa:

Cách mạng xã hội chủ nghĩa tạo nên sự thay đổi phong phú và nội dung sinh hoạt tư tưởng hướng tới sự phát triển sáng tạo. Cụ thể: Xóa bỏ sự độc quyền chiếm hữu phương tiện sáng tác, tư liệu sáng tác của giai cấp bóc lột. Đưa nhân dân vào vị trí làm chủ sáng tạo các giá trị văn hóa tinh thần cho xã hội. Kế thừa, nâng cao các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Từng bước xây dựng văn hóa mới theo lập trường của giai cấp công nhân nhằm giải phóng người lao động về mặt tinh thần.

5.2.3. Động lực của Cách mạng xã hội chủ nghĩa

Cách mạng xã hội chủ nghĩa nhằm giải phóng người lao động và do chính nhân dân lao động tiến hành, nhưng tùy thuộc vào điều kiện kinh tế - xã hội quy định mà vị trí của họ có khác nhau.

Giai cấp công nhân:

Là động lực và là lực lượng lãnh đạo Cách mạng do giai cấp này: đại biểu cho phương thức sản xuất mới, có hệ tư tưởng độc lập là chủ nghĩa Mác - Lênin, đại biểu cho lợi ích người lao động. Thực chất cách mạng xã hội chủ nghĩa là tổ chức một xã hội mới của những người lao động dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua chính Đảng - Đội tiên phong của giai cấp.

Giai cấp nông dân:

Sự tham gia của giai cấp nông dân vào tiến trình Cách mạng có ý nghĩa quan trọng đối với việc thực hiện hóa vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân. Do: Trong Cách mạng xã hội chủ nghĩa nông dân được đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng giải phóng. Xã hội mới được xây dựng phù hợp với lợi ích của nhân dân, họ được cải thiện đời sống vật chất tinh thần. Mặt khác họ được ảnh hưởng tích cực từ tư tưởng và hành động cách mạng của giai cấp công nhân nên họ càng tin và theo cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Tầng lớp trí thức:

Tầng lớp này không là lực lượng lãnh đạo cách mạng, nhưng họ đại diện cho trí tuệ của đất nước. Họ có nhiều khả năng tiếp cận thành tựu khoa học hiện đại. Đây là lực lượng không thể thiếu được của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Vì: Nếu giành chính quyền từ tay giai cấp tư sản mà các vị trí chủ chốt đều do người có học "điều hành, do vậy thành công hay thất bại của cách mạng phụ thuộc rất lớn vào việc giai cấp công nhân có thu hút được trí thức theo Cách mạng hay không? Trong xây dựng chủ nghĩa xã hội vai trò của đội ngũ trí thức ngày càng cần thiết nhất là trong thời đại cách mạng khoa học công nghệ.

Tóm lại, Cách mạng xã hội chủ nghĩa phù hợp với nhu cầu phát triển xã hội nên đã kết hợp được mọi lực lượng tạo thành động lực của Cách mạng.

5.3. LÝ LUẬN CÁCH MẠNG KHÔNG NGỪNG CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VÀ SỰ VẬN DỤNG Ở VIỆT NAM

5.3.1. Lý luận Cách mạng không ngừng của Mác và Ăng-ghe-n

Hoàn cảnh lịch sử: chủ nghĩa tư bản đang phát triển mạnh, giai cấp tư sản đang đóng vai trò tiến bộ. Giai cấp công nhân còn nhỏ bé, đang trong quá trình tập hợp lực lượng. Cách mạng xã hội chưa đặt ra một cách trực tiếp.

Nội dung tư tưởng:

Mác xem cách mạng xã hội chủ nghĩa như một quá trình bao gồm 2 giai đoạn: Giành chính quyền ở giai đoạn thứ nhất rồi tiến đến mục tiêu cuối cùng. Mác - Ăng-ghe-n đặt hy vọng vào sự bùng nổ đồng loạt cách mạng xã hội chủ nghĩa ở những nước tư bản chủ nghĩa phát triển. Hai ông bỏ qua những nước tư bản chủ nghĩa phát triển mức độ trung bình, các ông coi đó là một bộ phận của cách mạng vô sản. Các ông chỉ rõ khi giai cấp công nhân chưa đủ mạnh phải tích cực chủ động tham gia vào cách mạng dân chủ do giai cấp tư sản lãnh đạo. Tức là kết hợp giữa phong trào công nhân với phong trào nông dân và lực lượng tư sản chống phong kiến để lịch sử phát triển cao hơn, để giành dân chủ. Tuy nhiên giai cấp công nhân phải chủ động phát triển lực lượng, độc lập về đường lối mục tiêu của mình. Đấu tranh giành dân chủ phải đặt trong xu hướng tiến tới cách mạng xã hội chủ nghĩa. Các ông khẳng định cách mạng tư sản chỉ là mục tiêu trước mắt, cách mạng xã hội chủ nghĩa là mục tiêu cần hướng tới.

Lênin phát triển tư tưởng của Mác Ăng-ghe-n:

Điều kiện lịch sử ở giai đoạn Lênin có sự thay đổi: Chủ nghĩa Đế quốc xuất hiện, bộc lộ đầy đủ bản chất xấu xa của nó. Giai cấp công nhân đã phát triển. Phân tích tình hình nước Nga cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX chỉ rõ: Nước Nga là nơi tập trung mẫu thuẫn, là khâu yếu nhất trong dây chuyền của chủ nghĩa đế quốc. Trong lòng nước Nga Đế quốc - phong kiến - Quân phiệt cùng lúc xuất hiện hai tiền đề của cách mạng tư sản và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Xuất hiện nhiều lực lượng đấu tranh: Giai cấp công nhân đấu tranh vì tự do, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Giai cấp nông dân đấu tranh đòi ruộng đất dân sinh, dân chủ, nhân dân đấu

tranh đòi chấm dứt chiến tranh, các dân tộc đấu tranh vì đòi độc lập. Nguyên vọng chung của các phong trào là hòa bình - dân chủ - dân sinh.

Nội dung tư tưởng: Phải tiến hành một cuộc cách mạng triệt để rồi chuyển biến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa. Cụ thể;

Cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới phải do giai cấp công nhân lãnh đạo. Vì sự vận động của lịch sử nước Nga đặt ra nội dung có sự phát triển: cách mạng dân chủ tư sản ở Nga mang tính chất nhân dân sâu sắc, có những dấu hiệu vô sản. Nó còn do yếu tố thời đại chi phối giai cấp tư sản mất vai trò lịch sử, giai cấp công nhân là lực lượng kiên quyết nhất vì mục tiêu dân chủ cách mạng xã hội chủ nghĩa. Giai cấp tư sản vừa và nhỏ có tinh thần dân chủ nhưng lừng khừng kết hợp với phong kiến chống lại phong trào cách mạng. Giai cấp nông dân là lực lượng cấp tiến nhất vì mục tiêu của họ gắn liền với việc thủ tiêu triệt để giai cấp phong kiến.

Lênin chỉ rõ: Cách mạng dân chủ phải được tiến hành triệt để rồi chuyển ngay vào cách mạng xã hội chủ nghĩa. Hai cuộc cách mạng này nối tiếp nhau, có quan hệ biện chứng, giữa chúng không có bức tường thành ngăn cách: Nhân tố dân chủ được định hướng xã hội chủ nghĩa, nhân tố xã hội chủ nghĩa đặt trên mảnh đất dân chủ.

Theo Lênin việc chuyển biến cách mạng ngay từ cách mạng dân chủ tư sản lên cách mạng xã hội chủ nghĩa phải có ba điều kiện:

Một là, phải tăng cường lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua chính đảng của nó (vừa củng cố vừa tăng cường trong suốt quá trình cách mạng).

Hai là, Củng cố, phát triển khối liên minh công nhân và nông dân.

Ba là, Chuyên chính công nông được thay thế bằng chuyên chính vô sản.

5.3.2. Sự chuyển biến từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân lên cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt nam

5.3.2.1. Tính tất yếu của cách mạng dân chủ nhân dân ở Việt Nam

Sau năm 1858 thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, xã hội Việt Nam chuyển về tính chất từ một nước phong kiến sang một nước thuộc địa nửa phong kiến. "Cứu nước, giải phóng dân tộc" là đề tài bao trùm của người Việt Nam lúc đó. Phong trào "Cần vương" không thành công vì cứu nước giải phóng dân tộc theo hệ tư tưởng phong kiến. Cụ Phan Chu Trinh, Nguyễn Thái Học, Phong trào cứu nước của Phan Bội Châu hoặc tiểu tư sản nhằm cứu nước, giải phóng dân tộc phát triển đất nước theo con đường chủ nghĩa tư bản. Các phong trào đó tỏ ra không đáp ứng được yêu cầu dân tộc dân chủ cho nhân dân lao động, tỏ ra bất cập với thời đại.

Yêu cầu dân tộc dân chủ của nhân dân lúc đó vượt khỏi phạm vi dân chủ tư sản, yêu cầu phải giải quyết theo một đường lối cách mạng triệt để, yêu cầu đó thể hiện ở nguyện vọng của quần chúng nhân dân. Giai cấp công nhân bị ba tầng áp bức bóc lột: đế quốc, tư sản, địa chủ

nên nổi uất hận về dân tộc mất nước, nổi cực khổ của giai cấp lại bị áp bức, bóc lột nên sớm hình thành ý thức dân tộc và ý thức giai cấp. Lúc đầu họ đấu tranh tự phát, sau đó đảng lãnh đạo nên họ đấu tranh tự giác, đó là nguyên nhân khiến họ không chịu đấu tranh dưới ngọn cờ của giai cấp tư sản.

Giai cấp nông dân bị phân hóa do đặt dưới chế độ thống trị của thực dân và phong kiến. Một bộ phận mất tư liệu sản xuất, trở thành vô sản, đa số còn lại cực khổ. Nhưng do đặc thù của Việt Nam nên, một mặt họ bị thực dân Pháp chèn ép, mặt khác bị cản trở bởi thế lực phong kiến nên họ đứng trước hai kẻ thù: thực dân và phong kiến. Gắn bó hơn nữa nguyện vọng của nông dân vào vận mệnh tổ quốc họ có nguyện vọng giải phóng dân tộc, giành tư liệu sản xuất. Nguyện vọng đó vượt khỏi cương lĩnh tư sản - gắn với lập trường của giai cấp công nhân.

Bộ phận tiểu tư sản, học sinh trí thức hình thành vì sự phát triển của thành thị. Họ là những người có trình độ để nhận thức về giá trị truyền thống, tiếp thu tiến bộ từ bên ngoài vào. Ngay từ đầu họ đã tham gia phong trào đấu tranh cho độc lập dân tộc, dân chủ và hướng tới chủ nghĩa xã hội.

Rõ ràng, trong xã hội Việt Nam lúc thực dân Pháp xâm lược yêu cầu dân tộc - dân chủ của công nhân, nông dân - tiểu tư sản chiếm đại đa số dân Việt Nam đã theo con đường tự thân mà hướng tới chủ nghĩa xã hội.

Đảng và Hồ Chí Minh nhận rõ nhu cầu khách quan của lịch sử khẳng định đúng quá trình phát triển của lịch sử là đi tới chủ nghĩa xã hội. Với việc chuẩn bị tích cực về chính trị, tư tưởng, tổ chức cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Hồ Chí Minh là người chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối của cách mạng Việt Nam, đưa cách mạng Việt Nam vào con đường cách mạng vô sản.

5.3.2.2. Tính tất yếu chuyển biến từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân lên cách mạng xã hội chủ nghĩa

Ngay từ văn kiện thành lập Đảng đã chỉ rõ: "Cách mạng Việt Nam làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản".

Thực tiễn lịch sử cách mạng chỉ rõ điều đó.

Sau khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam lần 2, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân có đặc trưng kết hợp vừa kháng chiến, vừa kiến quốc, với đường lối kháng chiến đúng đắn chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn. Trong kháng chiến lực lượng của ta từ yếu thành mạnh, với sự giúp đỡ quốc tế ta đã tạo nên chiến thắng Điện Biên, giải phóng Miền Bắc, tiến tới giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước.

Thành tựu trong kiến quốc: Xây dựng nền kinh tế có nhân tố xã hội xây dựng cùng cố chính quyền nhân dân, thực hiện thiết chế chính trị dân chủ kiểu mới, nền văn hóa mới.

Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đã tạo tiền đề, điều kiện vật chất tinh thần để Việt Nam bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Sự lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa

đã đặt cách mạng Việt Nam vào dòng chảy liên tục của cách mạng, phù hợp với xu thế phát triển của xã hội loài người.

Trong xây dựng chủ nghĩa chúng ta có những sai lầm, khuyết điểm, nhưng từ đại hội VI của Đảng với đường lối đổi mới chúng ta đã có hướng đi đúng đắn hơn. Qua các kỳ đại hội VII, VIII, IX con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng rõ nét hơn.

Với những gì chúng ta đạt được cũng như những khuyết điểm sai lầm đã mắc phải, trong quá trình đổi mới cho phép chúng ta khẳng định Việt Nam có đủ điều kiện về chính trị, kinh tế, tiềm năng để đi lên chủ nghĩa xã hội.

5.4. KẾT LUẬN

Nghiên cứu về cách mạng xã hội giúp chúng ta hiểu được bản chất tốt đẹp của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa thông qua những mục tiêu hướng tới của cuộc cách mạng này. Đồng thời nó giúp chúng ta hiểu về nội dung phải tiến hành của cách mạng xã hội chủ nghĩa để huy động các lực lượng xã hội tạo thành động lực của cách mạng. Nghiên cứu vấn đề này giúp chúng ta cơ sở lý luận để hiểu về con đường xã hội chủ nghĩa đã và đang diễn ra ở Việt Nam, cùng những khó khăn, thử thách đang đòi hỏi chúng ta giải quyết bằng những hình thức, biện pháp phù hợp để hướng tới xã hội văn minh, giàu đẹp.

CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Phân tích những nguyên nhân, điều kiện khách quan, chủ quan của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Câu 2: Mục tiêu và động lực của Cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Câu 3: Phân tích nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Câu 4: Nội dung cơ bản của lý luận "Cách mạng không ngừng" của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Câu 5: Sự vận dụng lý luận "cách mạng không ngừng" của Chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam được thể hiện như thế nào?

CHƯƠNG 6: THỜI ĐẠI NGÀY NAY

GIỚI THIỆU CHUNG

Việc nhận thức về khoa học và thời đại chúng ta đang sống, về nội dung và đặc điểm của nó, về những lực lượng cơ bản của thời đại, về những mâu thuẫn, những khuynh hướng cũng như triển vọng của thời đại có một vị trí đặc biệt quan trọng với chúng ta hiện nay. Chỉ trên cơ sở nhận thức đúng về thời đại mới có điều kiện hình thành đường lối chiến lược cách mạng đúng đắn của giai cấp công nhân trong khuôn khổ mỗi nước riêng biệt cũng như trên phạm vi toàn thế giới. Nghiên cứu những vấn đề về thời đại trong giai đoạn hiện nay giúp chúng ta nâng cao hơn nữa bản lĩnh chính trị để đối phó với mọi diễn biến phức tạp của tình hình thế giới hiện nay.

MỤC ĐÍCH YÊU CẦU CẦN NẮM VỮNG

1. Nắm được khái niệm, nội dung tính chất đặc điểm của thời đại.
2. Hiểu được sự vận dụng của Đảng ta về thời đại trong việc định ra đường lối cách mạng.

NỘI DUNG

6.1. KHÁI NIỆM VỀ THỜI ĐẠI VÀ THỜI ĐẠI NGÀY NAY

Từ khi chủ nghĩa Mác ra đời, xã hội học thật sự trở thành một khoa học, các môn khoa học nhân văn mới hình thành tiêu chuẩn khách quan để xác định thời đại.

6.1.1. Quan niệm về thời đại và cơ sở phân chia thời đại lịch sử

6.1.1.1. Quan niệm về thời đại

Thời đại là một khái niệm khoa học dùng để phân kỳ lịch sử xã hội, phân biệt những nấc thang phát triển của xã hội loài người.

Mỗi ngành khoa học khác nhau có những tiêu chí phân chia thời đại khác nhau. Ở góc độ bộ môn thời đại được đề cập ở góc độ triết học - chính trị - xã hội. Thời đại được hiểu là khoảng thời gian tương đối dài. Trong khoảng thời gian đó có sự thay đổi phương hướng phát triển chính. Ở mỗi thời đại sẽ có và sẽ còn những phong trào phát triển cá biệt, cục bộ khi tiến, khi lùi. Sẽ có và sẽ còn những thiên hướng phát triển khác nhau chệch khỏi phong trào

chung và nhịp độ của phong trào. Điều đó chỉ rõ thời đại không chỉ là lát cắt thời gian, nó còn là tổng số của các sự kiện khác nhau.

6.1.1.2. Cơ sở phân chia thời đại lịch sử

Cơ sở thứ nhất là sự xuất hiện một hình thái kinh tế - xã hội cao hơn thay cho hình thái kinh tế - xã hội là nội dung cấu thành nên thời đại nó là điều kiện vật chất khách qua của thời đại. Còn thời đại là thời kỳ lịch sử có sự hình thành, phát triển và bắt đầu ngụt tri của hình thái kinh tế - xã hội tiến bộ khi vẫn còn hình thái kinh tế xã hội thấp hơn tồn tại. Rõ ràng thời đại bao gồm hai quá trình: hình thái kinh tế - xã hội cao hơn xuất hiện, sự tan rã của hình thái kinh tế - xã hội thấp hơn trên phạm vi thế giới.

Cơ sở thứ hai dựa vào sự thay đổi vị trí trung tâm của các giai cấp trong xã hội.

Sự thay thế hình thái kinh tế - xã hội cao hơn cho một hình thái kinh tế xã hội thấp hơn không những diễn ra theo quy luật khách quan mà còn phải thông qua hoạt động chủ quan của các giai cấp và những lực lượng cách mạng. Trong xã hội có giai cấp và đối kháng giai cấp, mỗi hình thái kinh tế - xã hội cụ thể có một giai cấp giữ vai trò thống trị, đứng ở vị trí trung tâm của thời đại, là động lực chủ yếu quyết định xu hướng phát triển chính của thời đại. Giai cấp đứng ở vị trí trung tâm của thời đại phải có điều kiện: đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến, có hệ tư tưởng độc lập.

6.1.2. Thời đại ngày nay và các giai đoạn của nó

6.1.2.1. Thời đại ngày nay người ta dùng nhiều thuật ngữ đồng nghĩa khác nhau như thời đại chúng ta, thời đại mới

Mác Ăng ghen dựa vào phân tích các sự kiện lịch sử từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX xem đó là thời đại của chủ nghĩa tư bản. Khi giai cấp tư sản đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến, là giai cấp đứng ở vị trí trung tâm của thời đại: xóa bỏ quan hệ sản xuất phong kiến, xây dựng quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản vào các thế kỷ XIX đã đẩy mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất lên cao. Giai cấp tư sản không còn đóng vai trò tiến bộ cách mạng nữa, một giai cấp mới xuất hiện - giai cấp công nhân đứng ở vị trí trung tâm của thời đại mới.

Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 mở đầu một thời đại mới trong lịch sử nhân loại vì các nguyên nhân sau:

Thứ nhất, cách mạng tháng Mười Nga là thắng lợi của học thuyết Mác Lênin, khẳng định tính cách mạng và khoa học: chủ nghĩa xã hội từ lý luận trở thành thực tiễn. Đã xuất hiện hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa cái phủ định hình thái kinh tế xã hội tư bản chủ nghĩa.

Thứ hai, Cách mạng tháng Mười Nga mở đầu chiều hướng phát triển chủ yếu, trực tuyến suốt lịch sử nhân loại là xóa bỏ trật tự tư bản chủ nghĩa, thiết lập và từng bước xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi thế giới.

Thứ ba, Sau cách mạng tháng Mười Nga hệ thống xã hội chủ nghĩa, phong trào công sản và công nhân quốc tế trở thành lực lượng nòng cốt, đi đầu trong cuộc đấu tranh vì hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội trên phạm vi toàn thế giới.

Thứ tư, Sau cách mạng tháng Mười Nga, cách mạng giải phóng dân tộc nằm trong phạm trù cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhiều nước sau khi giành độc lập dân tộc đã đi theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Sự vận động của lịch sử là rất quanh co, phức tạp. Sự tồn tại và phát triển của chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội trong thế kỷ XX chỉ rõ: Đặc điểm của thời kỳ quá độ là sự chuyển hóa từ xã hội cũ sang xã hội mới bằng đấu tranh cách mạng. Chủ nghĩa tư bản chưa bị đánh đổ hoàn toàn, chủ nghĩa xã hội chưa thắng lợi triệt để. Cách mạng xã hội diễn ra không theo con đường thẳng tắp như Mác đã khẳng định: Cách mạng có thể thất bại, nhưng cách mạng sẽ không bao giờ bị tiêu diệt.

Sự phức tạp của thời đại cũng chỉ rõ đây là thời đại cùng hợp tác đấu tranh với nhau mà thực chất là cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc gay go, quyết liệt nhằm giải quyết vấn đề "ai thắng ai" giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội. Đây cũng là thời đại chứa đựng nhiều mâu thuẫn lớn, chịu sự tác động của cuộc cách mạng khoa học công nghệ phát triển như vũ bão.

6.1.2.2. Những giai đoạn chính trong thời đại ngày nay

Thời đại ngày nay (từ năm 1917) đến nay có thể chia thành 4 giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất: Từ sau cách mạng tháng Mười năm 1917 tới kết thúc chiến tranh thế giới thứ hai năm 1945.

Là giai đoạn đột phá thắng lợi của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa diễn ra ở Liên Xô, Mông Cổ. Một chế độ xã hội mới tốt đẹp thật sự ra đời. Cách mạng tháng Mười Nga đưa nhân dân lao động lên vị trí làm chủ, chế độ người bóc lột người bị xóa bỏ. Mở ra khả năng xây dựng chủ nghĩa xã hội trong một nước với sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế. Đây là nguyên nhân giúp cho nước Nga xô viết đánh bại sự can thiệp quân sự của chủ nghĩa đế quốc, đánh bại chủ nghĩa phát xít trong chiến tranh thế giới lần II, tạo điều kiện cho các dân tộc đấu tranh giành độc lập.

Giai đoạn thứ hai: từ sau năm 1945 tới đầu những năm 70. Đây là giai đoạn chủ nghĩa xã hội được phát triển thành hệ thống. Hệ thống xã hội chủ nghĩa trở thành chỗ dựa vững chắc cho phong trào công nhân, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc. Những thành tựu xây dựng chủ nghĩa xã hội đã cổ vũ cho phong trào đấu tranh vì hòa bình, tiến bộ trên thế giới. Cuối giai đoạn đã xuất hiện một sự bất đồng trong hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa.

Giai đoạn thứ ba: Từ cuối những năm 70 đến cuối những năm 80. Trong giai đoạn này nhiều nước xã hội chủ nghĩa có những sai lầm trên các lĩnh vực. Ở lĩnh vực kinh tế sai lầm trong việc kéo dài quá lâu cơ chế tập trung bao cấp, xác định cơ cấu kinh tế, quan điểm kinh tế. Trong chính trị giải quyết không phù hợp mối quan hệ giữa Đảng - Nhà nước - các tổ chức

chính trị xã hội. ở lĩnh vực văn hóa đơn điệu, khép kín, ngoại giao bao cấp... Những sai lầm kéo dài, chậm được khắc phục, sửa đổi dẫn tới sự khủng hoảng kinh tế - xã hội ở nhiều nước. Sự sụp đổ ở Liên Xô và Đông Âu do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan mang lại nhưng nguyên nhân chủ quan là chủ yếu nhất. đó là sự chậm cải cách, cải tổ, chậm trễ trong cách mạng khoa học công nghệ, là chủ quan duy ý chí, cứng nhắc, vi phạm xa rời, từ bỏ những nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội của chủ nghĩa Mác Lênin. Lợi dụng tình hình đó chủ nghĩa đế quốc kết hợp với lực lượng phản động trong nước tiến công lật đổ một loạt nước xã hội chủ nghĩa.

Giai đoạn thứ tư: Từ đầu những năm 1990 đến nay.

Là giai đoạn chủ nghĩa xã hội tạm rời vào tình trạng thoái trào. Nhiều Đảng cộng sản và công nhân tan rã sau sự sụp đổ của Liên Xô và Đông Âu. Ảnh hưởng lớn của chủ nghĩa xã hội sa sút nghiêm trọng. Phong trào giải phóng dân tộc mất chỗ dựa, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế gặp khó khăn. Lịch sử thế giới hiện rõ sự thăng trầm của chủ nghĩa xã hội.

Một số nước xã hội chủ nghĩa vẫn tồn tại đang cải cách, đổi mới, cuộc đấu tranh cho lý tưởng xã hội chủ nghĩa vẫn đang tiếp tục, nhiều Đảng cộng sản đang phục hồi... " loài người cuối cùng nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội vì đó là quy luật tiến hóa của lịch sử".

6.2. TÍNH CHẤT VÀ NHỮNG MÂU THUẬN CƠ BẢN CỦA THỜI ĐẠI NGÀY NAY

6.2.1. Tính chất

Thứ nhất, Cuộc đấu tranh gay go, quyết liệt giữa cái cũ và cái mới, giữa lực lượng cách mạng và phản cách mạng. Biểu hiện:

Cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội (sẽ nghiên cứu sau).

Cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân ở các nước tư bản với những nội dung mới tập trung vào những vấn đề thuộc về bản chất của chủ nghĩa tư bản như bất công xã hội, tệ nạn xã hội, suy đồi về đạo đức, lối sống.

Sự khẳng định mạnh mẽ của các nước dân tộc chủ nghĩa.

(Đảng cộng sản Việt Nam: Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, NXB Sự thật, Hà Nội 1991, tr 8.)

Đó là việc khẳng định quyền độc lập dân tộc, đấu tranh chống bất bình đẳng giữa các nước, đấu tranh cho hòa bình, dân chủ, tiến bộ xã hội, bảo vệ môi sinh...

Cuộc đấu tranh của các lực lượng tiến bộ trên thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, tiến bộ xã hội.

Các cuộc đấu tranh gắn với sự phát triển của khoa học công nghệ tạo điều kiện đầy đủ để đi lên chủ nghĩa xã hội.

Thứ hai, tính chất phức tạp của quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội đó là cuộc đấu tranh giữa hai xã hội đối lập về bản chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Trên tình hình kinh tế:

Dựa vào lợi thế kinh tế, chủ nghĩa tư bản còn tìm mọi cách để phá hoại kinh tế của các nước xã hội chủ nghĩa: bao cấp, cấm vận, tiếp tục bóc lột những nước nghèo để đem lại lợi thế phát triển.

Chủ nghĩa xã hội đang tìm cách khẳng định mình trong phát triển kinh tế. Phát huy tiềm năng sản xuất trong xã hội, sửa chữa sai lầm trong cải cách, đổi mới, áp dụng thành tựu khoa học kỹ thuật để chứng minh tính ưu việt của kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Trong lĩnh vực chính trị

Chủ nghĩa tư bản đang tìm cách để tuyên truyền cho tự do tư sản. Chúng đẩy mạnh "Âm mưu diễn biến hòa bình" để lật đổ nhà nước xã hội chủ nghĩa bằng mọi thủ đoạn.

Các nước xã hội chủ nghĩa phải có biện pháp đấu tranh nhằm bảo vệ Đảng, nhà nước, bảo vệ chế độ thành quả cách mạng. Phải tập hợp lực lượng chống lại chủ nghĩa tư bản.

Trên lĩnh vực tư tưởng:

Chủ nghĩa tư bản tìm mọi cách phổ biến giá trị tư sản, tuyên truyền quan điểm đa nguyên về chính trị, đa đảng đối lập, lộn xộn giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội.

Các nước xã hội chủ nghĩa phải đẩy mạnh cuộc đấu tranh tư tưởng bằng nhiều hình thức khác nhau: tuyên truyền chủ nghĩa Mác Lênin, phê phán những quan điểm phản động, hiểu chiến cổ vũ cho đấu tranh vì hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

Tóm lại: Sự sụp đổ của Liên Xô và Đông Âu không phải là sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội với tư cách là một xu hướng phát triển tất yếu của xã hội, đó là một học thuyết cách mạng về khoa học. Sự phát triển của thời đại ngày nay cũng quanh co, phức tạp như những thời đại khác, nhưng xu thế phát triển của lịch sử vẫn là thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi thế giới.

6.2.2. Những mâu thuẫn cơ bản của thời đại ngày nay

Lênin coi thời đại như một hiện tượng đặc biệt được đặc trưng bằng những dấu hiệu, biểu tượng khác nhau, mâu thuẫn khác nhau. Tiếp cận thời đại như thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới thấy rõ thời đại ngày nay gồm 4 mâu thuẫn cơ bản sau:

Mâu thuẫn thứ nhất: Giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội. Đây là mâu thuẫn nổi bật, xuyên suốt thời đại. Lịch sử thế giới từ sau năm 1917 đã chỉ rõ: Ngay sau cách mạng tháng Mười Nga xô viết lại 14 nước đế quốc bao vây hòng xóa bỏ nước Nga xô viết non trẻ. Chiến tranh thế giới thứ II, ở giai đoạn hai Đức muốn tiêu diệt Liên Xô. Sau chiến tranh thế giới thứ II, chúng gây nên chiến tranh ở Bắc Triều Tiên, Việt Nam... nhằm xóa bỏ hệ thống xã hội chủ nghĩa.

Ngày nay, chủ nghĩa đế quốc đang đẩy mạnh " âm mưu diễn biến hòa bình" để lật đổ các nước xã hội chủ nghĩa còn lại.

Đây là mâu thuẫn cơ bản chi phối các mâu thuẫn khác, song giải quyết mâu thuẫn này phải đặt trong sự tác động tương hỗ của các mâu thuẫn khác.

Mâu thuẫn thứ hai: Giữa tư bản và lao động.

Mâu thuẫn này phản ánh bản chất của chủ nghĩa tư bản. Chừng nào còn tồn tại chủ nghĩa tư bản chừng đó còn tồn tại mâu thuẫn này.

Trong giai đoạn hiện nay mặc dù chủ nghĩa tư bản đã có điều chỉnh trong quản lý, chính sách xã hội... nhưng bản chất vẫn không thay đổi, những người lao động vẫn bị bóc lột, vẫn là lao động làm thuê. Mâu thuẫn trên chỉ được giải quyết bằng cách mạng xã hội, nhưng phải hội tụ đủ điều kiện chủ quan.

Mâu thuẫn thứ ba, giữa các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc với chủ nghĩa đế quốc.

Đã có khoảng 100 nước đấu tranh giành độc lập dân tộc vào những năm 50,60 của thế kỷ XX, với những mức độ khác nhau. Nhưng chủ nghĩa đế quốc áp dụng chính sách thực dân mới làm cho những nước này chỗ lệ thuộc vào dẫn tới lệ thuộc vào chính trị. Hiện nay hơn 170 quốc gia đang phải đương đầu với nghèo đói, nợ nần, thất nghiệp, mù chữ... họ đang đứng trước mâu thuẫn phải giải quyết: thoát khỏi chủ nghĩa thực dân cũ lại rơi ngay vào vòng cương tỏa của chủ nghĩa thực dân mới. Yêu cầu xây dựng nền kinh tế, chính trị, độc lập, tự chủ mâu thuẫn với tình trạng lạc hậu của kinh tế, chính trị ở điểm xuất phát thấp. Điều đó đẩy mâu thuẫn trên tiếp tục gia tăng.

Mâu thuẫn thứ 4: Mâu thuẫn giữa các nước tư bản chủ nghĩa . Mặc dù cùng có bản chất chế độ xã hội, cùng mục tiêu chống phá chủ nghĩa xã hội những giữa các nước chủ nghĩa xã hội vẫn có mâu thuẫn với nhau. Đó là sự liên minh trong sự cạnh tranh nhằm thôn tính lẫn nhau. Liên minh giữa các tập đoàn tư bản, các công ty xuyên và đa quốc gia dẫn tới cạnh tranh khốc liệt giữa các trung tâm tư bản lớn. Chủ nghĩa tư bản là thủ phạm gây nên 2 cuộc chiến tranh thế giới.

Tóm lại: Bốn mâu thuẫn cơ bản trên quy định nội dung cơ bản của thời đại. Các mâu thuẫn trên tiếp tục tồn tại và phát triển, nó chi phối đến tiến trình quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, làm cho quá trình này vốn đã quanh co phức tạp càng phức tạp hơn.

6.3. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN VÀ XU THẾ VẬN ĐỘNG CỦA THỜI ĐẠI NGÀY NAY

6.3.1. Những đặc điểm cơ bản của thời đại ngày nay

Thứ nhất, Đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp diễn ra gay gắt. Do các mâu thuẫn cơ bản vẫn tồn tại và phát triển (đã phân tích). Đấu tranh giai cấp và dân tộc diễn ra dưới nhiều hình thức mới. Những vấn đề toàn cầu được đặt ra một cách cụ thể nhưng giải quyết vấn đề toàn cầu lại do Nhà nước thực hiện, mỗi Nhà nước lại do 1 giai cấp đứng đầu. Giải quyết vấn

đề nhân loại bao giờ cùng theo lăng kính giai cấp. Do đó thế giới đang bị phân chia theo các quan điểm của các giai cấp khác nhau. Đấu tranh giai cấp thường gắn với đấu tranh dân tộc, vấn đề dân tộc, đoàn kết dân tộc là yếu tố cơ bản chi phối các lực lượng xã hội.

Thứ hai, Cách mạng khoa học công nghệ đang diễn ra như vũ bão, tạo ra nhiều sự thay đổi trong các lĩnh vực.

Lực lượng sản xuất của nhân loại đã phát triển nhanh chóng dưới sự tác động của khoa học công nghệ. Nếu so năm 1990 với 1740 khi nhân loại bước vào Cách mạng công nghiệp thì lực lượng sản xuất đã tăng 2000 lần. Cứ 10 - 15 năm của cải nhân loại tăng gấp đôi... Cách mạng khoa học công nghệ tạo sự đột biến ở tất cả các lĩnh vực từ khoa học cơ bản, khoa học ứng dụng, vũ trụ, công nghệ vật liệu... Chỉ rõ lực lượng sản xuất mang tính quốc tế cao, xuất hiện xu thế toàn cầu cũng như sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nước.

Thứ ba, những vấn đề toàn cầu đòi hỏi sự hợp tác giải quyết của các quốc gia.

Cả loài người đang đứng trước những vấn đề có tính toàn cầu mà giải quyết được nó phải có sự hợp tác giữa tất cả các nước không phân biệt chế độ chính trị, trình độ phát triển... Đó là các vấn đề: Môi trường sinh thái bị tàn phá nặng nề, bùng nổ dân số, nghèo đói, bệnh tật... Yêu cầu phải có sự liên kết để giải quyết.

Thứ tư, khu vực Châu Á - Thái Bình Dương đang phát triển năng động với tốc độ cao đồng thời cũng tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định.

Là khu vực chiếm 1/2 diện tích toàn cầu, 75% dân số thế giới, 8/10 nước có dân số trên 100 triệu dân... Là khu vực phát triển năng động nhất về kinh tế. Tuy nhiên tiềm ẩn nhân tố gây mất ổn định do chiến lược thôn tính của những nước lớn, chiếm nhiều nước nghèo, nợ nần lớn, dân số phát triển nhanh, công nghệ lạc hậu, quản lý kém...

Tóm lại: Thế giới đang đan xen nhiều yếu tố phức tạp. Để hội nhập và phát triển chúng ta phải thấy hết các xu hướng trên cơ sở đó đề ra đường lối chính sách phù hợp.

6.3.2. Những xu thế chủ yếu của thời đại ngày nay

Thứ nhất: hòa bình, ổn định để cùng phát triển.

Hòa bình có tầm quan trọng đối với sự phát triển của nhân loại. Nó là ước mơ, nguyện vọng của tất cả các lực lượng trên thế giới. Trong điều kiện hiện nay không phải lúc nào cũng đạt được hòa bình vì còn chủ nghĩa đế quốc. Đấu tranh cho hòa bình, cùng tồn tại trong hòa bình có quan hệ biện chứng, do đó yêu cầu mở rộng quan hệ quốc tế để hợp tác cùng tồn tại. Các quốc gia ưu tiên phát triển kinh tế để tăng cường tiềm lực của mình để giữ gìn hòa bình.

Thứ hai, các quốc gia lớn nhỏ tham gia vào hợp tác, liên kết khu vực, nhiều khu vực. Hợp tác và cạnh tranh đi liền nhau.

Do sự tác động của khoa học công nghệ, hiện nay diễn ra nhiều hình thức hợp tác đa dạng: hợp tác quốc tế, hợp tác khu vực, hợp tác tay đôi, tay ba. Hợp tác cũng đa dạng ở các lĩnh vực. Tuy nhiên hợp tác luôn đặt trong thế cạnh tranh.

Thứ ba, các dân tộc nâng cao ý thức độc lập, tự chủ, tự cường.

Độc lập dân tộc luôn là vấn đề trên bàn hội nghị của các quốc gia, đặt ra với mọi chế độ chính trị xã hội khác nhau. Thể hiện: Các nước dân tộc chủ nghĩa phấn đấu độc lập về kinh tế và chính trị. Các nước tư bản chủ nghĩa đấu tranh bảo vệ độc lập chủ quyền lãnh thổ, chống lại sự xâm nhập của văn ngoại bang. Các nước xã hội chủ nghĩa gắn với việc đấu tranh giữ vững độc lập chính trị, phát triển kinh tế - văn hóa.

Vấn đề độc lập, tự chủ, tự cường nổi lên hai vấn đề:

Một mặt phản ứng lại xu thế mất dần đi của biên giới quốc gia. Mặt khác, chỉ trên cơ sở quan hệ quốc tế, các dân tộc mới xác định được vị trí vững chắc của mình.

Thứ tư, các nước xã hội chủ nghĩa các Đảng cộng sản và công nhân kiên trì đấu tranh vì hòa bình, tiến bộ và phát triển.

Bất chấp những dao động nảy sinh trong quá trình phát triển của mình, chủ nghĩa xã hội vẫn là nhân tố có ý nghĩa quyết định phát triển của nhân loại. Đây là nhân tố cơ bản khiến so sách lực lượng thay đổi. Phạm vi có thu hẹp nhưng vẫn là lực lượng chủ yếu đối cực với chủ nghĩa tư bản vẫn là nguồn chi viện quan trọng cho cuộc đấu tranh giải phóng các dân tộc bị áp bức. Đảng cộng sản vẫn giữ vai trò nòng cốt trong lãnh đạo cuộc đấu tranh cho hòa bình.

Thứ năm, các nước có chế độ chính trị khác nhau vừa hợp tác vừa đấu tranh cùng tồn tại trong hòa bình

Do các xu thế trên của thời đại dẫn tới sự đa phương, đa dạng hóa quan hệ quốc tế. Do bản chất, mục đích của mỗi chế độ xã hội cũng như đặc điểm của thời đại tác động mà các nước xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa hợp tác với nhau là tất yếu. Tính tất yếu của hợp tác cũng giống như tính tất yếu của đấu tranh với nhau vì nội dung của thời đại quy định. Cuộc đấu tranh này rất gay go, phức tạp do vậy các Đảng cộng sản, các nhà nước xã hội chủ nghĩa phải gác lại những bất đồng để tập hợp lực lượng quốc tế để ngăn chặn âm mưu của chủ nghĩa tư bản. Muốn vậy phải kiên trì, tiếp thu bổ xung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin cho phù hợp với thời đại ngày nay.

6.4. KẾT LUẬN

Chương thời đại ngày nay cho chúng ta một cách nhìn tổng quát về những vấn đề của thời đại ngày nay. Đặc biệt chỉ rõ cho chúng ta về nội dung của thời đại ngày nay, đặc điểm, mâu thuẫn và các xu hướng phát triển của thời đại. Nó là cơ sở lý luận nhưng cũng đòi hỏi mỗi Đảng Cộng sản phải phân tích tình hình thực tiễn để đề ra đường lối, chiến lược, sách lược đúng trong việc phát triển đất nước góp phần vào cuộc đấu tranh vì những mục tiêu của thời đại.

CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Quan niệm về thời đại ngày nay

Chương 6: Thời đại ngày nay

Câu 2: Phân tích rõ nội dung cơ bản những tính chất và những mâu thuẫn cơ bản của thời đại ngày nay.

Câu 3: làm rõ những đặc điểm cơ bản của thời đại ngày nay.

Câu 4: Xu thế phát triển của thời đại ngày nay và quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam về vấn đề này?



CHƯƠNG 7: NỀN DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

GIỚI THIỆU CHUNG

Giới thiệu những vấn đề cơ bản về nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa nói chung. Từ đó làm cơ sở để chúng ta thấy được sự cần thiết phải xây dựng và phát triển nền dân chủ, hệ thống chính trị trong đó có bộ phận quan trọng là nhà nước trong việc thực hiện quyền lực, quyền dân chủ, quyền làm chủ của nhân dân lao động trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Qua đó chúng ta cũng xác định rõ trách nhiệm trong việc góp phần phê phán các hiện tượng tiêu cực làm sai lệch bản chất của nền dân chủ và nhà nước của dân, do dân, vì dân ở Việt Nam hiện nay.

MỤC ĐÍCH YÊU CẦU CẦN NẮM VỮNG

1. Nắm bản chất, chức năng, các bộ phận hợp thành hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa.
2. Hiểu bản chất, nội dung nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.
3. Thống được những nội dung đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

NỘI DUNG

7.1. NỀN DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

7.1.1. Quan niệm về dân chủ

7.1.1.1. Khái niệm lịch sử của vấn đề dân chủ

Từ thời Hy Lạp cổ đại, dân chủ được đề đạt trong việc "cử ra và phế bỏ người đứng đầu" là do quyền và sức lực của dân. Đó là việc công bố chính thức. Nguyên tắc thiểu số phục tùng đa số, thừa nhận quyền tự do và bình đẳng của nhân dân, nhân dân là cội nguồn của quyền lực.

Khi Nhà nước chủ nô đầu tiên xuất hiện ở Hy Lạp "dân chủ" mới chính thức được sử dụng. Dân chủ là quyền lực của dân. Nhưng khái niệm dân chủ: giai cấp chủ nô, tăng lữ, thương gia một số người tự do còn nô lệ không được coi là dân.

Dưới chế độ phong kiến: Địa chủ phong kiến nắm quyền lực xã hội thực hiện cưỡng bức phi kinh tế, chiếm đoạt ruộng đất đối với nông dân.

Dân chủ tư sản có bước phát triển mới trong lịch sử nhưng quyền lực thực sự không phải của nhân dân lao động mà thuộc về gia cấp tư sản.

Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 mở ra một thời đại mới: Giành lại quyền lực thực sự của dân - tức là dân chủ thực sự và lập ra nền dân chủ xã hội chủ nghĩa để thực hiện quyền lực của nhân dân.

Tóm lại, nhân loại có nhu cầu về dân chủ và thực thi quyền lực của dân, nhưng dân là ai? Do bản chất chế độ xã hội quy định.

7.1.1.2. Quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lênin về dân chủ

Thứ nhất, chủ nghĩa Mác kế thừa và khẳng định: dân chủ là nhu cầu khách quan của nhân dân lao động, dân chủ là quyền lực của nhân dân.

Thứ hai, khi có giai cấp, Nhà nước xuất hiện dân chủ chủ yếu thực hiện bằng Nhà nước thì không có dân chủ chung chung phi giai cấp mà dân chủ thể hiện bản chất của giai cấp thống trị.

Thứ ba, từ khi có Nhà nước dân chủ, thì dân chủ còn có ý nghĩa là một hình thức Nhà nước thì quyền lực thuộc về nhân dân, còn dân là ai thì do quy định của giai cấp thống trị, lúc này dân chủ gắn liền với một hệ thống chuyên chính của giai cấp thống trị xã hội.

Thứ tư, với một chế độ dân chủ và nhà nước tương ứng, mọi lĩnh vực của đời sống xã hội đều bị chi phối bởi giai cấp cầm quyền.

7.1.2. Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

Dân chủ xã hội chủ nghĩa là đảm bảo toàn bộ quyền lực thuộc về nhân dân, nhân dân thực sự là người chủ trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội. Kết tinh trong đó toàn bộ giá trị dân chủ đã đạt được trong lịch sử và nảy sinh những giá trị dân chủ tiến bộ hơn.

Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa được thể hiện:

Bản chất chính trị:

Dưới sự lãnh đạo duy nhất của Đảng cộng sản thực hiện quyền lực thuộc về nhân dân. Nhân dân trở thành người làm chủ xã hội, tham gia rộng rãi vào công việc quản lý của Nhà nước, thực hiện các quyền dân chủ, làm chủ, quyền con người, thỏa mãn ngày càng cao hơn các nhu cầu và lợi ích của nhân dân.

Bản chất kinh tế: (Đây là cơ sở của dân chủ).

Dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội. Thể hiện thông qua quá trình ổn định và phát triển sản xuất đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của xã hội. Nhân dân tham gia vào quá trình tổ chức phân công lao động xã hội, phân phối sản phẩm xã hội. Kinh tế

xã hội chủ nghĩa phát triển qua quá trình tiếp thu mọi thành quả mà nhân loại đã đạt được trước đó, đồng thời loại bỏ những yếu tố tích cực kim hãm của các chế độ kinh tế trước đó.

Bản chất tư tưởng văn hóa:

Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng cho sự phát triển của xã hội. Phát triển truyền thống giá trị của văn hóa dân tộc kết hợp với tinh hoa văn hóa nhân loại. Xây dựng nền văn hóa theo lập trường của giai cấp công nhân. Tóm lại: Dân chủ XHCN chủ yếu được thực hiện bằng Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

7.1.3. Hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa

Quan niệm về hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa (chủ nghĩa Mác - Lênin gọi là hệ thống chuyên chính vô sản).

Đó là một hệ thống các tổ chức chính trị căn bản có quy mô quốc gia có ý nghĩa chiến lược đối với sự tồn tại, ổn định và phát triển của một nước xã hội chủ nghĩa. Được hình thành và hoạt động trong khuôn khổ pháp luật chung phù hợp với vai trò, nhiệm vụ, chức năng của mỗi tổ chức và mối quan hệ giữa các tổ chức đó. Toàn bộ hệ thống tổ chức này hoạt động là sự thể hiện trên thực tế của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Như vậy, hệ thống chính trị gồm nhiều thành tố, đây là tổ chức của nhân dân lao động, không có các tổ chức chống đối. Các tổ chức hoạt động đồng bộ, nhịp nhàng đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, đây là tổ chức đảm bảo quyền lực của nhân dân trên thực tế.

Về cấu trúc cơ bản của hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa.

Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ rõ các bộ phận cơ bản của hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa gồm:

Đảng Cộng sản: Là một thành tố đồng thời là hạt nhân lãnh đạo của hệ thống. Nhà nước xã hội chủ nghĩa là công cụ chủ yếu và vững mạnh của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Các tổ chức chính trị - xã hội là đại diện cho quyền lực của các tầng lớp nhân dân lao động. Hệ thống trên hoạt động với cơ chế nhất nguyên về chính trị: Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ.

7.2. NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

7.2.1. Quan niệm về Nhà nước xã hội chủ nghĩa

Mác Ăng ghen và Lênin căn cứ vào điều kiện thực tiễn cụ thể đã đưa ra những luận điểm khác nhau về chuyên chính vô sản. Trên cơ sở đó có thể định nghĩa về chuyên chính vô sản như sau:

"Chuyên chính vô sản là sự thống trị chính trị của giai cấp công nhân do cách mạng xã hội chủ nghĩa sinh ra và có sứ mệnh xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, đưa nhân dân lao

động lên địa vị làm chủ trên tất cả các mặt của đời sống xã hội trong một xã hội cao hơn xã hội tư bản chủ nghĩa".

Chủ nghĩa Mác Lênin quan niệm nhà nước chuyên chính vô sản thống nhất căn bản với nhà nước xã hội chủ nghĩa về bản chất, vai trò, chức năng, nhiệm vụ...

Nhà nước xã hội chủ nghĩa nằm trong nền dân chủ xã hội chủ nghĩa hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa. Là một loại hình nhà nước nó cũng kế thừa những giá trị dân chủ của nhân loại đạt được trước đó để xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

7.2.2. Bản chất, chức năng, nhiệm vụ của nhà nước xã hội chủ nghĩa

Bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Mác Ăngghen đã chỉ rõ nhà nước chẳng qua chỉ là bộ máy của giai cấp này dùng để trấn áp các giai cấp khác. Nhà nước chỉ là công cụ chuyên chính của một giai cấp, là tổ chức chính trị của giai cấp thống trị về kinh tế nhằm đảm bảo trật tự xã hội. Do đó nhà nước xã hội chủ nghĩa cũng như các nhà nước khác trong lịch sử - nó mang bản chất giai cấp của giai cấp thống trị - giai cấp công nhân. Chuyên chính vô sản là sự lãnh đạo về chính trị của giai cấp công nhân với toàn xã hội. Nhưng sự lãnh đạo của giai cấp công nhân phải thông qua chính đảng của nó. Đảng lãnh đạo xã hội thông qua nhà nước xã hội chủ nghĩa. Chuyên chính vô sản là loại liên minh đặc biệt giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp khác do vậy nhà nước xã hội chủ nghĩa còn mang tính nhân dân và tính dân tộc rộng rãi.

Chức năng của nhà nước chuyên chính vô sản.

Cũng như các nhà nước khác trong lịch sử nhà nước xã hội chủ nghĩa có hai chức năng: chức năng thống trị chính trị của giai cấp và chức năng xã hội; chức năng đối nội và đối ngoại (xem lại phần triết học).

Với tư cách là công cụ, phương tiện của giai cấp công nhân nhà nước xã hội chủ nghĩa có chức năng bao lực trấn áp: quản lý xã hội dựa trên pháp luật theo quan điểm đường lối của Đảng Cộng sản, sử dụng công cụ bạo lực để đập tan sự phản kháng của kẻ thù, quét sạch tàn dư của xã hội cũ. Chức năng tổ chức xây dựng: nhằm cải biến trật tự tư bản chủ nghĩa và hình thành trật tự chủ nghĩa cộng sản, tạo ra trật tự kinh tế, mối quan hệ xã hội mới. (Đây là chức năng chủ yếu). Nó thuộc về chức năng đối nội. Nhà nước xã hội chủ nghĩa phải thực hiện chức năng đối ngoại là mở rộng quan hệ hữu nghị với các nước khác theo nguyên tắc tôn trọng, bình đẳng và cùng có lợi.

Nhiệm vụ của nhà nước xã hội chủ nghĩa gắn liền với chức năng, là sự cụ thể hóa chức năng của nhà nước. Nhà nước có nhiệm vụ quản lý kinh tế, xây dựng và phát triển kinh tế, nâng cao năng suất lao động đáp ứng yêu cầu của xã hội. Xây dựng các quan hệ xã hội mới, quản lý đời sống xã hội, xây dựng và quản lý văn hóa mới.

7.3. CẢI CÁCH NHÀ NƯỚC TRONG QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

7.3.1. Đổi mới hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay

Thực chất là xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa đảm bảo quyền lực thuộc về nhân dân.

Hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay bao gồm: Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân.

Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội hệ thống chính trị ở Việt Nam đã tạo nhiều thành tựu quan trọng. Xuất phát từ yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, từ những hạn chế của hệ thống chính trị trong điều kiện hiện nay phải đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta.

Trong đổi mới phải đảm bảo nguyên tắc:

Một là, Đổi mới hệ thống chính trị là đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, tổ chức cán bộ và các mối quan hệ giữa các tổ chức chính trị hợp pháp. Không thay đổi mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Hai là, trong quá trình xây dựng, hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa thì những nguyên tắc, chức năng, nhiệm vụ của chuyên chính vô sản vẫn được thực hiện ngày càng tốt hơn.

Ba là, Đảng, Nhà nước và nhân dân không chấp nhận " đa nguyên chính trị, đa Đảng đối lập".

Bốn là, Đổi mới toàn diện song có trọng điểm: trên cơ sở ổn định, phát triển kinh tế và đời sống nhân dân từng bước đổi mới hệ thống chính trị đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của mọi lĩnh vực xã hội.

Nội dung cụ thể của đổi mới hệ thống chính trị:

7.3.1.1. Xây dựng và chỉnh đốn Đảng cộng sản Việt Nam

Mục đích: Nhằm giữ vững và nâng cao vai trò, năng lực, hiệu quả và uy tín của Đảng ta trong quá trình lãnh đạo xã hội. Vai trò, chức năng của Đảng là lãnh đạo xã hội trên mọi lĩnh vực. Phương thức lãnh đạo của Đảng: bằng chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, bằng đường lối, chủ trương chiến lược và phương pháp cách mạng. Sau khi có đường lối Đảng giáo dục, tuyên truyền trong quần chúng nhân dân, tổ chức, kiểm tra... Do vậy Đảng phải tự chỉnh đốn, đổi mới, trước hết là đổi mới lý luận, thực hiện tốt các nguyên tắc sinh hoạt Đảng...

7.3.1.2. Cải cách Nhà nước (có phần riêng).

7.3.1.3. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân

Đoàn kết tất cả các giai cấp, tầng lớp nhân dân lấy sự tương đồng về lợi ích làm cơ sở. Mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc bằng các hình thức, phương pháp phù hợp. Hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đặt trong khuôn khổ pháp luật.

7.3.2. Cải cách nhà nước xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay

Xuất phát từ vị trí vai trò của nhà nước: là trụ cột, công cụ chủ yếu vững mạnh để thực hiện quyền lực của nhân dân. Đại hội Đảng lần thứ IX chỉ rõ phương hướng chung là xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam.

Cải cách Nhà nước tập trung vào các vấn đề:

Với Quốc hội: Cơ quan quyền lực cao nhất của nước ta. Khẳng định quyền lực nhà nước là thống nhất đó là quyền lực của nhân dân.

Quốc hội cần quan tâm đến việc lập pháp, lập quy. Cụ thể xây dựng chương trình lập pháp, quyền trình dự án luật của các đoàn thể nhân dân. Nâng cao kiến thức lập pháp của đại biểu quốc hội, nâng cao trình độ thẩm định luật. Tôn trọng ý kiến của các nhà khoa học, của nhân dân, của các chuyên gia.

Với chính phủ và hệ thống cơ quan hành pháp... tập trung vào 3 vấn đề:

Thứ nhất, cải cách hệ thể chế hành chính: Đó là cải cách thủ tục hành chính, hoàn thiện thể chế để đảm bảo quản lý bằng pháp luật, giảm cơ chế xin - cho.

Thứ hai, cải cách bộ máy: chấn chỉnh cơ cấu tổ chức, bộ máy, tinh giảm biên chế. Định rõ thứ bậc, quan hệ thứ bậc trong quan hệ hành chính. Xác định vai trò, vị trí từng cấp chính quyền.

Thứ ba, cải cách công tác cán bộ công chức: Ban hành quy chế về chế độ công vụ, công chức. Quy định rõ nghĩa vụ, quyền lợi, thẩm quyền và tổng luật hành chính. Quy định rõ chế độ đào tạo, tuyển dụng và sàng lọc công chức, xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất và năng lực.

Làm tốt những công việc trên sẽ không ngừng nâng cao ý thức dân chủ, ý thức trách nhiệm công dân, làm cho mọi người trong xã hội, mọi tổ chức trong xã hội phát huy dân chủ ở mức độ cao nhất, chống lại các hiện tượng vi phạm dân chủ.

7.4. KẾT LUẬN

Nghiên cứu nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa giúp chúng ta thấy được tính ưu việt hơn hẳn của dân chủ xã hội chủ nghĩa với các vấn đề dân chủ trước đó. Nó cũng giúp chúng ta về các bộ phận cấu thành, cũng như vị trí, vai trò, chức năng của chúng ta trong hệ thống chính trị. Qua đây cũng giúp chúng ta hiểu được tính cấp bách trong việc đổi mới toàn bộ hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay, đổi mới nhưng không đổi mới mục tiêu đảm bảo quyền lực thuộc về nhân dân.

CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và dân chủ

Câu 2: Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa theo quan điểm của chủ nghĩa xã hội khoa học?

Câu 3: Phân tích rõ cơ cấu hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa

Câu 4: Phân tích những vấn đề có tính nguyên tắc định hướng xã hội chủ nghĩa trong đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta. Phương hướng cải cách nhà nước ta hiện nay.?



HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH ĐIỆN THOẠI

Km10 Đường Nguyễn Trãi, Đống Đa - Hà Nội
Tel: (04) 5541221; Fax: (04) 55410587

Website: <http://www.e-ptit.edu.vn>; E-mail: dhkc@ptit.edu.vn

CHƯƠNG 8: LIÊN MINH GIỮA CÔNG NHÂN VỚI NÔNG DÂN VÀ TRÍ THỨC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

GIỚI THIỆU CHUNG

Đây là nội dung bản về lực lượng của cách mạng xã hội chủ nghĩa, là một trong những điều kiện thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong quá trình chuyển biến từ xã hội tư bản chủ nghĩa lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Đây cũng là một trong những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin được Đảng và Hồ Chí Minh vận dụng và phát triển sáng tạo vào điều kiện cụ thể ở Việt Nam. Liên minh giữa công nhân, nông dân và trí thức có nghĩa đặc biệt quan trọng trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay ở Việt Nam.

MỤC ĐÍCH YÊU CẦU CẦN CẦN NẮM VỮNG

1. Nắm được tính tất yếu của liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức.
2. Hiểu được những nội dung cơ bản của liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
3. Nâng cao trách nhiệm cá nhân trong việc củng cố, tăng cường khối liên minh ở Việt Nam hiện nay.

NỘI DUNG

8.1. CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

8.1.1. Quan niệm cơ cấu xã hội - giai cấp

8.1.1.1. Cơ cấu xã hội và cơ cấu xã hội giai cấp

Cộng đồng xã hội là một bộ phận người có chung một số dấu hiệu, nguyên tắc. Tùy theo cách xác định dấu hiệu nguyên tắc mà người ta xác định những cộng đồng với các tên gọi khác nhau như: Dân tộc, giai cấp ...

Cơ cấu xã hội là tất cả những cộng đồng người và toàn bộ các quan hệ xã hội do sự tác động lẫn nhau của các cộng đồng được hình thành khách quan dựa trên các dấu hiệu tự nhiên

như giai cấp, nghề nghiệp, tôn giáo... Từ đó người ta xem xét các loại hình cơ cấu xã hội tương ứng: như cơ cấu xã hội dân số, cơ cấu - xã hội nghề nghiệp... chủ nghĩa xã hội chỉ tập trung đề cập tới cơ cấu xã hội giai cấp.

Cơ cấu xã hội - giai cấp là hệ thống các giai cấp, tầng lớp xã hội và các mối quan hệ giữa chúng.

Như vậy, xem xét cơ cấu xã hội - giai cấp phải đặt trong một xã hội với không gian, thời gian cụ thể, chỉ rõ quan hệ kinh tế như quan hệ sở hữu, quản lý ... quyết định nội dung của cơ cấu xã hội, giai cấp. Lợi ích và địa vị kinh tế quyết định thái độ và vai trò của các giai cấp đối với xã hội.

8.1.1.2. Vị trí cơ cấu xã hội - giai cấp trong cơ cấu xã hội

Cơ cấu xã hội - giai cấp là loại hình cơ bản, quyết định nhất trong cơ cấu xã hội vì:

Cơ cấu xã hội - giai cấp phản ánh sự phát triển của cơ cấu xã hội. Lịch sử phát triển của xã hội loài người dẫn tới phân công lao động xã hội, điều đó quy định con người phải có sự liên hệ với nhau trong cộng đồng, đặc biệt con người phải tham gia vào cộng đồng giai cấp để đấu tranh bảo vệ lợi ích của cộng đồng mình. Quan hệ giai cấp quy định địa vị của các giai cấp trong nền sản xuất xã hội. Cơ cấu xã hội giai cấp quy định tính chất và bản chất các quan hệ xã hội khác như chính trị, pháp lý, đạo đức...

Cơ cấu xã hội giai cấp còn là tiêu chí để phân biệt sự khác nhau về chất giữa các xã hội, nó chỉ rõ quan hệ giữa các giai cấp tầng lớp bao giờ cũng mang tính chất chính trị.

8.1.2. Xu hướng biến đổi cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ

8.1.2.1. Xu hướng chủ yếu (4 xu hướng)

Thứ nhất, sự xích lại gần nhau giữa các giai cấp, tầng lớp trong quan hệ về tư liệu sản xuất.

Xu hướng này thể hiện thông qua việc dần dần hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa từ thấp đến cao. Với chủ trương phát triển nhiều thành phần kinh tế: đảm bảo tự do cạnh tranh trong khuôn khổ pháp luật, đa dạng các hình thức sở hữu.

Thứ hai, sự xích lại gần nhau về tính chất lao động

Thể hiện thông qua việc đẩy mạnh Cách mạng khoa học công nghệ, áp dụng thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất, mở rộng quan hệ đối ngoại.

Thứ ba, sự xích lại gần nhau trong phân phối tư liệu tiêu dùng

Sự xích lại gần nhau được thể hiện trong việc hoàn thiện phương pháp phân phối: Làm theo năng lực, hưởng theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế.

Thứ tư, sự xích lại gần nhau về tiến bộ trong đời sống tinh thần. Đó là kết quả của cuộc Cách mạng xã hội trên lĩnh vực tư tưởng văn hóa. Xu hướng này tác động trực tiếp và xóa bỏ dần sự cách biệt giữa thành thị và nông thôn, lao động chân tay và lao động trí óc.

8.1.2.2. Tính quy luật của sự biến đổi cơ cấu xã hội - giai cấp

Sự biến đổi cơ cấu xã hội - giai cấp được quy định bởi cơ cấu kinh tế.

Chính sự phát triển của nền kinh tế hàng hòa nhiều thành phần đưa tới sự biến đổi cơ cấu thành phần kinh tế, cơ cấu ngành nghề, cơ chế hành chính, kinh tế, xã hội. Điều đó đưa tới cơ cấu xã hội - giai cấp đa dạng phức tạp với những giai cấp, tầng lớp khác nhau. Sự biến đổi đó đưa tới một cơ cấu xã hội mới, tác động trực tiếp đến cơ cấu kinh tế tạo cho nó định hướng XHCN.

Cơ cấu xã hội - giai cấp có sự biến đổi, phát triển trong quan hệ vừa mâu thuẫn vừa liên minh với nhau.

Vẫn còn quan hệ mâu thuẫn, đấu tranh với nhau giữa các giai cấp có lợi ích cơ bản đối lập nhau. Đó là mâu thuẫn giữa tư sản với giai cấp công nhân, nông dân, trí thức. Xuất hiện quan hệ liên minh, hợp tác giữa các giai cấp, tầng lớp có lợi ích cơ bản thống nhất với nhau. Do mục tiêu của thời kỳ quá độ là tiến tới xóa bỏ hiện tượng bất bình đẳng trong xã hội dẫn tới sự xích lại gần nhau giữa các giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức. Các giai tầng này vừa mâu thuẫn với nhau (thời kỳ quá độ là chủ nghĩa xã hội còn có sự chưa thống nhất về lợi ích trước mắt), vừa liên minh với nhau vì lợi ích cơ bản là thống nhất.

Xu hướng phát triển cơ cấu xã hội, giai cấp ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ mang tính đa dạng và thống nhất, do giai cấp công nhân giữ vai trò chủ đạo.

8.1.3. Tính tất yếu của liên minh giữa giai cấp công nhân với nông dân và trí thức trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

8.1.3.1. Chủ nghĩa Mác Lênin về tính tất yếu của liên minh trong xây dựng chủ nghĩa xã hội

Quan điểm của Mác và Ăng-ghe-n về tính tất yếu của liên minh trong Cách mạng xã hội chủ nghĩa .

Khi phân tích về yêu cầu để thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Mác và Ăng-ghe-n khái quát thành lý luận về liên minh giai cấp, đó là liên minh giữa giai cấp công nhân và giai cấp nông dân. Hai ông chỉ rõ để hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình giai cấp công nhân phải liên minh với nhau trên phạm vi toàn thế giới và liên minh với các giai cấp khác đó là nông dân. Từ thất bại của công xã Pari Mác - Ăng-ghe-n rút ra bài học cho giai cấp công nhân: cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân sẽ thất bại nếu không liên minh được với nông dân.

Lênin phát triển quan điểm của Mác - Ăng-ghe-n trong điều kiện chủ nghĩa Đế quốc. Người chỉ rõ:

Trong giai đoạn Cách mạng giành chính quyền: giai cấp công nhân phải liên minh với giai cấp nông dân và các tầng lớp khác (đồng đảo tầng lớp lao động không Cộng sản để tạo lực lượng giành chính quyền).

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội liên minh công nhân, nông dân trí thức được coi là nguyên tắc cao nhất của chuyên chính vô sản. Bởi vì: Xuất phát từ việc củng cố vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân và chính quyền Nhà nước phải thực hiện các nguyên tắc: tập hợp lực lượng, nguyên tắc lãnh đạo và từ lợi ích cơ bản trên cơ sở liên minh chính trị - xã hội của công nhân, nông dân, trí thức.

Xuất phát từ nhân tố quyết định cuối cùng cho sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội là nhân tố kinh tế nên phải liên minh. Đặc biệt từ một nước nông nghiệp đi lên chủ nghĩa xã hội phải gắn nông nghiệp với công nghiệp và dịch vụ với việc áp dụng và phát triển khoa học công nghệ trong cơ cấu kinh tế thống nhất. Từ một nước nông nghiệp đi lên chủ nghĩa xã hội phải đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn. Nông nghiệp, công nghiệp và các lĩnh vực khác của đời sống xã hội phải gắn với khoa học công nghệ mới xây dựng được chủ nghĩa xã hội. Liên minh công nhân, nông dân, trí thức là tất yếu.

8.1.3.2. Tính tất yếu liên minh công nhân, nông dân và trí thức ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội

Đảng ta và Hồ Chí Minh vận dụng, sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam chỉ rõ Liên minh công, nông, trí thức là tất yếu qua các thời kỳ cách mạng. Trong chính cương của Đảng Lao động Việt Nam (2/1951) chỉ rõ: Chính quyền của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là chính quyền của nhân dân, lấy liên minh công nhân, nông dân và lao động trí óc làm nền tảng và do giai cấp công nhân lãnh đạo.

Trong cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ Đảng ta đặc biệt coi trọng việc thực hiện liên minh công - nông - trí thức do giai cấp công nhân lãnh đạo.

Đại hội IX khẳng định tính tất yếu của khối liên minh khi bước vào công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước: " Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân, nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo.

8.2. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LIÊN MINH GIỮA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VỚI NÔNG DÂN VÀ TRÍ THỨC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

8.2.1. Đặc điểm của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức Việt Nam

Đặc điểm giai cấp công nhân (đã nghiên cứu ở chương sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, phần sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam)

Đặc điểm của giai cấp nông dân: Là giai cấp những người lao động sản xuất vật chất trong nông nghiệp, lâm, ngư nghiệp... trực tiếp sử dụng tư liệu sản xuất gắn với thiên nhiên là đất, rừng, biển để sản xuất.

Phương thức sản xuất của họ là phân tán năng suất thấp, là giai cấp có tính hai mặt: họ là những người lao động (mặt mạnh cơ bản nhất) và có tính tư hữu nhỏ (mặt hạn chế sẽ được khắc phục trong thời kỳ quá độ). Giai cấp nông dân không có hệ tư tưởng riêng mà phụ thuộc

vào hệ tư tưởng của giai cấp thống trị. Đây là lực lượng đông đảo trong xã hội, họ thực sự được giải phóng khỏi chế độ áp bức bóc lột và càng có đóng góp quan trọng trong xây dựng xã hội mới dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Tầng lớp trí thức.

Được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau. Bao gồm những người lao động trí óc phức tạp và sáng tạo. Có vai trò quan trọng trong liên minh, trong cơ cấu xã hội - giai cấp. Họ không có hệ tư tưởng riêng. Trong chế độ tư hữu, đa số trí thức bị áp bức bóc lột. Khi có Đảng lãnh đạo họ trở thành người làm chủ.

8.2.2. Nội dung cơ bản của liên minh giữa giai cấp công nhân với nông dân và trí thức trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Nguyên tắc bao trùm là kết hợp đúng đắn các lợi ích về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của giai cấp công nhân với giai cấp nông dân với tầng lớp trí thức và toàn bộ xã hội với tư cách là những chủ thể lợi ích.

Thực chất, phát hiện và giải quyết đúng đắn các mâu thuẫn để tạo ra động lực tổng hợp để xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Tập trung giải quyết lợi ích với nông dân.

8.2.2.1. Nội dung chính trị của liên minh

Liên minh vì mục tiêu chung là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên không phải là sự dung hòa lập trường chính trị, tư tưởng của giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức. Do đặc điểm tư tưởng của giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức nên liên minh phải trên lập trường của giai cấp công nhân để giai cấp nhu cầu, lợi ích chính trị của các giai cấp, tầng lớp.

Khối liên minh này phải do Đảng cộng sản Việt nam lãnh đạo. Đây là sự đảm bảo về đường lối, chiến lược, sách lược đúng cho liên minh thực hiện sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Liên minh công nhân, nông dân, trí thức là nòng cốt cho liên minh chính trị rộng lớn là mặt trận tổ quốc, nền tảng do nhà nước của dân, do dân, vì dân. Liên minh không tách rời nội dung, phương hướng, phương thức đổi mới hệ thống chính trị.

Lưu ý: Khi thực hiện liên minh chính trị phải gắn với hoạt động kinh tế, sản xuất, khoa học công nghệ, mở rộng giao lưu hội nhập quốc tế.

Nội dung chính trị cấp thiết hiện nay là thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở xã, phường, xí nghiệp.

8.2.2.2. Nội dung kinh tế của liên minh

Liên minh kinh tế là nội dung cơ bản, quyết định nhất, là cơ sở vật chất kỹ thuật của khối liên minh.

Bao trùm của liên minh kinh tế là giải quyết đúng đắn các lợi ích kinh tế giữa giai cấp công nhân, nông dân và trí thức nhằm thỏa mãn các lợi ích, nhu cầu kinh tế của các giai tầng.

Cụ thể: Phải xác định đúng thực trạng, tiềm năng kinh tế của đất nước để xác định đúng cơ cấu kinh tế gắn với nhu cầu kinh tế của công, nông, trí thức và toàn xã hội. Hiện nay chúng ta đang thực hiện cơ cấu công nghiệp - nông nghiệp - dịch vụ. Cơ cấu kinh tế này giúp cho những ngành kinh tế gắn bó với nhau, trong đó khoa học công nghệ tác động tới các ngành. Tiến hành đa dạng hóa các hình thức hợp tác, liên kết, giao lưu kinh tế trong sản xuất - kinh doanh, lưu thông phân phối, tăng cường quan hệ giữa công, nông nghiệp và khoa học công nghệ. Trong điều kiện hiện nay phải đặc biệt coi trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn.

Từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa với những bước đo phù hợp như: đa dạng hóa các hình thức sở hữu, đa dạng hóa hình thức hợp tác kinh tế, đẩy mạnh sản xuất vùng, miền.

Trong liên minh kinh tế còn thể hiện ở vai trò của Nhà nước trong quan hệ với các giai cấp tầng lớp. Đó là: quan hệ giữa nhà nước với nông dân. Nhà nước phải tiếp tục thực hiện chính sách khuyến nông. Nhà nước phải hoàn chỉnh hệ thống chính sách và pháp luật về cơ chế sở hữu, sử dụng quyền sử dụng đất, rừng, luật và cơ chế đầu tư cho nông nghiệp, chính sách giá cả, tiêu thụ, chế biến, bảo quản sản phẩm nông nghiệp. Nhà nước với trí thức: Đổi mới luật và chính sách liên quan đến sở hữu trí tuệ. Đổi mới đào tạo, sử dụng, đãi ngộ đúng với hiệu quả lao động, phát huy hết tiềm năng của trí thức. Đặc biệt phải tổ chức lại cơ quan hoạt động và khoa học công nghệ.

8.2.2.3. Nội dung văn hóa xã hội của liên minh

Xuất phát từ mục tiêu của thời kỳ quá độ là dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh cần tập trung vào các nội dung cụ thể sau:

Thứ nhất, Tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái. Đảm bảo các giai cấp, tầng lớp vừa là chủ thể của hoạt động sáng tạo về mọi mặt vừa là chủ thể hưởng thụ công bằng các thành quả của liên minh.

Thứ hai, trong điều kiện trước mắt là tạo nhiều việc làm để xóa đói, giảm nghèo cho công nhân, nông dân và trí thức trong cơ chế mới.

Thứ ba, đổi mới và thực hiện tốt các chính sách xã hội đặc biệt như chính sách bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.

Thứ tư, Nâng cao dân trí, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

Thứ năm, xây dựng và thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp, khoa học công nghệ, đô thị phải gắn với quy hoạch phát triển công nghiệp nông thôn, tập trung vào trọng điểm quan trọng, cụm kinh tế - kỹ thuật, cơ sở y tế, giáo dục...

8.3. KẾT LUẬN

Nghiên cứu liên minh giữa giai cấp công nhân với nông dân và trí thức giúp chúng ta hiểu được những cơ sở lý luận về vấn đề này. Đó là các vấn đề cơ cấu xã hội - giai cấp cũng như vị trí của nó trong cơ cấu xã hội, hiểu được sự tồn tại của giai cấp tầng lớp công, nông, trí thức cũng như sự thống nhất cũng như sự thống nhất và mâu thuẫn giữa các giai, tầng lớp này trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Trên cơ sở trang bị về tính tất yếu của liên minh công, nông, trí thức trong thời kỳ quá độ giúp chúng ta hiểu được những nội dung liên minh công nông, trí thức ở nước ta trong điều kiện hiện nay. Qua đó giúp chúng ta xác định rõ vị trí, trách nhiệm của mình trong thực hiện đường lối của Đảng về vấn đề này trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Cơ cấu xã hội là gì? Cơ cấu xã hội và cơ cấu xã hội - giai cấp có mối quan hệ như thế nào?

Câu 2: Tính tất yếu của liên minh công nhân với nông dân và trí thức trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội?

Câu 3: Tính tất yếu của liên minh công, nông, trí thức trong thời kỳ quá độ ở Việt Nam.

Câu 4: Phân tích những đặc điểm của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức Việt Nam trong mối quan hệ liên minh giữa các giai tầng này.

Câu 5: Nội dung cơ bản của liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

CHƯƠNG 9: VẤN ĐỀ DÂN TỘC TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

GIỚI THIỆU CHUNG

Dân tộc là đối tượng nghiên cứu của nhiều môn học khác nhau như triết học, dân tộc học, xã hội học... nghiên cứu trên các góc độ khác nhau.

Chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu dân tộc theo góc độ chính trị - xã hội. Hiểu và giải quyết vấn đề dân tộc góp phần quyết định đến sự thành công hay thất bại của quá trình đổi mới. Đây là vấn đề rất nhạy cảm và phức tạp ở nước ta hiện nay.

MỤC ĐÍCH YÊU CẦU CẦN NẮM VỮNG

1. Thấy được tầm quan trọng của việc giải quyết vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ và cương lĩnh dân tộc của Lenin.
2. Nhận thức rõ quan điểm của Đảng ta về vấn đề dân tộc.
3. Chống lại những quan điểm sai trái về vấn đề dân tộc.

NỘI DUNG

9.1. DÂN TỘC VÀ HAI XU HƯỚNG KHÁCH QUAN CỦA PHONG TRÀO DÂN TỘC

9.1.1. Khái niệm dân tộc và những đặc trưng cơ bản của dân tộc

Dân tộc là sản phẩm của quá trình phát triển lâu dài của lịch sử. Đó là một hình thức cộng đồng người xuất hiện sau: thị tộc, bộ lạc, bộ tộc. (xem lại phần triết học).

Khái niệm dân tộc được hiểu theo hai nghĩa.

Nghĩa thứ nhất, dân tộc chỉ cộng đồng người có liên hệ chặt chẽ và bền vững, có chung sinh hoạt kinh tế, có ngôn ngữ riêng, văn hóa có những đặc thù, xuất hiện sau bộ lạc, bộ tộc, kế thừa phát triển cao hơn những nhân tố tộc người ở bộ lạc, bộ tộc và thể hiện thành ý thức tự giác tộc người của cư dân cộng đồng đó.

Hiểu theo nghĩa này dân tộc là một bộ phận của quốc gia (ví dụ: người Tày, Việt ở Việt Nam).

Nghĩa thứ hai, dân tộc là một cộng đồng người ổn định, làm thành nhân dân của một nước, có lãnh thổ quốc gia, nền kinh tế thống nhất, quốc ngữ chung và có ý thức về sự thống

nhất của mình gắn bó với nhau bởi quyền lợi chính trị, kinh tế, truyền thống văn hóa và truyền thống đấu tranh chung trong suốt quá trình lịch sử lâu dài dựng nước và giữ nước.

Theo nghĩa này chỉ có dân tộc là toàn bộ nhân dân của quốc gia đó (quốc gia dân tộc).

Dân tộc được nhận thức bởi các đặc trưng cơ bản sau:

Một là, dân tộc có chung sinh hoạt kinh tế: Đây là yếu tố cơ bản quyết định nhất. Các quan hệ kinh tế là cơ sở để liên kết các bộ phận, các thành viên của dân tộc, tạo nên nền tảng vững chắc cho dân tộc. Sinh hoạt kinh tế gắn liền với quá trình phát triển của dân tộc ấy.

Hai là, dân tộc có chung lãnh thổ: Một dân tộc muốn tồn tại, phát triển phải có một địa bàn cư trú, có thể tập trung trên một vùng lãnh thổ của cả nước hoặc đan xen giữa các dân tộc. Việc xác lập và bảo vệ lãnh thổ quốc gia có ảnh hưởng quan trọng đến sự phát triển của dân tộc.

Ba là, dân tộc có cùng chung ngôn ngữ (có thể có chữ viết riêng) trên cơ sở ngôn ngữ chung của quốc gia đó.

Dân tộc phải có chung một phương tiện giao tiếp (tiếng nói, chữ viết). Sử dụng ngôn ngữ của tộc người phát triển nhất, được thừa nhận ở bình diện quốc gia.

Bốn là, dân tộc có nét tâm lý riêng (tâm lý dân tộc) biểu hiện trong kết tinh văn hóa dân tộc gắn bó với văn hóa của cả cộng đồng dân tộc (quốc gia dân tộc).

Điều đó được thể hiện trên phương pháp nhận thức, sinh hoạt văn hóa, kiến trúc...

Bốn đặc trưng trên gắn bó chặt chẽ với nhau tạo thành chỉnh thể. Thực chất ở đây là một cộng đồng xã hội - tộc người, nhân tố tộc người đan xen, hòa quyện vào nhân tố xã hội làm cho nó khác với khái niệm khác.

Lưu ý: Khái niệm dân tộc và quốc gia có gắn bó chặt chẽ: dân tộc ra đời trong một quốc gia nhất định, những nhân tố hình thành dân tộc chín muồi gắn với nhân tố hình thành quốc gia.

Sắc tộc, chủng tộc chỉ đề cập tới đặc trưng tự nhiên và kết cấu tự nhiên: chiều cao, cân nặng, màu da, tóc...

9.1.2. Hai xu hướng của phong trào dân tộc và biểu hiện của hai xu hướng khách quan đó trong thời đại ngày nay

Sự hình thành, phát triển chủ nghĩa tư bản là điều kiện để Lenin nghiên cứu về xu hướng phát triển của dân tộc.

Xu hướng thứ nhất: Xác lập quốc gia dân tộc độc lập

Xu hướng này nổi bật ở giai đoạn đầu của chủ nghĩa tư bản. Giai cấp tư sản đứng ở vị trí trung tâm của xã hội, dựng ngọn cờ chống chế độ phong kiến. Khi sự trưởng thành về ý thức dân tộc, ý thức về quyền sống của mình các cộng đồng dân cư muốn tách khỏi nhau để

thành lập quốc gia thống nhất. Xu hướng này phát triển thành phong trào đấu tranh chống áp bức dân tộc hình thành các quốc gia độc lập.

Xu hướng thứ hai: Liên hiệp giữa các dân tộc

Các dân tộc trong từng quốc gia, thậm chí các dân tộc trong nhiều quốc gia muốn liên hiệp với nhau. Sự phát triển của lực lượng sản xuất, sự tác động của khoa học kỹ thuật xuất hiện xu hướng: Phá bỏ ngăn cách giữa các dân tộc, tạo nên mối quan hệ rộng lớn ở bình diện quốc gia, quốc tế, thúc đẩy các dân tộc xích lại gần nhau. Xu hướng này nổi bật ở giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Hai xu hướng vận động trong một thể thống nhất dẫn đến: các quốc gia cụ thể có nhu cầu độc lập dân tộc, tự chủ để xây dựng, phát triển. Đồng thời phải tăng cường quan hệ với cộng đồng quốc tế. Tuy nhiên độc lập dân tộc trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa khó thực hiện được. Chủ nghĩa Mác Lênin cho rằng chỉ trong điều kiện xóa bỏ tình trạng người bóc lột người thì mới xóa bỏ được sự áp bức, nô dịch giai cấp, dân tộc.

Biểu hiện của hai xu hướng khách quan của sự phát triển dân tộc trong thời đại ngày nay rất phong phú, đa dạng.

Nếu xét trong phạm vi các quốc gia xã hội chủ nghĩa có nhiều dân tộc. Biểu hiện của xu hướng thứ nhất là các dân tộc nỗ lực để đạt được sự tự chủ xu hướng thứ hai tạo nên sự thúc đẩy mạnh mẽ để các dân tộc xích lại gần nhau trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Hai xu hướng tác động cùng chiều bổ sung, hỗ trợ cho nhau sẽ đụng chạm tới tất cả các quan hệ dân tộc. Cụ thể: sự tự chủ, phồn vinh của từng dân tộc tạo điều kiện cho dân tộc đó đoàn kết hợp tác với dân tộc khác; sự xích lại gần nhau giữa các dân tộc tạo điều kiện để các dân tộc đi nhanh đến tự chủ. Sự hòa quyện đó không xóa nhòa đặc thù dân tộc.

Xét trên phạm vi thế giới, sự tác động giữa hai xu hướng rất nổi bật. Do: Một trong những mục tiêu của thời đại là giành độc lập dân tộc. Xu hướng này biểu hiện trong phong trào giải phóng dân tộc: xóa bỏ chủ nghĩa thực dân cũ, chống lại sự xâm lược của thực dân mới. Nó còn biểu hiện trong cuộc đấu tranh của các dân tộc nhỏ bé là nạn nhân của chính sách kỳ thị dân tộc, phân biệt chủng tộc.

Sự tác động của yếu tố thời đại làm xuất hiện xu hướng các dân tộc xích lại gần nhau. Đó là xu hướng hợp nhất quốc gia theo nguyên trạng lãnh thổ, xu hướng liên minh các dân tộc trên cơ sở lợi ích. Xu hướng liên minh các dân tộc theo khu vực với điều kiện địa lý, văn hóa tương đồng. Xu hướng tập đoàn hóa các khu vực dựa vào lợi ích kinh tế, lợi ích chính trị để cùng chống một sức ép khác... Xuất hiện liên minh các dân tộc để giải quyết vấn đề toàn cầu...

9.2. NỘI DUNG CƯƠNG LĨNH DÂN TỘC CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN

Lênin viết tác phẩm về "quyền dân tộc tự quyết". Tác nhân được coi là cương lĩnh dân tộc của Đảng cộng sản gồm 3 vấn đề.

9.2.1. Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng

Vị trí: Đây là quyền thiêng liêng của mọi dân tộc. Nó cũng là một trong những nội dung phần đầu của Đảng cộng sản, của giai cấp công nhân. Để thực hiện được mục tiêu này phải gắn liền với cuộc đấu tranh giai cấp để thủ tiêu bóc lột, áp bức giai cấp.

Nội dung: Các dân tộc có quyền lợi và nghĩa vụ ngang nhau trên tất cả các lĩnh vực, chỉ rõ các dân tộc bình đẳng bất kể dân tộc có số lượng nhiều hay ít, trình độ phát triển cao hay thấp, đất đai rộng hay hẹp, các dân tộc bình đẳng trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Khắc phục tình trạng chênh lệch trong sự phát triển giữa các dân tộc. Quyền bình đẳng giữa các dân tộc được thực hiện trên phạm vi cả nước và quốc tế. Đây là cơ sở để thực hiện các nội dung khác vì các dân tộc có quyền bình đẳng mới có quyền quyết định vận mệnh của mình và hợp tác quốc tế.

9.2.2. Các dân tộc có quyền tự quyết

Đây là quyền bất khả xâm phạm của các dân tộc vì: quyền tự quyết trước hết là tự quyết về chính trị, giành độc lập và chính trị không lệ thuộc vào quốc gia dân tộc khác. Với các nước dân tộc thuộc địa đó là giải phóng khỏi ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, giành độc lập dân tộc, đưa đất nước đi theo con đường tiến bộ. Quyền tự quyết còn là quyền tự nguyện tham gia liên hiệp dân tộc.

Thực chất: Quyền tự quyết của các dân tộc là quyền làm chủ của dân tộc đối với đất nước mình, không một dân tộc nào có quyền can thiệp.

Ý nghĩa: Nội dung trên thức tỉnh các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, giành độc lập đưa đất nước phát triển theo quy luật khách quan của lịch sử.

9.2.3. Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc

Đây là nội dung cơ bản xuyên suốt, mang tính nguyên tắc trong cương lĩnh của Lênin vì: nó phản ánh sự thống nhất giữa phong trào giải phóng dân tộc với phong trào công nhân. Nó đảm bảo cho phong trào giải phóng dân tộc có đủ sức mạnh để đấu tranh giành thắng lợi.

Nội dung cơ bản là sự kết hợp chặt chẽ phong trào yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản. Giai cấp công nhân phải giải quyết phù hợp lợi ích dân tộc. Khi giải quyết vấn đề dân tộc phải đứng trên lập trường của giai cấp công nhân. Nội dung trên phù hợp với thời đại, trở thành sức mạnh của thời đại. Ngày nay giai cấp công nhân ở mỗi quốc gia dân tộc phải đoàn kết với nhân dân thế giới đấu tranh vì mục tiêu của thời đại. Đây là mục tiêu phần đầu là biện pháp hữu hiệu để các Đảng Cộng sản tổ chức lực lượng trong đấu tranh để giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải quyết đúng đắn quyền bình đẳng và quyền tự quyết của các dân tộc.

Tóm lại: Cương lĩnh dân tộc của Đảng Cộng sản là một bộ phận của cương lĩnh Cách mạng của giai cấp công nhân là cơ sở lý luận của đường lối chính sách dân tộc của Đảng Cộng sản và Nhà nước xã hội chủ nghĩa

9.3. VẤN ĐỀ DÂN TỘC Ở VIỆT NAM VÀ CHÍNH SÁCH DÂN TỘC CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA HIỆN NAY

9.3.1. Đặc trưng cơ bản của dân tộc Việt Nam

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc thống nhất gắn bó với nhau trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước. Từ yêu cầu sản xuất nông nghiệp của một nước nông nghiệp trồng lúa nước, từ yêu cầu của cuộc chiến tranh chống xâm lược, đó là 2 nhân tố quyết định sự hình thành và phát triển của dân tộc.

Việt Nam có 54 dân tộc, dân tộc Kinh chiếm 87%, các dân tộc còn lại là 13%. Dân tộc Việt Nam có những đặc trưng nổi bật sau:

Những yếu tố liên kết tạo nên tính cộng đồng chung, cộng đồng các quốc gia dân tộc đạt đến độ bền vững: đó là ý thức sâu sắc về cội nguồn chung, có truyền thống đoàn kết, về khách quan dân tộc Kinh đóng vai trò là lực lượng trung tâm... Hình thành nên chủ nghĩa yêu nước.

Các dân tộc nước ta nhìn chung sống xen kẽ là chủ yếu, không có một dân tộc nào phát triển riêng rẽ theo một nghĩa tuyệt đối.

Do điều kiện lịch sử và nhân tố chủ quan (Đế quốc chia rẽ, thiếu sót của Đảng) các dân tộc có sự chênh lệch khá lớn về trình độ kinh tế, văn hóa, xã hội. Về kinh tế có dân tộc đã tiến tới thời kỳ tiền tư bản, có dân tộc còn ở tình trạng hái lượm. Về xã hội có dân tộc đạt trình độ phân hóa giai cấp sâu sắc, có dân tộc còn ở giai đoạn cuối cùng của cộng sản nguyên thủy. Đây là đặc trưng cần lưu ý trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Các dân tộc đều thừa nhận ngôn ngữ chung là tiếng Việt, có dân tộc có chữ viết riêng.

Các dân tộc ít người thường cư trú trên địa bàn có vị trí chiến lược, quan trọng cả về phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng.

Từ đặc trưng đó mà các dân tộc ở Việt Nam có xu hướng hợp tác gắn bó lẫn nhau trong một tổ quốc thống nhất để cùng phát triển.

9.3.2. Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta hiện nay

Căn cứ lý luận và thực tiễn giải quyết vấn đề dân tộc ở Việt Nam về lý luận: Đảng và Hồ Chí Minh căn cứ vào cương lĩnh dân tộc của Lênin vào thực tiễn đấu tranh Cách mạng đã đề ra và giải quyết vấn đề dân tộc ở các giai đoạn Cách mạng.

Cương lĩnh chính trị tháng 10/1930 xác định vấn đề dân tộc là một bộ phận của Cách mạng Việt Nam (Cách mạng vô sản), độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Giai đoạn 1930 - 1945 tiếp tục giương cao khẩu hiệu đoàn kết dân tộc rộng rãi để giành thắng lợi cho

Cách mạng. Trong chống Mỹ (1954 - 1975) đoàn kết dân tộc để thực hiện 2 nhiệm vụ chiến lược.

Hồ Chí Minh có tư tưởng về vấn đề dân tộc rất độc đáo. Người khẳng định: nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một đồng bào các dân tộc đều là anh em một nhà. Đoàn kết dân tộc là cốt lõi của chủ nghĩa yêu nước; độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; đoàn kết nhân dân, dân tộc Việt Nam với nhân dân và các dân tộc khác trên thế giới.

Trong xây dựng chủ nghĩa xã hội các đại hội IV, V, VI, VII, VIII đều khẳng định vai trò của đoàn kết dân tộc, chính sách dân tộc.

Về thực tiễn: Đảng ta dựa vào việc tổng kết kinh nghiệm của việc thực hiện chính sách dân tộc.

Đại hội IV của Đảng chỉ rõ: vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc luôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp Cách mạng chỉ rõ chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta hiện nay tập trung vào những nhiệm vụ cụ thể sau:

Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển kinh tế hàng hóa, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân các dân tộc, thực hiện xóa đói, giảm nghèo.

Giữ gìn, làm giàu và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc.

Thực hiện công bằng giữa các dân tộc, giữa miền núi và miền xuôi, đặc biệt quan tâm tới các vùng khó khăn, vùng trước đây là căn cứ kháng chiến.

Tăng cường bồi dưỡng đào tạo đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số.

Tiếp tục thực hiện truyền thống đoàn kết giữa các dân tộc. Động viên vai trò của những người tiêu biểu có uy tín trong dân tộc và địa phương. Chống tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi cực đoan, khắc phục tư tưởng tự ty, mặc cảm dân tộc.

Rõ ràng chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta mang tính toàn diện, tổng hợp tác động tới tất cả các mặt của đời sống xã hội, tác động tới tất cả các dân tộc nhằm đạt mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

9.4. KẾT LUẬN

Cương lĩnh dân tộc của Lênin là sự hoàn chỉnh tư tưởng của Mác - Ăng-ghe-n về vấn đề dân tộc. Đó là ngọn đuốc soi đường cho các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc đứng lên giành độc lập dân tộc và phát triển theo con đường văn minh, tiến bộ. Cương lĩnh dân tộc của Lênin là cơ sở lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam trong việc giải quyết vấn đề dân tộc ở Việt Nam. Với đường lối đúng đắn Đảng Cộng sản đã lãnh đạo các dân tộc Việt Nam làm nên những thắng lợi to lớn trong thế kỷ XX. Chặng đường trước mắt đòi hỏi Đảng và Nhà nước tiếp tục có những chính sách phù hợp về vấn đề dân tộc và tổ chức thực hiện thắng lợi những chính sách đó để đạt mục tiêu " Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh".

CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Phân biệt các khái niệm dân tộc. Phân tích về hai xu hướng khác quan của sự phát triển các dân tộc trong thời đại ngày nay.

Câu 2: Phân tích nội dung cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin

Câu 3: Phân tích đặc điểm cơ bản của dân tộc Việt Nam.

Câu 4: Phân tích chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.



HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH ĐIỆN TỬ
Km10 Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông - Hà Tây
Tel: (04) 5541221; Fax: (04) 5540587
Website: <http://www.e-ptit.edu.vn>; E-mail: dhkx@ptit.edu.vn

CHƯƠNG 10: VẤN ĐỀ TÔN GIÁO TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

GIỚI THIỆU CHUNG

Với sự bùng nổ của cách mạng khoa học công nghệ làm tăng nhanh quá trình quốc tế hóa lực lượng sản xuất đã làm thay đổi một loạt các vấn đề của đời sống xã hội - trong đó có tôn giáo. Các nhà khoa học đã đi nghiên cứu, xem xét lại những quan niệm cũ về vấn đề tôn giáo, để tập trung lý giải các xu thế phát triển đa dạng, phức tạp hiện nay.

Việt Nam là một quốc gia đa tôn giáo. Việc nghiên cứu về tôn giáo có một ý nghĩa hết sức quan trọng, nó giúp chúng ta hiểu, quán triệt và thực thi quan điểm của Đảng về chính sách đối với tôn giáo hiện nay đồng thời qua đó góp phần chống lại việc lợi dụng tôn giáo để chống phá công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

MỤC ĐÍCH YÊU CẦU CẦN NẮM VỮNG

1. Nắm chắc bản chất, nguồn gốc, tính chất tôn giáo.
2. Hiểu được các xu hướng phát triển của tôn giáo hiện nay.
3. Nắm những nét cơ bản về tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.
4. Quán triệt quan điểm của Đảng ta về chính sách đối với tôn giáo trong điều kiện hiện nay.

NỘI DUNG

10.1. BẢN CHẤT NGUỒN GỐC VÀ TÍNH CHẤT CỦA TÔN GIÁO

10.1.1. Bản chất và nguồn gốc của tôn giáo

10.1.1.1. Bản chất tôn giáo

- Theo chủ nghĩa Mác Lênin tôn giáo là một hiện tượng xã hội văn hóa, lịch sử, một lực lượng xã hội trần thế. Trên cơ sở đó có thể khẳng định: Tôn giáo là một trong những hình thái tín ngưỡng có quan niệm, ý thức, hành vi và các tổ chức tôn giáo.

Rõ ràng tôn giáo là một dạng tín ngưỡng (là niềm tin và sự ngưỡng mộ của con người vào một hiện tượng, một lực lượng siêu nhiên, tôn sùng vào một điều gì đó pha chút thần bí,

hư ảo, vô hình tác động mạnh đến tâm linh con người, trong đó bao hàm cả tín ngưỡng tôn giáo. Để gọi là tôn giáo phải có giáo lý, giáo luật, lễ nghi và các tổ chức tôn giáo.

Tôn giáo cũng khác với mê tín dị đoan là một hiện tượng tiêu cực, là sự tín ngưỡng một cách cuồng tín không có cơ sở đôi khi mê muội, mù quáng vào một hiện tượng thần b. Nó thường gắn với hình thức sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo.

- Mác đã chỉ rõ sự nghèo nàn của tôn giáo vừa là biểu hiện nghèo nàn của hiện thực, vừa là sự phản kháng chống sự nghèo nàn hiện thực ấy. Tôn giáo là tiếng thở dài của chúng sinh bị áp bức, là trái tim của thế giới không có trái tim. Cũng giống như nó là tinh thần của những trật tự không có tinh thần. Tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân"...

Từ quan điểm của Mác và Ăng ghen có thể thấy tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội phản ánh xuyên tạc, hoang đường hiện thực khách quan. Tôn giáo đối lập với thế giới quan duy vật, đối lập với khoa học. Tuy tôn giáo cũng chứa đựng một số nhân tố phù hợp, nhưng nó là một hiện tượng xã hội tiêu cực.

10.1.1.2. Nguồn gốc của tôn giáo

- Nguồn gốc kinh tế - xã hội:

Khi trình độ, lực lượng sản xuất thấp kém, điều kiện sinh hoạt vật chất kém con người cảm thấy yếu đuối và bất lực trước tự nhiên. Xem tự nhiên là lực lượng siêu nhiên che chở cho mình. Đó là hình thức tồn tại đầu tiên của tôn giáo.

Khi giai cấp xuất hiện, tình trạng áp bức bóc lột xảy ra, sự bần cùng trước những bất công xã hội, những hiện tượng xã hội tự phát, thất vọng, bất hạnh trong đấu tranh xã hội sẽ làm nảy sinh tôn giáo.

- Nguồn gốc nhận thức:

Xuất phát từ tính tương đối của nhận thức chân lý. Con người luôn mong muốn đạt đến chân lý tuyệt đối nhưng chỉ tiến đến chân lý tương đối. Khoảng cách giữa tuyệt đối và tương đối trong nhận thức dẫn tới sự xuất hiện tôn giáo. Khoa học bất lực thì tôn giáo lên tiếng.

Mặt khác xuất phát từ đặc điểm nhận thức của con người là một quá trình đầy mâu thuẫn. Điều đó thể hiện khi hình thức phản ánh càng đa dạng phong phú và mang tính khoa học bao nhiêu thì con người nhận thức đầy đủ và sâu sắc thế giới khách quan bấy nhiêu. Nhưng khi hình thức phản ánh đạt đến mức độ hư ảo thì nhận thức con người càng xa rời thực tiễn, phản ánh sai lệch hiện thực lúc đó làm nảy sinh tôn giáo.

- Nguồn gốc tâm lý:

Tín ngưỡng, tôn giáo và mê tín có sự trùng khít với nhau ở góc độ tâm lý khi con người còn có nhu cầu về vật chất và tinh thần thì còn có điều kiện nảy sinh tôn giáo.

Tình cảm tiêu cực: Con người sợ hãi trước sức mạnh tự nhiên và xã hội. Con người đến với tôn giáo. Nhưng tôn giáo cũng không xuất phát từ tình cảm tích cực mà nảy sinh như: Lòng kính trọng, sự biết ơn, sự yêu mến, tình yêu của con người với tự nhiên với người khác.

Tôn giáo bù đắp sự hụt hẫng trong cuộc sống, trống vắng trong tâm hồn, xoa dịu các số phận không may mắn. Dù hư ảo nhưng nhiều người vẫn tin vào nó.

10.1.2 Tính chất của tôn giáo

Tôn giáo có 3 tính chất sau:

- Tính lịch sử:

Tôn giáo không phải là một hiện tượng vĩnh viễn, nó có quá trình phát sinh, phát triển lâu dài. Nó chỉ mất đi khi nguồn gốc tạo ra nó không còn nữa tôn giáo sẽ mất đi. Tôn giáo mất đi khi con người đạt đến trình độ cao về mọi mặt: làm chủ tự nhiên, chuyển vương quốc của tất yếu sang vương quốc của tự do. Con người được giải phóng hoàn toàn; Điều kiện sinh hoạt vật chất và tinh thần được thỏa mãn đầy đủ.

- Tính quần chúng của tôn giáo:

Đại bộ phận tín đồ tôn giáo là quần chúng nhân dân. Năm 2001 thế giới có khoảng 10.000 tôn giáo với các tôn giáo lớn: Kitô giáo (gồm công giáo, tin lành, Anh giáo và chính thống giáo, có khoảng 2 tỷ giáo dân, Hồi giáo 1,3 tỷ, ấn độ giáo 900 triệu, Phật giáo 360 triệu, tôn giáo Trung Hoa truyền thống 190 triệu ... Những người không tôn giáo: 850 triệu.

Tôn giáo phản ánh khát vọng của quần chúng nhân dân muốn vươn tới: Tự do, bình đẳng, bác ái.

Tôn giáo thật sự trở thành nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân lao động hướng tới tính nhân văn, nhân đạo và tính hướng thiện.

- Tính chính trị của tôn giáo:

Trong thời kỳ đầu khi tôn giáo hình thành nó không hề mang tính chính trị, nhưng khi xã hội loài người phân chia giai cấp thì tôn giáo không đơn thuần mang tính chất tư tưởng. Thể hiện sự biến đổi của cơ cấu xã hội - giai cấp. Tôn giáo phản ánh cuộc đấu tranh giai cấp, nó là một bộ phận trong đấu tranh ý thức hệ giai cấp. Những cuộc đấu tranh tôn giáo thực chất là đấu tranh giữa những lực lượng xã hội mâu thuẫn với nhau.

Giai cấp thống trị, bóc lột sử dụng tôn giáo như một công cụ để duy trì áp bức bóc lột và bảo vệ lợi ích của giai cấp mình.

10.2. VẤN ĐỀ TÔN GIÁO TRONG XÃ HỘI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

10.2.1. Nguyên nhân tồn tại của tôn giáo trong xã hội xã hội chủ nghĩa

Dưới xã hội xã hội chủ nghĩa tôn giáo vẫn tồn tại vì các nguyên nhân sau:

- Nguyên nhân nhận thức:

Dưới chủ nghĩa xã hội trình độ nhận thức của nhân dân chưa cao, nhiều hiện tượng tự nhiên xã hội khoa học chưa giải thích nổi. Do đó khi hoạn nạn xảy ra những người vốn có tín ngưỡng tôn giáo bèn cầu xin sự che chở của lực lượng siêu nhiên nên tôn giáo có cơ sở tồn tại.

- Nguyên nhân tâm lý:

Tôn giáo tồn tại lâu đời trong lịch sử, ăn sâu vào tiềm thức của nhiều người dân, nó trở thành một kiểu sinh hoạt tinh thần không thể thiếu được trong cuộc sống. Nó là một hình thái ý thức xã hội bảo thủ nhất.

- Nguyên nhân văn hóa:

Đa số tôn giáo gắn với sinh hoạt văn hóa của nhân dân, do đó việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc phải đi liền với bảo tồn các giá trị văn hóa ở mức độ nhất định.

- Nguyên nhân chính trị xã hội:

Trong giáo lý và nguyên tắc tôn giáo có nhiều điểm phù hợp với chủ nghĩa xã hội, với đường lối, chính sách của nhà nước xã hội chủ nghĩa do đó tôn giáo được khuyến khích phát huy giá trị đạo đức, văn hóa. Đó là cơ sở để nó tồn tại. Mặt khác, các thế lực thù địch với chủ nghĩa xã hội lợi dụng tôn giáo để chống phá cách mạng. Tôn giáo trở thành công cụ, phương tiện, lực lượng để chống phá chủ nghĩa xã hội.

- Nguyên nhân về kinh tế:

Trong chủ nghĩa xã hội, nhất là giai đoạn đầu vẫn còn sở hữu riêng lại thực hiện cơ chế thị trường trong kinh tế nên xuất hiện sự cạnh tranh khốc liệt dẫn tới sự thành công trong sản xuất kinh doanh của nhiều người nhưng cũng không ít người làm ăn thua lỗ. Cả hai lớp người này đều xuất hiện tâm lý thụ động, cầu mong vào lực lượng siêu nhiên, họ đến với tôn giáo. Mặt khác đời sống kinh tế của nhân dân chưa cao nên họ lựa chọn giải pháp đến với tôn giáo.

Xu hướng phát triển của tôn giáo hiện nay: Để tồn tại tôn giáo có xu hướng cách tân:

Xu hướng thứ nhất: tính cộng đồng giảm dần. Giáo dân cho rằng con người có khả năng trực tiếp quan hệ với chúa, nên không cần thiết phải tập trung ở nhà thờ...

Xu hướng thứ hai: Thế tục hóa: tính chất hoang đường giảm đi tôn giáo có sự cải biên cho phù hợp với thời đại. Tôn giáo cũng quan tâm đến các vấn đề toàn cầu như đói nghèo, bệnh tật, giáo dục.

Xu hướng dựng nên ngọn cờ tôn giáo mới. Cho rằng chỉ có tôn giáo mới đem lại lợi ích cho nhân dân thế giới còn các lực lượng xã hội khác thì không. Thực chất đó là sự tranh giành ảnh hưởng, bài xích hạ uy tín của nhau.

10.2.2. Những quan điểm chỉ đạo trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội

Tôn giáo là vấn đề phức tạp, nhạy cảm, tế nhị, giải quyết vấn đề tôn giáo trong chủ nghĩa xã hội cần dựa trên các quan điểm sau:

Thứ nhất, Khắc phục dần những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo trong đời sống xã hội gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ xây dựng xã hội mới.

Thể giới quan duy vật Mác xít hoàn toàn đối lập với thể giới quan tôn giáo và tín ngưỡng mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân. Vì vậy việc khắc phục dần ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo là yêu cầu khách quan của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Phải lý giải khoa học về vấn đề tôn giáo, biện pháp linh hoạt không nôn nóng tả khuynh hoặc hữu khuynh.

Thứ hai, tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng và quyền tự do không tín ngưỡng của nhân dân. Mọi công dân theo hay không theo một tín ngưỡng tôn giáo nào đều bình đẳng trước pháp luật. Có quyền và nghĩa vụ như nhau. Phát huy những nhân tố tích cực của tôn giáo, đặc biệt là những giá trị đạo đức, chủ nghĩa nhân đạo và tinh thần yêu nước. Nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm đến tín ngưỡng tôn giáo của công dân.

Thứ ba, thực hiện đoàn kết những người theo hoặc không theo một tôn giáo nào, đoàn kết các tôn giáo hợp pháp, chân chính, đoàn kết toàn dân xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Nghiêm cấm hành vi chia rẽ đoàn kết vì lý do tôn giáo. Thông qua quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, nâng cao mức sống, lối sống, nhận thức của nhân dân làm cho những người có tín ngưỡng tôn giáo sẽ dần đến với chủ nghĩa xã hội.

Thứ tư, Phân biệt rõ hai mặt chính trị và tư tưởng của tôn giáo.

- Về tư tưởng: Phản ánh mâu thuẫn không có tính chất đối kháng giữa người có tôn giáo và người không có tôn giáo.

- Về chính trị: Phản ánh mâu thuẫn kinh tế, chính trị giữa các giai cấp và các thế lực phản động. Hiện nay mặt chính trị của tôn giáo là lợi dụng tôn giáo chống lại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, nó có ba trạng thái: tiêu cực, phạm pháp và phản động về chính trị. Giải quyết vấn đề này phải thường xuyên, liên tục, thận trọng.

Thứ năm, phải có quan điểm lịch sử khi giải quyết vấn đề tôn giáo. Căn cứ vào vai trò, tác động của tôn giáo với xã hội mà giải quyết. Cũng phải căn cứ vào quan điểm của tôn giáo mà giải quyết với những vấn đề liên quan đến tôn giáo.

Quá trình thực hiện 5 quan điểm trên phải đạt yêu cầu: Đoàn kết đồng bào có tín ngưỡng tôn giáo với đồng bào không có tôn giáo vì mục tiêu của chủ nghĩa xã hội. Phát huy tinh thần yêu nước, thương dân của tôn giáo và giáo dân. Kiên quyết trừng trị những kẻ lợi dụng tôn giáo để chống phá sự nghiệp cách mạng của toàn dân.

10.3. VẤN ĐỀ TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM VÀ CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA HIỆN NAY

10.3.1. Khái quát tình hình tôn giáo ở Việt Nam

Tôn giáo ở Việt Nam có những đặc điểm sau đây:

Việt Nam là một quốc gia đa tôn giáo, có nguồn gốc đa dạng, có đặc thù riêng nhưng hầu hết đều có quan hệ quốc tế nhất định. Tính đan xen, dung hợp, hòa đồng của tín ngưỡng tôn giáo Việt Nam làm cho tôn giáo cơ bản, không có chiến tranh và xung đột tôn giáo. Tính trội của yếu tố nữ trong hệ thống tín ngưỡng tôn giáo Việt Nam là đặc điểm phản ánh đặc

điểm, truyền thống xã hội Việt Nam. Các tôn giáo đều thần thánh hóa những người có công với gia đình - làng - nước. Các thế lực phản động trong và ngoài nước lợi dụng tôn giáo vì mục đích chính trị.

Mấy năm gần đây tôn giáo có xu hướng phục hồi, phát triển. Hoạt động trong cơ chế thị trường có hiện tượng gây nên sự quá cả tin, lãng phí tiền bạc, lãng phí thời gian, phô trương, ít linh thiêng. Đảng và Nhà nước ta đã có những quyết sách về vấn đề tôn giáo: Nghị quyết 24 của Bộ Chính trị 26/10/1990. Hiến pháp 1992 điều 70, Nghị định 69 CP/2000.

Hiện nay có 6 tôn giáo lớn được nhà nước công nhận: Phật giáo, Thiên chúa giáo, Tin lành, Hồi giáo, Cao đài, Hòa hảo (tham khảo sách giáo khoa trang 230)

Nhìn chung đồng bào các tôn giáo đã góp phần xứng đáng vào sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội nhiều chức sắc và tín đồ tôn giáo làm tốt việc đạo, việc đời" chấp hành tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Mấy năm gần đây tôn giáo có xu hướng gia tăng về tín đồ chức sắc có cơ sở thờ tự được tu sửa, xây dựng mới khang trang. Nhiều yếu tố tín ngưỡng dân gian truyền thống được phục hồi, phát triển và tác động lớn trong đời sống tinh thần của xã hội và tác động lớn vào các tôn giáo có tổ chức. Bên cạnh những tôn giáo đã kể trên những năm qua đã xuất hiện nhiều tôn giáo bất hợp pháp, nhiều hoạt động mê tín dị đoan xuất hiện. Hiện nay có 50 tạp giáo chưa được Nhà nước công nhận.

10.3.2. Chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay

(Nghị quyết Đại hội Đảng IX, trang 232)

Một là, Tiếp tục khẳng định tín ngưỡng tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật.

Hai là, tích cực vận động đồng bào tôn giáo tăng cường đoàn kết toàn dân nhằm xây dựng cuộc sống "Tốt đời, đẹp đạo". Tích cực góp phần vào đổi mới kinh tế - xã hội. Chăm lo phát triển kinh tế - văn hóa nâng cao đời sống về mọi mặt cho đồng bào.

Ba là, hướng đồng bào tôn giáo và các chức sắc tôn giáo hoạt động theo đúng pháp luật ủng hộ xu hướng tiến bộ trong tôn giáo, làm cho giáo hội ngày càng gắn bó với dân tộc và sự nghiệp cách mạng toàn dân.

Bốn là, luôn cảnh giác kịp thời chống lại các âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng tôn giáo để chống lại sự nghiệp cách mạng, chống lại chủ nghĩa xã hội.

Năm là, Những quan hệ quốc tế và đối ngoại về tôn giáo hoặc có liên quan đến tôn giáo phải theo chế độ, chính sách chung về quan hệ đối ngoại của Nhà nước.

10.4. KẾT LUẬN

Nghiên cứu về vấn đề tôn giáo trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội giúp chúng ta thấy được nguồn gốc và các tính chất cũng như xu hướng phát triển của tôn giáo hiện nay. Qua đây chúng ta hiểu và thấy được tính phức tạp, nhạy cảm của việc giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, từ đó xác định và hoạt động phù hợp trong việc góp phần thực hiện chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước.

CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Phân tích nguồn gốc, bản chất và những tính chất cơ bản của tôn giáo.

Câu 2: Nguyên nhân nào dẫn đến tôn giáo còn tồn tại trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Câu 3: Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề tôn giáo.

Câu 4: Khái quát tình hình tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

Câu 5: Những quan điểm và chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.



CHƯƠNG 11: VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH VÀ XÂY DỰNG GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

GIỚI THIỆU CHUNG

Gia đình là mối quan tâm của toàn nhân loại, các nước xã hội chủ nghĩa cũng không nằm ngoài tiến trình đó. Cách mạng xã hội chủ nghĩa không chỉ làm biến đổi cơ cấu giai cấp - xã hội mà còn làm biến đổi cả địa vị, tính chất của gia đình. Dưới chủ nghĩa xã hội, hạnh phúc gia đình không chỉ riêng là việc của mỗi người, mỗi nhà mà còn được toàn xã hội quan tâm, chăm lo, xây dựng. Đây cũng là nội dung quan trọng của chủ nghĩa xã hội khoa học.

MỤC ĐÍCH YÊU CẦU CẦN NẮM VỮNG

1. Hiểu vị trí, chức năng của gia đình dưới chủ nghĩa xã hội.
2. Nắm được những cơ sở để xây dựng gia đình mới xã hội chủ nghĩa.
3. Quán triệt, vận dụng để thực hiện tốt nội dung xây dựng gia đình mới ở Việt Nam.

NỘI DUNG

11.1. GIA ĐÌNH, MỐI QUAN HỆ GIA ĐÌNH XÃ HỘI

11.1.1. Khái niệm gia đình

11.1.1.1. Định nghĩa gia đình

Theo tư tưởng của Mác: Hàng ngày tái tạo ra đời sống của bản thân mình, con người bắt đầu tạo ra những người khác, sinh sản, nảy nở - đó là quan hệ giữa vợ và chồng, cha mẹ và con cái - đó là gia đình.

Trên cơ sở đó có thể định nghĩa: Gia đình là một hình thức tổ chức đời sống cộng đồng mà con người một thiết chế văn hóa - xã hội đặc thù được hình thành, tồn tại và phát triển trên cơ sở của quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống, quan hệ nuôi dưỡng và giáo dục... giữa các thành viên.

Gia đình có hai tư cách:

Một là, gia đình là một thiết chế xã hội đặc biệt.

Gia đình có cơ chế vận động riêng, là tổ chức kinh tế tiêu dùng: có sở hữu sản xuất, thu chi... là thu nhỏ các quan hệ xã hội bằng tính đặc thù nhưng là thiết chế cơ bản và nhỏ nhất của xã hội.

Hai là, Gia đình còn là một giá trị văn hóa xã hội.

Tính chất, bản sắc của gia đình lại được duy trì, bảo tồn, được sáng tạo và phát triển nhằm thỏa mãn nhu cầu của các thành viên gia đình đặt trong sự tác động biện chứng với văn hóa cộng đồng, giai cấp, dân tộc, quốc gia ở mỗi giai đoạn lịch sử nhất định.

11.1.1.2. Đặc trưng và các mối quan hệ cơ bản của gia đình

Hôn nhân và quan hệ hôn nhân là quan hệ cơ bản của sự hình thành, tồn tại và phát triển của gia đình.

Hôn nhân là hình thức quan hệ tính giao nam - nữ nhằm thỏa mãn các chức năng của gia đình. Hôn nhân luôn biến đổi về hình thức, tính chất và sắc thái của nó trong lịch sử phát triển của nhân loại. Hôn nhân mang tính bản chất nhân văn và nhân đạo. Hôn nhân chịu sự chi phối của quan hệ kinh tế và qua mỗi thời đại và có thể được thừa nhận ở những mức độ khác nhau.

Huyết thống và quan hệ huyết thống là quan hệ cơ bản đặc trưng của gia đình.

Cùng với quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống được coi là quan hệ cơ bản nhất. Quan niệm của quan hệ này thay đổi theo tiến trình lịch sử. Quan hệ huyết thống chịu sự chi phối của quan hệ kinh tế, văn hóa, xã hội, mặt khác nó cũng đan xen, gia nhập vào các quan hệ kinh tế xã hội, chính trị - xã hội của mỗi thời đại.

Gia đình có quan hệ quần tụ trong không gian sinh tồn.

Xuất phát từ yêu cầu sản xuất, trong quan hệ với tự nhiên và quan hệ với người khác, ngay từ đầu gia đình đã luôn cư trú, quần tụ trong không gian sinh tồn. Không gian sinh tồn càng được mở rộng do điều kiện lịch sử nhưng nhu cầu quần tụ vẫn luôn được đặt ra để thỏa mãn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau giữa các thành viên trong gia đình

Quan hệ nuôi dưỡng giữa các thành viên và thế hệ thành viên trong gia đình.

Đây là nghĩa vụ, trách nhiệm, đồng thời là quyền lợi của gia đình không đơn thuần cha mẹ nuôi dưỡng con cái, mà còn cả con cái nuôi dưỡng cha mẹ, giữa các thành viên trong gia đình để đảm bảo sức khỏe trong các hoạt động của gia đình, xã hội.

Như vậy, gia đình gồm các quan hệ cơ bản: Vợ chồng, cha mẹ và con cái, quan hệ giữa con cái với nhau.

11.1.2. Vai trò, vị trí và quan hệ giữa gia đình và xã hội

11.1.2.1. Sự phát triển của xã hội quy định hình thái, quy mô và kết cấu gia đình

Theo quan điểm của Mác sản xuất, phương thức sản xuất quy định sự phát triển của các quan hệ xã hội khác như: đạo đức, tôn giáo, pháp luật... triết học, gia đình. Phương thức sản xuất quyết định sự phát triển của lịch sử kéo theo sự biến đổi về hình thức tổ chức, quy mô và

kết cấu gia đình. Từ gia đình quần hôn với hình thức huyết thống, bạn thân, đối ngẫu. Từ quan hệ một vợ một chồng bình đẳng sang quan hệ một vợ một chồng bình đẳng. Quy mô, kết cấu của gia đình cũng thay đổi... dưới sự tác động sự phát triển sản xuất.

Gia đình là tế bào của xã hội

Xã hội được tổ chức, sắp xếp theo nhiều mối quan hệ, gia đình được xem là tế bào, một thiết chế cơ sở đầu tiên. Dựa trên cơ sở hôn nhân và huyết thống gia đình là cơ sở cần thiết để xã hội tồn tại và phát triển. Xã hội phát triển được là nhờ vào ba quá trình sản xuất chủ yếu: sản xuất ra của cải vật chất, đời sống tinh thần và sản xuất ra người lao động (con người). Đó là chức năng tái sản xuất ra con người. Xã hội tác động đến công dân thông qua nơi quần tụ của họ là gia đình.

Gia đình là cầu nối giữa các thành viên gia đình và xã hội.

Gia đình là thiết chế cơ sở vận động, biến đổi tuân theo những quy luật chung của xã hội. Nhưng thiết chế ấy vận động biến đổi còn trên cơ sở kế thừa các giá trị văn hóa truyền thống của mỗi nền văn hóa, vùng, địa phương khác nhau. Thông qua thiết chế hoạt động của gia đình, cá nhân được chuẩn bị để tiếp nhận hoặc phản ứng sự tác động của xã hội. Có thể nói cá nhân " bước ra" hòa nhập vào xã hội thông qua gia đình.

Gia đình là tổ ấm, mang lại các giá trị hạnh phúc, sự hài hòa trong đời sống cá nhân của mỗi thành viên, mỗi công dân của xã hội.

Gia đình là nơi chủ yếu để con người lao động và nghỉ ngơi, cống hiến và hưởng thụ, đóng góp cho xã hội trong suốt cuộc đời. Sự yên ổn, hạnh phúc của mỗi gia đình là điều kiện, tiền đề quan trọng góp phần cho việc hình thành và phát triển nhân cách đảm bảo cho mỗi thành viên đóng góp hiệu quả cho hoạt động xã hội.

11.1.2.2. Chức năng xã hội cơ bản của gia đình

Gia đình có 4 chức năng xã hội cơ bản.

Thứ nhất, chức năng tái sản xuất ra con người và bồi dưỡng sức lao động cho xã hội.

Đây là chức năng đặc thù của gia đình, là chức năng tự nhiên, là nhu cầu sinh hoạt đã được xã hội hóa. Chức năng xuất phát từ nhu cầu tồn tại, nhu cầu sinh lý, tình cảm của con người. Chức năng này đáp ứng yêu cầu tồn tại và phát triển của xã hội vì nó tạo ra bộ phận quan trọng nhất của lực lượng sản xuất đó là con người. Chức năng này đã, đang và sẽ tiếp tục được xã hội quan tâm với mức độ đầy đủ hơn.

Thứ hai, chức năng kinh tế và tổ chức đời sống gia đình.

Chức năng này là cơ sở để thực hiện các chức năng khác. Hướng gia đình vào sản xuất kinh doanh, làm dịch vụ tạo thu nhập chính đáng luôn được Đảng Cộng sản và Nhà nước xã hội chủ nghĩa quan tâm. Đó là một đơn vị kinh tế xã hội nên gia đình cũng phải được tổ chức chu đáo đảm bảo cho mọi người tham gia sản xuất kinh doanh, đảm bảo cho mọi người có điều kiện tham gia hoạt động xã hội. Cần lưu ý: sản xuất kinh doanh trong khuôn khổ pháp

luật, chống các hiện tượng tiêu cực và phù hợp với phương thức sản xuất, phân phối của xã hội.

Thứ ba, chức năng giáo dục.

Chức năng giáo dục là chức năng quan trọng, kết hợp cùng các hình thức giáo dục của nhà trường và xã hội để đào tạo ra con người mới. Giáo dục trong gia đình có lợi thế về thời gian và tình cảm. Nội dung giáo dục toàn diện: tri thức kinh nghiệm, đạo đức, lối sống... Phương pháp giáo dục lấy bố mẹ làm gương, kết hợp với tình thương và khoa học, kết hợp với giáo dục và tự giáo dục.

Thứ tư, chức năng thỏa mãn các nhu cầu tâm - sinh lý, tình cảm chức năng này có vai trò đặc biệt quan trọng, nó cùng các chức năng khác tạo khả năng thực tế để xây dựng gia đình hạnh phúc. Nó tạo nên bầu không khí ổn định trong gia đình để các thành viên yên tâm sống và làm việc.

Nội dung: Tập trung vào giải quyết các vấn đề phức tạp tế nhị liên quan đến giới tính, lứa tuổi, tâm lý... nhiều khi được giải quyết ngay trong gia đình. Trong giải quyết có những nội dung trên vai trò người phụ nữ là đặc biệt quan trọng, do vậy trong xây dựng chủ nghĩa xã hội phải coi giải phóng phụ nữ là mục tiêu quan trọng.

11.2. NHỮNG ĐIỀU KIỆN VÀ TIỀN ĐỀ XÂY DỰNG GIA ĐÌNH TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

11.2.1. Điều kiện và tiền đề kinh tế - xã hội

Thủ tiêu chế độ bóc lột, xã hội hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất mới, mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển, cải tạo xã hội chủ nghĩa với nền kinh tế quốc dân tạo điều kiện để xây dựng gia đình mới. Đó là xóa bỏ hạn chế hôn nhân cũ, xây dựng các mối quan hệ bình đẳng trong gia đình: vợ chồng, cha mẹ - con cái, con cái với nhau.

Khi thực hiện nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động trong cơ chế thị trường tạo điều kiện cho gia đình phát huy mọi tiềm năng. Đó là tiền đề, cơ sở để gia đình phát huy giá trị tốt đẹp của gia đình truyền thống khắc phục những hạn chế để xây dựng gia đình mới.

11.2.2. Các điều kiện về tiền đề chính trị và văn hóa xã hội

Nhà nước xã hội chủ nghĩa từng bước hoàn thiện và tổ chức thực hiện hệ thống pháp luật trong đó có luật hôn nhân và gia đình. Gia đình có cơ sở pháp lý để thực hiện chế độ hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, đảm bảo cuộc sống gia đình hạnh phúc và bền vững. cùng với luật hôn nhân và gia đình có các chính sách xã hội như: Bảo hiểm, y tế, trợ cấp thất nghiệp... tác động tích cực đến quá trình xây dựng gia đình mới.

Gia đình đào tạo, khoa học công nghệ tạo ra cơ hội để mỗi cá nhân trong từng gia đình phát huy hết khả năng, được cống hiến và hưởng thụ trên cơ sở đóng góp cho xã hội. Dân trí là tiền đề quan trọng để xây dựng gia đình bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc.

11.3. NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG CƠ BẢN VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI GIA ĐÌNH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

11.3.1. Những định hướng cơ bản của việc xây dựng gia đình mới trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay

Thứ nhất, Xây dựng gia đình mới ở nước ta hiện nay phải trên cơ sở kế thừa, giữ gìn và phát huy các giá trị tốt đẹp của gia đình truyền thống Việt Nam. Đồng thời tiếp thu những giá trị tiến bộ của thời đại về gia đình.

Gia đình truyền thống (kiểu gia đình trước cách mạng tháng 8.1945 của đông đảo quần chúng nhân dân) có các giá trị tích cực: Tình cảm gia đình, vị trí gia đình được coi trọng; bên trong đoàn tụ, cố kết bên ngoài tình làng nghĩa xóm; nề nếp trên dưới; phụ nữ thủy chung thương yêu chồng con. Tuy nhiên gia đình truyền thống cũng có nhiều hạn chế: cục bộ dòng họ, nghi lễ (cưới xin, ma chay... rườm rà, tốn kém, nhiều khi phản nhân văn), bất bình đẳng nam nữ, kết cấu gia đình lớn, đông con... Hiện nay phải phát huy yếu tố tích cực hạn chế tiêu cực của gia đình truyền thống, tiếp thu giá trị gia đình hiện đại.

Thứ hai, gia đình mới phải được xây dựng trên cơ sở hôn nhân tự nguyện tiến bộ, đảm bảo quyền tự do kết hôn và ly hôn.

Kế thừa những giá trị truyền thống trong quan hệ tình yêu, hôn nhân của dân tộc, của nhân loại. Hôn nhân tự nguyện và tiến bộ phải dựa trên cơ sở tình yêu chân chính. Nếu không có tình yêu chân chính thì cuộc sống gia đình chỉ là vô hồn và hư ảo. Từ tình yêu chân chính tiến đến hôn nhân tự nguyện là điều kiện của hạnh phúc bền vững, đó cũng là cơ sở để thực hiện chế độ một vợ một chồng. Hôn nhân tiến bộ đảm bảo bằng hôn nhân về mặt pháp lý.

Quyền tự do ly hôn cũng là một mặt của hôn nhân tiến bộ. Khi tình yêu không còn nữa thì ly hôn là điều khó tránh khỏi, đó làm một bước tiến quan trọng trong việc giải phóng phụ nữ. Tuy nhiên không phải vì vậy mà khuyến khích ly hôn vì nó để lại hậu quả nặng nề cho xã hội.

Thứ ba, gia đình mới ở Việt Nam được xây dựng trên cơ sở các quan hệ bình đẳng, thương yêu có trách nhiệm cùng chia sẻ gánh vác công việc của các thành viên để thực hiện các chức năng cơ bản của gia đình và nghĩa vụ xã hội.

Gia đình có nhiều mối quan hệ nhưng cơ bản nhất là tập trung giải quyết: quan hệ vợ chồng. Phải xây dựng quan hệ bình đẳng về nghĩa vụ, quyền hạn, trách nhiệm trong việc xây dựng gia đình, tạo nên sự thống nhất giải quyết các công việc. Đặc biệt phải quan tâm đến đặc điểm giới tính, sự thủy chung. Quan hệ cha mẹ - con cái theo tinh thần đổi mới: bố mẹ yêu thương tôn trọng nhu cầu tinh thần của con cái, con cái kính trọng, có trách nhiệm với bố mẹ xây dựng tốt quan hệ anh em.

Thứ tư, xây dựng gia đình mới ở Việt Nam hiện nay gắn liền với quá trình hình thành và xác lập, củng cố từng bước các quan hệ gắn bó với cộng đồng với các thiết chế, tổ chức ngoài gia đình.

- Xây dựng gia đình mới hiện nay, một mặt phát huy các giá trị của gia đình truyền thống, mặt khác các gia đình phải đoàn kết đồng viên nhau thực hiện các chủ trương, chính sách mới, quy chế dân chủ ở làng, xã, phường...

11.3.2. Một số nội dung chủ yếu để xây dựng gia đình Việt Nam hiện nay

Thứ nhất, cần vận dụng định hướng cơ bản trong xây dựng gia đình mới phù hợp đồng thời rút kinh nghiệm ở mỗi giai đoạn, thời kỳ.

Thứ hai, nội dung cơ bản hiện nay là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Đây là mục tiêu, chuẩn mực cơ bản mà chúng ta cần xây dựng. Cụ thể: Thỏa mãn nhu cầu vật chất và tinh thần phù hợp với khả năng và cống hiến của mỗi gia đình trong gia đình xây dựng quan hệ bình đẳng, có đời sống văn hóa phong phú.

Thứ ba, các chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế phải hướng tới phát triển và giải quyết các vấn đề xã hội trong đó có gia đình. Ngược lại xây dựng gia đình phải gắn bó với vấn đề của xã hội.

Đổi mới, hoàn thiện các chính sách xã hội mới nhất là đối với các vấn đề có liên quan đến gia đình, đặc biệt là giải phóng phụ nữ.

Giải phóng, phát huy vai trò phụ nữ là yêu cầu cấp bách. Hoàn thiện và thực hiện đầy đủ đồng bộ các chính sách liên quan đến giải trí, vui chơi, nghỉ ngơi, chú ý tới các mặt của trẻ em.

Thứ năm, đẩy mạnh công tác nghiên cứu các vấn đề liên quan đến gia đình: hôn nhân, gia đình hiện đại, sự chuyển đổi từ gia đình truyền thống sang gia đình hiện đại...

11.4. KẾT LUẬN

Nghiên cứu về gia đình, một hình thức cộng đồng tổ chức xã hội giúp chúng ta có một cái nhìn toàn diện, tổng thể về những đặc trưng, chức năng cũng như vị trí của gia đình trong xã hội. Đồng thời nó giúp chúng ta có cơ sở lý luận để thực hiện xây dựng gia đình của bản thân ấm no, hạnh phúc góp phần thực hiện tốt việc xây dựng gia đình mới ở Việt Nam.

CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Phân tích định nghĩa, các đặc trưng và quan hệ cơ bản của gia đình.

Câu 2: Phân tích mối quan hệ giữa gia đình và xã hội. Làm rõ chức năng cơ bản của gia đình.

Câu 3: Những điều kiện, tiền đề của xây dựng gia đình trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Câu 4: Phân tích những vấn đề cơ bản của xây dựng gia đình mới ở Việt Nam hiện nay.

Câu 5: Một số nội dung chủ yếu để xây dựng gia đình Việt Nam hiện nay.



CHƯƠNG 12: VẤN ĐỀ NGUỒN LỰC CON NGƯỜI TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

GIỚI THIỆU CHUNG

Vấn đề con người luôn nằm ở vị trí trung tâm của nhiều hệ thống quan điểm chính trị - xã hội từ trước cho đến nay. Hiện nay hơn bao giờ hết vấn đề con người đã bộc lộ đầy đủ tính cấp bách của nó. Hiện nay có hai khuynh hướng chủ yếu để nghiên cứu giải quyết vấn đề con người. Một là quan điểm của chủ nghĩa tư bản và đối lập với nó là quan điểm của chủ nghĩa xã hội. Với chủ nghĩa xã hội khoa học, vấn đề con người thực chất là mục tiêu giải phóng con người, con người là mục tiêu cao cả nhất của mọi hoạt động thực tiễn, con người được coi là động lực cơ bản của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Nghiên cứu vấn đề này có ý nghĩa quan trọng về lý luận cũng như thực tiễn đối với việc nhận thức và phát huy nguồn lực con người trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

MỤC ĐÍCH YÊU CẦU CẦN CẦN NĂM VỮNG

1. Nắm bản chất con người, những quan niệm về con người xã hội chủ nghĩa.
2. Xác định rõ vị trí nguồn lực con người trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.
3. Thấy được tính ưu việt, cũng như phương hướng giải quyết vấn đề con người ở Việt Nam hiện nay.

NỘI DUNG

12.1. NGUỒN LỰC CON NGƯỜI VÀ VAI TRÒ CỦA NÓ TRONG SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

12.1.1. Con người và nguồn lực con người

12.1.1.1. Quan niệm về con người, con người chủ nghĩa xã hội

Quan niệm về con người (xem lại phần triết học Mác Lênin về con người và bản chất con người) tập trung vào các vấn đề sau:

Thứ nhất: Con người là một thực thể xã hội, mang bản chất xã hội đồng thời là một thực thể tự nhiên có cấu trúc sinh học.

Như vậy, con người có nhu cầu vật chất, lợi ích vật chất, nhu cầu tinh thần, lợi ích tinh thần, lợi ích tinh thần cần phải được thỏa mãn. Đó là những nhu cầu chi phối đến lý trí, tình cảm và hành động của con người. Vấn đề giải phóng con người.

Thứ hai, mặt tự nhiên và mặt xã hội trong con người có sự thống nhất biện chứng

- Nhờ sự tác động của mặt xã hội, mặt tự nhiên trong con người nâng lên trên trình độ con vật Sự tác động qua lại trên đây biểu hiện trong bản chất sâu xa và bộc lộ thường xuyên trong hành vi sống của con người.

Con người có quan hệ biện chứng xã hội.

Con người với bản chất xã hội gắn với đồng loại đến mức không thể tách rời. Đồng thời lại là những cá nhân với ý nghĩa này càng đầy đủ hơn. những cá thể mang tính tự trị ngày càng cao hơn. Xã hội càng phát triển sẽ diễn ra khuynh hướng làm tăng tính bền vững trong quan hệ giữa người và cộng đồng người, mặt khác con người ngày càng tách biệt thành những cá nhân độc lập.

Quan niệm về con người xã hội chủ nghĩa.

Theo chủ nghĩa Mác Lênin, tiếp thu những giá trị truyền thống của dân tộc, căn cứ vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, con người xã hội chủ nghĩa mà chúng ta phấn đấu xây dựng là:

Một là, con người có ý thức, trình độ và năng lực làm chủ. Đồng thời xã hội tạo ra những điều kiện về kinh tế, chính trị, xã hội ... để con người thực hiện được quyền làm chủ đó.

Hai là, Con người lao động mới, có tri thức sâu sắc về công việc nhất quán mục tiêu " Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, minh đang đảm nhận, lao động có ý thức kỷ luật, có tinh thần hợp tác với đồng nghiệp, biết đánh giá chất lượng lao động hiệu quả lao động của bản thân.

Ba là, là con người sống có văn hóa, nghĩa tình với anh em bạn bè, mọi người xung quanh, biết và giải quyết được vị trí của mình trong từng mối quan hệ. Thường xuyên có ý thức nâng cao trình độ tri thức về mọi mặt, rèn luyện sức khỏe đảm bảo phát triển toàn diện cá nhân.

Bốn là, là con người giàu lòng yêu nước, thương dân, có tình thương yêu giai cấp, thương yêu nhân loại, sống nhân văn, nhân đạo có ý thức và kiên quyết đấu tranh bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ những thành quả cách mạng, làm thất bại mọi âm mưu chống phá của kẻ thù.

12.1.1.2. Nguồn lực con người

Nguồn lực con người ở các lĩnh vực khoa học khác nhau được hiểu theo những cách khác nhau. Nguồn lực con người là những yếu tố ở trong con người có thể huy động, sử dụng để thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Từ đó có quan niệm sau:

Nguồn lực con người là tổng thể những yếu tố thuộc về thể chất và tinh thần, đạo đức, phẩm chất, trình độ trí thức vị thế xã hội... tạo thành năng lực của con người và của cộng đồng người. Có thể sử dụng, phát huy trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của đất nước và trong những hoạt động xã hội.

Rõ ràng nhân tố con người là một khái niệm rộng gồm nhiều nhân tố tiêu chí cả về xã hội của con người trong quan hệ giữa cá nhân - tập thể và xã hội cả phẩm chất và năng lực của con người cả về hoạt động vật chất lẫn hoạt động tinh thần của con người. Con người vừa là sản phẩm của sự phát triển tự nhiên xã hội mà còn là chủ thể tích cực của quá trình đó.

12.1.2. Vai trò của nguồn lực con người trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội

Quần chúng nhân dân là người sáng tạo chân chính ra lịch sử. Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội là một sự nghiệp khó khăn cần phát huy tính tích cực của quần chúng nhân dân. Do vậy hiểu vai trò nhân tố con người trong các lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội có một ý nghĩa quan trọng trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Vai trò nguồn lực con người được thể hiện trong một số nội dung sau:

12.1.2.1. Vai trò nguồn lực con người trong lĩnh vực kinh tế

Xem xét con người với tư cách là lực lượng sản xuất trong sự tác động đến quan hệ sản xuất. Nhân tố con người là nhân tố chủ động có khả năng sử dụng, gắn kết các nhân tố khác tạo thành một tổng thể các nhân tố cần thiết, định hướng, tác động vào mục tiêu phát triển đất nước. Đây là một nhân tố quyết định nhất trong quá trình sản xuất xã hội qua đó cũng là nhân tố quyết định các tiến trình xã hội. Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội con người - người lao động trở thành người làm chủ xã hội, làm chủ quá trình sản xuất, làm chủ trong quá trình phân phối sản phẩm điều đó tạo ra điều kiện thuận lợi để phát huy nguồn lực con người, thúc đẩy sự phát triển nhanh và bền vững của nền kinh tế xã hội.

12.1.2.2. Vai trò nguồn lực trong lĩnh vực chính trị

Con người là điểm khởi đầu và kết thúc của mọi quá trình xã hội. Từ khi giai cấp công nhân giành được chính quyền, con người được giải phóng khỏi áp bức dân tộc, giai cấp công nhân họ trở thành người chủ thực sự của đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản. Cách mạng xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp của quần chúng nhân dân. Hồ Chí Minh đã từng khẳng định: chúng ta phải thực hiện những cải cách xã hội để nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện dân chủ thực sự. Do vậy phải phát huy khả năng trí thức, năng lực của nhân dân trong trách nhiệm lựa chọn đại biểu của mình vào cơ quan nhà nước. Cán bộ nhà nước phải hiểu biết lý luận, thực tiễn, trách nhiệm trước dân để vận động tuyên truyền, tổ chức nhân dân để họ hiểu và thực hiện luật pháp của Nhà nước. Nguồn lực con người là yếu tố quan trọng trong xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa: của dân, do dân, vì dân.

12.1.2.3. Vai trò nguồn lực con người trong lĩnh vực văn hóa

Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội nhân dân lao động trở thành người làm chủ trong đời sống văn hóa xã hội.

Nhân dân là đề tài, tư liệu cho các sáng tác chuyên nghiệp, họ cũng là người tham gia sáng tạo các tác phẩm nghệ thuật có giá trị cao khi có tri thức cần thiết. Nhân dân còn là chủ thể trong sự hưởng thụ các giá trị văn hóa tinh thần. Sự tác động tích cực của tiến trình kinh tế - xã hội tạo điều kiện cho nhân dân tham gia tích cực vào quá trình bảo tồn di sản văn hóa của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại trong giao lưu văn hóa quốc tế.

Ở lĩnh vực khoa học, Mác đã từng dự báo khoa học kỹ thuật sẽ trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, trong tương lai lao động chân tay và lao động trí óc kết hợp trong người lao động làm cho họ trở thành trí thức - lao động. Hơn nữa trí tuệ con người là tiềm năng vô tận. Con người có tri thức sẽ góp phần xứng đáng trong sự phát triển khoa học của đất nước.

Từ vai trò nguồn lực con người, trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội phải giải quyết vấn đề con người, nó vừa là vấn đề cấp bách, vừa là vấn đề cơ bản, lâu dài của mọi chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

12.2. PHÁT HUY NGUỒN LỰC CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM

12.2.1. Phát huy nguồn lực con người ở Việt Nam những năm qua

Trong việc phát huy nguồn lực con người thì việc kết hợp giữa phát triển kinh tế với thực hiện công bằng xã hội với ý nghĩa thời sự với mỗi quốc gia.

12.2.1.1. Những kết quả đạt được

Đảng và Hồ Chí Minh đã xác định một loạt quan điểm có tính hệ thống định hướng cho việc phát huy nguồn lực con người ở Việt Nam. Đó là các quan điểm nhất quán mục tiêu " Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" . Khẳng định con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của việc phát triển kinh tế xã hội. Lấy việc phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho việc phát triển nhanh và bền vững. Thống nhất mục tiêu tăng trưởng kinh tế với mục tiêu xã hội ngay từ đầu, trong từng bước và suốt quá trình phát triển.

Đường lối đó đã được thực hiện từng bước đem lại những thành tựu quan trọng cho đất nước.

Trên lĩnh vực kinh tế: Giải phóng sức sản xuất xã hội, đưa tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn trước. Cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý kinh tế có nhiều thay đổi tích cực. Những thành tựu kinh tế tuy còn ít nhưng được tận dụng hợp lý vào quá trình thực hiện chính sách xã hội.

Chính sách xã hội gắn bó với chiến lược xây dựng và phát triển kinh tế tạo nên sự thay đổi. Mỗi chính sách xã hội đổi mới đã tạo thành nguồn động viên quan trọng ở sự tiến bộ và công bằng xã hội. Chính sách xã hội đã hướng vào phát triển sản xuất phù hợp với điều kiện kinh tế của đất nước. Tập trung giải quyết được các vấn đề vừa cấp bách, vừa cơ bản trong chính sách xã hội. Đó là các vấn đề xóa đói giảm nghèo, tạo việc làm cho người lao động, đẩy

mạnh giáo dục đào tạo; hòa nhập xã hội; Đảm bảo và thực hiện công bằng xã hội. Chiến lược này đã tạo nên sự ổn định cho việc phát triển kinh tế - xã hội.

12.2.1.2. Những hạn chế của việc phát huy nhân tố con người ở Việt Nam

Có những thời kỳ chúng ta tuyệt đối hóa tính xã hội coi nhẹ mặt tự nhiên, không chú ý đến mặt tự nhiên, lợi ích của người lao động. Tuyệt đối hóa, đề cao quá mức tính giai cấp, coi nhẹ tính nhân loại.

Sự phát triển kinh tế bền vững, lãnh đạo xây dựng quan hệ sản xuất mới vừa lúng túng, vừa buông lỏng, phân hóa giàu nghèo tăng nhanh. Khi tập trung vào nhiệm vụ phát triển kinh tế thì nhiệm vụ giáo dục chưa quan trọng. Cuộc đấu tranh chống suy thoái tư tưởng, đạo đức mặc dù được quan tâm nhưng tình hình không giảm sút, tệ nạn xã hội tăng về số lượng và mức độ nguy hiểm. Xây dựng cơ cấu nghề nghiệp chưa theo kịp cơ cấu kinh tế, cơ cấu xã hội - dân chủ còn chứa đựng sự chênh lệch trong phát triển.

Việc thực hiện dân chủ trong quản lý nhà nước còn nhiều hạn chế, đặc biệt vi phạm quyền làm chủ của nhân dân.

Nguyên nhân của những hạn chế.

Thứ nhất, nước ta là một nước nông nghiệp lạc hậu đi lên chủ nghĩa xã hội nên năng suất lao động còn thấp, tình trạng nghèo đói còn tồn tại nên việc chăm lo đầy đủ cho con người phát triển còn hạn chế.

Thứ hai, Trải qua nhiều năm chiến tranh tàn phá, do yêu cầu của cuộc chiến tranh nên để lại hậu quả nặng nề, phải tiếp tục khắc phục, không có đầy đủ điều kiện chăm sóc cho con người.

Thứ ba, Do ảnh hưởng của phong tục tập quán, thói quen của người sản xuất ... tác động đến phát triển con người toàn diện.

Thứ tư, Do tác động tiêu cực của cơ chế thị trường tới lối sống, đạo đức con người.

Thứ năm, do công tác quản lý, giáo dục đào tạo còn có những mặt yếu kém, bất cập.

Thứ sáu, Từ những yếu kém trong quản lý nhà nước, hệ thống luật pháp chưa đồng bộ, tính bảo thủ hạn chế của một số cán bộ nhà nước... ảnh hưởng tới phát huy nguồn lực con người ở Việt Nam.

12.2.2. Những phương hướng và giải pháp phát huy nguồn lực con người ở Việt Nam hiện nay

12.2.2.1. Những phương hướng

Thứ nhất, Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Chuyển từ lao động công sang lao động cơ khí máy móc là điều kiện để nâng cao mức sống của nhân dân, đồng thời đòi hỏi người lao động phải phấn đấu vươn lên.

Thứ hai, xây dựng và từng bước hoàn chỉnh hệ thống chính sách xã hội phù hợp.

Đó là những chính sách trực tiếp đảm bảo nhu cầu vật chất và tinh thần của con người. Là những chính sách điều chỉnh các mối quan hệ xã hội, là một trong những động lực trực tiếp để con người hoạt động trên lĩnh vực xã hội. Chính sách xã hội phải hướng tới con người và vì con người. Phải đảm bảo tăng trưởng kinh tế gắn với phát triển kinh tế xã hội và phát triển nguồn lực con người.

Thứ ba, từng bước xây dựng và không ngừng hoàn thiện cơ chế quản lý của chế độ xã hội chủ nghĩa.

Phải tạo ra những điều kiện để con người lao động tích cực tham gia vào công việc quản lý xã hội, quản lý kinh tế, quản lý nhà nước. Xây dựng cơ chế quản lý phù hợp chi rõ quyền hạn, trách nhiệm quan hệ giữa cá nhân và tổ chức với các tổ chức theo định hướng của giai cấp công nhân.

12.2.2.2. Một số giải pháp phát huy nguồn lực con người ở nước ta hiện nay

Giải pháp kinh tế.

Thay đổi vị trí, vai trò người lao động theo hướng làm chủ trong sản xuất với hình thức bước đi phù hợp. Thay đổi tính chất lao động từ làm thuê sang làm chủ, từ sản xuất tự cấp tự túc sang sản xuất hàng hóa. Cải thiện điều kiện phù hợp. Xây dựng nấc thang giá trị trong lao động. Thông qua cơ chế lao động: tạo việc làm, kích thích người lao động làm lợi cho chính mình và cho xã hội. Hạn chế tiêu cực, phát huy tính tích cực trong cơ chế thị trường. Hoàn chỉnh hệ thống pháp luật để tác động đến cơ chế thị trường. Giáo dục phẩm chất đạo đức trong lao động cho toàn xã hội.

Giải pháp trên lĩnh vực chính trị.

Thực hiện dân chủ hóa đời sống xã hội theo hướng xã hội chủ nghĩa. Xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân. Tạo điều kiện cho nhân dân tham gia quản lý công việc nhà nước, quản lý xã hội, giáo dục ý thức dân chủ cho nhân dân, trình độ quản lý cho các đảng viên, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của nhà nước.

Giải pháp trên lĩnh vực xã hội.

Tạo điều kiện để con người hội nhập vào môi trường xã hội ổn định. Giải phóng con người khỏi tình trạng bị tha hóa bởi quan hệ xã hội cũ. Kế thừa, bổ xung quan hệ xã hội mới. Thông qua các chính sách xã hội vừa giải quyết những vấn đề lớn độc lập dân tộc, thống nhất, tự do cho nhân dân vừa quan tâm đến số phận những người bất hạnh.

Giải pháp trên lĩnh vực giáo dục:

Nâng cao mặt bằng dân trí là nhiệm vụ cấp bách nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Tăng cường kết hợp giữa gia đình - nhà trường - xã hội trong đào tạo thế hệ trẻ. Đổi mới nội dung và phương pháp giáo dục cùng với tăng cường thiết bị giáo dục nhằm giáo dục toàn diện đức, trí, thể, mỹ. Đối xử phù hợp với những người có tài, đức.

Giải pháp trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa.

(Sẽ nghiên cứu kỹ hơn ở chương 13) tập trung vào:

Khẳng định văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Phải định hướng cho văn hóa phát triển. Đấu tranh với tư tưởng phủ nhận con đường xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, ủng hộ văn nghệ sĩ trong sáng tác các tác phẩm văn học nghệ thuật có giá trị nghệ thuật cao, phản ánh cuộc sống, cổ vũ cho lối sống đẹp...

12.3. KẾT LUẬN

Nghiên cứu nguồn lực con người trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội giúp ta hiểu sâu sắc hơn nữa con người, bản chất con người theo quan điểm của chủ nghĩa Mác Lênin. Qua đó giúp chúng ta một cái nhìn tổng thể về vai trò của con người đối với sự phát triển của xã hội. Trên cơ sở đó giúp chúng ta thấy được tính ưu việt trong việc lựa chọn phương án phát huy nhân tố con người trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Từ đó tính chủ động tham gia đóng góp và thực hiện hoàn chỉnh các chính sách xã hội ở Việt Nam hiện nay.

CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Nêu quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và con người

Câu 2: Những đặc trưng của con người xã hội chủ nghĩa.

Câu 3: Phân tích quan niệm về nguồn lực con người. Thực trạng về phát huy nguồn lực con người Việt Nam hiện nay.

Câu 4: Phương hướng và giải pháp cơ bản nhằm phát huy nguồn lực con người ở nước ta hiện nay.



CHƯƠNG 13: CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRÊN LĨNH VỰC TƯ TƯỞNG VĂN HOÁ

GIỚI THIỆU CHUNG

Cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng văn hoá là một bộ phận quan trọng của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nó làm rõ hơn tính toàn diện, sâu sắc và triệt để của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng văn hoá đảm bảo cho sự thắng lợi triệt để của chủ nghĩa xã hội không những trên lĩnh vực kinh tế mà ở cả lĩnh vực văn hoá tinh thần. Đây là nội dung quan trọng cả về lý luận và thực tiễn trong việc xây dựng nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc văn hoá dân tộc Việt Nam hiện nay.

MỤC ĐÍCH YÊU CẦU CẦN NẮM VỮNG

1. Nắm vững khái niệm “cách mạng tư tưởng và văn hoá”.
2. Hiểu tính tất yếu của cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng văn hoá.
3. Thấy được những nội dung cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng văn hoá ở Việt Nam.

NỘI DUNG

13.1. TÍNH TẤT YẾU CỦA CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRÊN LĨNH VỰC TƯ TƯỞNG VĂN HOÁ

13.1.1. Khái niệm cách mạng “tư tưởng và văn hoá”

Ý thức xã hội là mặt tinh thần của đời sống xã hội bao gồm quan điểm tư tưởng cùng những tình cảm, tâm trạng, truyền thống của cộng đồng xã hội nảy sinh từ tồn tại xã hội và phản ánh tồn tại xã hội trong những giai đoạn lịch sử nhất định, do vậy để làm rõ “cách mạng tư tưởng và văn hoá” cần tập trung vào các nội dung:

Tư tưởng là quan điểm và ý nghĩa chung của con người đối với thế giới tự nhiên và xã hội.

Như vậy tư tưởng là sản phẩm chủ quan của con người, phản ánh và phụ thuộc vào hiện thực khách quan.

Hệ tư tưởng là hệ thống các quan điểm lý luận được xây dựng theo hệ thống chặt chẽ thể hiện thế giới quan, nhân sinh quan các nguyên tắc, các quan điểm của giai cấp thống trị, được truyền bá vào trong xã hội một cách có mục đích và đóng vai trò chủ đạo cho mọi hoạt động của chế độ xã hội.

Cần hiểu hệ tư tưởng là ý thức xã hội ở trình độ lý luận, có tính hệ thống và khái quát cao. Hệ tư tưởng có tính tự giác, nghĩa là nó được tạo ra bởi các nhà tư tưởng của những giai cấp nhất định nó mang tính giai cấp.

Cũng phải phân biệt giữa hệ tư tưởng khoa học và hệ tư tưởng không khoa học. Hệ tư tưởng khoa học phản ánh chính xác, khách quan mối quan hệ vật chất của xã hội. Hệ tư tưởng không khoa học tuy cũng phản ánh các mối quan hệ vật chất của xã hội, nhưng dưới một hình thức sai lầm, hư ảo hoặc xuyên tạc.

“Văn hoá” là toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần do con người và loài người sáng tạo nên nhờ lao động thực tiễn trong quá trình lịch sử của mình

Văn hoá được hiểu theo hai nghĩa

Nghĩa rộng: Văn hoá gồm cả văn hoá vật chất và văn hoá tinh thần. Theo nghĩa này thì tất cả những gì mà con người đạt được trong quá trình lịch sử ở những giai đoạn khác nhau thì gọi là văn hoá.

Nghĩa hẹp: Văn hoá được biểu hiện chủ yếu là văn hoá tinh thần gồm: Tư tưởng, văn học nghệ thuật, cao nhất là tư tưởng lý luận.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá là sự biến đổi trước hết về bản chất của tư tưởng văn hoá nhằm xác lập hệ tư tưởng mới, xây dựng con người với đạo đức và lối sống mới, xây dựng nền văn hoá mới trong toàn bộ tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Cần hiểu: Cách mạng xã hội chủ nghĩa được tiến hành trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá là một bộ phận hợp thành của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nó tiến hành trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá, nhằm tạo nên đời sống tinh thần mới cho toàn xã hội, góp phần thúc đẩy và làm triệt để hơn các lĩnh vực của đời sống xã hội.

13.1.2. Tính tất yếu của cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá

Xuất phát từ ba góc độ sau:

Thứ nhất, xuất phát từ đòi hỏi phải thay đổi phương thức sản xuất tinh thần

Cách mạng xã hội chủ nghĩa đã thay đổi quan hệ sản xuất cũ bằng một mối quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp với trình độ phát triển mới của lực lượng sản xuất. Xã hội có một đời sống vật chất mới mặc dù ở giai đoạn đầu sẽ yêu cầu phải có một đời sống tinh thần mới. Mặt khác, văn hoá, tư tưởng thuộc kiến trúc thượng tầng. Khi cơ sở hạ tầng mới được xây dựng các yếu tố thuộc kiến trúc thượng tầng mới này sinh. Trong các yếu tố đó có pháp quyền, văn

hoá tư tưởng để phục vụ sự thống trị của giai cấp công nhân do đó văn hoá tư tưởng mới ra đời. Hơn nữa, tư tưởng văn hoá là một trong những tiền đề đưa đến sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội. Vì đã có tiền đề về chính trị là sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, đã có cơ sở kinh tế xã hội chủ nghĩa, tất yếu phải có tiền đề văn hoá để chủ nghĩa xã hội thắng lợi hoàn toàn.

Thứ hai, xuất phát từ cuộc đấu tranh giai cấp trên lĩnh vực tư tưởng văn hoá trong thời đại ngày nay.

Một trong những nhiệm vụ quan trọng của cách mạng xã hội chủ nghĩa là phải xác lập được tư tưởng của giai cấp công nhân, xây dựng nền đạo đức mới, con người mới, nền văn hoá mới dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Để làm được việc đó phải đấu tranh chống, xoá bỏ tư tưởng lạc hậu, phản động của giai cấp thống trị xã hội. Đồng thời xây dựng tư tưởng và đời sống tinh thần của xã hội mới.

Mặt khác hệ tư tưởng bao giờ cũng gắn với một giai cấp nhất định. Vì vậy đấu tranh tư tưởng, đấu tranh ý thức hệ bao giờ cũng gắn liền với đấu tranh giai cấp.

Thứ ba, xuất phát từ yêu cầu: Văn hoá là mục tiêu và động lực của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa nhằm mục tiêu giải phóng triệt để người lao động. Muốn thực hiện được phải có động lực Cách mạng dựa trên khối liên minh công nhân – nông dân và trí thức.

Con người là trung tâm của chiến lược phát triển kinh tế văn hoá xã hội do vậy trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội phải tập trung vào con người. Cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá nhằm mục tiêu: giải phóng nhân dân khỏi sự nô dịch về văn hoá. Xoá bỏ ảnh hưởng tư tưởng tư sản, tàn dư tư tưởng phong kiến, các phong tục, tập quán, lề thói tác phong sản xuất nhỏ phải được cải tạo, giải phóng phụ nữ...

Khắc phục tình trạng thiếu thốn về văn hóa (Đó là trở ngại lớn trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Lênin đã chỉ rõ: Ba kẻ thù chính của cách mạng: bệnh kiêu ngạo cộng sản, nạn mù chữ, nạn hối lộ... không tự nhiên mất đi.

Từ ba điểm xuất phát trên tất yếu phải tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng văn hoá.

13.2. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRÊN LĨNH VỰC TƯ TƯỞNG VÀ VĂN HOÁ Ở VIỆT NAM

13.2.1. Giáo dục hệ tư tưởng của giai cấp công nhân

Là một nội dung hoạt động có tính mục đích của Đảng Cộng sản. Việc truyền bá, giáo dục hệ tư tưởng của giai cấp công nhân phải xuất phát từ tính tự giác, tính mục đích của quá trình truyền bá tư tưởng đặt ra yêu cầu thường xuyên đổi mới nội dung và phương thức tiến hành công tác tư tưởng. Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định lấy chủ nghĩa Mác – Lênin – tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động cách mạng. Nội dung

cần tập trung là: Đảng phải tăng cường giáo dục chính trị, rèn luyện đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân. Toàn Đảng phải nghiêm túc học tập chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong hệ thống giáo dục quốc dân cũng phải tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng lối sống cho học sinh, sinh viên. Cải tiến việc học tập và giảng dạy các bộ môn chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Hết sức coi trọng giáo dục nhân cách, khả năng tư duy sáng tạo và năng lực thi hành cho người học.

13.2.2. Nâng cao trình độ dân trí, đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục phát triển khoa học, kỹ thuật nghiệp vụ

Nội dung quan trọng nhất là xoá bỏ nạn mù chữ, thất học trong dân cư, giáo dục và phổ cập học vấn phổ thông cho toàn dân.

Mù chữ, thất học là di sản nặng nề mà chủ nghĩa thực dân, phong kiến để lại, là trở ngại lớn nhất khi bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là đối với những nước nông nghiệp lại hậu khi tiến lên chủ nghĩa xã hội. Xoá nạn mù chữ là công việc cấp bách và có thể thực hiện được trong một thời gian ngắn. Đây là điểm khởi đầu cho việc nâng cao dân trí (công việc lâu dài). Muốn vậy phải thông qua con đường giáo dục, phát triển mạnh mẽ giáo dục toàn dân, phát triển khoa học, văn hoá, thông tin tuyên truyền.

Trong điều kiện hiện nay ở Việt Nam cần tập trung thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khoá IX, cụ thể:

Đối với giáo dục đào tạo:

Nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục: Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, thực hiện giáo dục toàn diện. Đổi mới nội dung chương trình, phương thức giáo dục theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá. Tăng cường giáo dục tư duy sáng tạo, năng lực tự học, tự tu dưỡng, tự tạo việc làm...Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn khoa học xã hội, nhân văn.

Phát triển quy mô giáo dục: cả đại trà và mũi nhọn, gắn đào tạo với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội. Đào tạo với sử dụng, điều chỉnh cơ cấu đào tạo việc làm...Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn khoa học xã hội, nhân văn.

Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục với các chính sách phù hợp: hỗ trợ học sinh, sinh viên nghèo, ưu tiên vùng sâu, vùng xa...

Đối với hoạt động khoa học công nghệ.

Đến 2010 giải đáp kịp thời những vấn đề lý luận và thực tiễn do cuộc sống đặt ra. Đổi mới nâng cao trình độ công nghệ trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Chú trọng chuyển giao khoa học công nghệ, nhất là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học. Khuyến khích và sử dụng nhân tài, các nhà khoa học...

13.2.3. Xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc

Hội nghị Trung ương lần thứ 5 khoá VIII của Đảng ta chỉ rõ phải xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Đảng ta chỉ rõ văn hoá là nền tảng tinh thần của toàn xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội.

Tiên tiến với nội dung cốt lõi là lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội theo chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm mục tiêu vì hạnh phúc con người. Tiên tiến về cả nội dung và hình thức biểu hiện.

Bản sắc văn hoá dân tộc bao gồm những giá trị bền vững, tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Đó là các truyền thống tốt đẹp yêu nước, tinh thần đoàn kết, cố kết cộng đồng...

Do vậy phải tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hoá nhân loại. Đào tạo đội ngũ chuyên gia thật sự có tài năng, phẩm chất đạo đức và bản lĩnh chính trị. Giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc phải đi liền với chống lạc hậu, tiêu cực, phong tục tập quán lề thói cũ không phù hợp. Đảng phải xây dựng và chỉnh đốn về chính trị, tư tưởng, tổ chức đạo đức lối sống cho Đảng viên tạo nên văn hoá của Đảng cầm quyền.

13.2.4. Xây dựng con người phát triển toàn diện

Con người xã hội chủ nghĩa phản ánh kết quả tổng hợp của quá trình giáo dục văn hoá, xây dựng văn hoá là định hướng tốt của cách mạng tư tưởng văn hoá. Con người mới bao gồm nhiều tầng lớp, giai cấp đó là thế hệ đã được rèn luyện, thử thách trong đấu tranh, những người lao động đã trưởng thành, là thế hệ trẻ kế tiếp, trong đó đặc biệt là thế hệ trẻ.

Con người xã hội chủ nghĩa thể hiện một mẫu nhân cách mới. Đó là con người sống có lý tưởng, có trách nhiệm với xã hội, với mọi người và với chính mình. Là con người có học thức, có niềm tin sáng tạo. Đó là con người làm việc với tính tổ chức, tính kỷ luật, đấu tranh cho lẽ phải. Con người xã hội chủ nghĩa thể hiện trình độ phát triển cao của cá nhân và cộng đồng. Xây dựng con người xã hội chủ nghĩa phải chú trọng tới đầy đủ nội dung của nó. Trí tuệ, thể chất, đạo đức. Sự phong phú về đời sống tinh thần.

13.2.5. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản trong Cách mạng tư tưởng và văn hoá

Đảng lãnh đạo là một nguyên tắc vì:

Đảng lãnh đạo là nhân tố đầu tiên quyết định sự thắng lợi của Cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đó là đảm bảo về chính trị, tư tưởng và tổ chức của Cách mạng đi đúng hướng. Cũng qua lãnh đạo mà Đảng trưởng thành về mọi mặt.

Nội dung và phương pháp lãnh đạo của Đảng về cách mạng tư tưởng và văn hoá.

Đảng thể hiện vai trò lãnh đạo của mình bằng hệ tư tưởng của giai cấp công nhân. Đảng lãnh đạo bằng cương lĩnh, đường lối... và chỉ đạo trong hoạt động thực tiễn.

Trong lãnh đạo tư tưởng và văn hoá của Đảng phải thể hiện bản chất khoa học, cách mạng và sáng tạo. Đảng lãnh đạo văn hoá bằng phương pháp, đặc điểm văn hoá: linh hoạt mềm dẻo sáng tạo, dùng sức mạnh thuyết phục, giáo dục, không vội vàng nôn nóng trong giải quyết các vấn đề tâm lý xã hội, phong tục tập quán, lối sống...

Đảng lãnh đạo Nhà nước tăng cường đầu tư vật chất và tinh thần một cách có hiệu quả vào việc đào tạo cán bộ, chuyên gia trong lĩnh vực văn hoá. Nâng cao trình độ văn hoá cho nhân dân lao động, giữ gìn phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại.

Trong giai đoạn mới Đảng Cộng sản Việt Nam phải tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá. Tập trung vào:

Mặt trận lý luận: Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trên cơ sở chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đổi mới nội dung và phương pháp công tác tư tưởng.

Đẩy mạnh công tác tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận trong đó có vấn đề về con người, về tư tưởng và văn hoá.

Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị và tư tưởng tạo nên sự thống nhất cao trong Đảng, sự đồng thuận của nhân dân.

Triển khai có hiệu quả cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, lý luận, làm thất bại “chiến lược diễn biến hoà bình” âm mưu bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch.

Ban hành các văn bản bảo vệ Đảng, nâng cao chất lượng hiệu quả công tác xuất bản, báo chí, văn hoá văn nghệ...

Mặt trận văn hoá, văn nghệ: Nhận thức vai trò của văn hoá văn nghệ trong việc bồi dưỡng và phát huy tự do cá nhân. Nắm chắc, chỉ đạo kịp thời, sắc bén, giải quyết kịp thời những vướng mắc, trọng dụng người tài.

13.3. KẾT LUẬN

Nghiên cứu cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá giúp chúng ta hiểu được tính tất yếu, sự cần thiết, cũng như tính phức tạp của cuộc cách mạng trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá. Qua đó cũng giúp chúng ta thấy được nguyên tắc trong việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng tư tưởng và văn hoá. Chương này cũng giúp chúng ta hiểu được nội dung cụ thể của cách mạng tư tưởng và văn hoá ở Việt Nam và trong giai đoạn hiện nay.

CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Phân tích tính tất yếu của Cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng văn hóa.

Câu 2: Nêu và phân tích nội dung cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa ở Việt Nam.



HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG
Km10 Đường Nguyễn Trãi, Hà Đông-Hà Tây
Tel: (04) 5541221; Fax: (04) 5540587
Website: <http://www.o-pit.edu.vn>; E-mail: dhk@pit.edu.vn

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI CÂU HỎI ÔN TẬP

CHƯƠNG 1

Câu 1: Phân tích những giá trị lịch sử, những hạn chế của tư tưởng xã hội chủ nghĩa trước khi xuất hiện chủ nghĩa xã hội khoa học?

Vì sao tư tưởng xã hội chủ nghĩa trong các thời kỳ này được gọi là chủ nghĩa xã hội không tưởng?

Gợi ý nghiên cứu:

*** Những giá trị lịch sử chủ nghĩa xã hội không tưởng:**

- Phê phán, lên án chế độ quân chủ chuyên chế và chế độ tư bản chủ nghĩa.

Tập trung phê phán chủ nghĩa tư bản trên nhiều lĩnh vực:

+ Lên án chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa.

+ Vạch ra những bất công trong xã hội.

+ Tố cáo chế độ xã hội đương thời (tính phê phán càng sâu sắc).

- Đề xuất xây dựng một xã hội mới thật sự công bằng và tiên đoán một cách thiên tài nhiều chân lý mà tính đúng đắn của nó được Mác và Ăngghen chứng minh bằng khoa học.

+ Xoá bỏ chế độ người bóc lột người, xoá bỏ chế độ tư hữu.

+ Biến nhà nước thành cơ quan thuần tuý quản lý sản xuất và phát triển sản xuất theo kế hoạch hợp lý.

+ Giải quyết hài hoà các quan hệ xã hội, tạo điều kiện cho con người phát triển toàn diện giải phóng phụ nữ.

+ Xoá bỏ sự đối lập giữa thành thị và nông thôn.

- Những luận điểm của chủ nghĩa xã hội không tưởng mang tinh thần nhân đạo cao cả (vượt khỏi nhân đạo tư sản).

+ Vì con người, thương yêu, bênh vực người lao động.

+ Muốn giải phóng họ.

- Vừa đề ra tư tưởng tiến bộ, vừa hoạt động tích cực trong thực tiễn, thức tỉnh phong trào công nhân và người lao động.

*** Những hạn chế lịch sử:**

Gợi ý trả lời câu hỏi ôn tập

- Những nhà tư tưởng của chủ nghĩa xã hội không tưởng còn duy tâm trong lịch sử: Chỉ cần những con người xuất chúng tìm chân lý có sẵn rồi thuyết phục toàn xã hội xây dựng xã hội mới.

- Con đường cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới là con đường không khoa học (con đường ôn hoà): tuyên truyền, thuyết phục, thực nghiệm khoa học. Một số ít thấy con đường khởi nghĩa nhưng chưa chuẩn bị đầy đủ về lực lượng...

- Chủ nghĩa xã hội không tưởng chỉ ra lực lượng thủ tiêu xã hội cũ (tư bản chủ nghĩa) xây dựng xã hội mới (cộng sản chủ nghĩa) là giai cấp công nhân (lực lượng xã hội tiên phong).

*** Gợi tư tưởng xã hội thời kỳ này là chủ nghĩa xã hội không tưởng vì:**

- Từ những hạn chế của nó (đã phân tích)

- Cụ thể:

+ Phản ánh một xã hội tốt đẹp.

+ Con đường biện pháp thực hiện không khoa học

+ Duy tâm về lịch sử

Câu 2: Phân tích những điều kiện và tiền đề ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học.

Gợi ý nghiên cứu:

Khẳng định điều kiện và tiền đề ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học cũng tương tự như chủ nghĩa Mác. Cụ thể

*** Điều kiện kinh tế - xã hội:**

- Những năm 40 của thế kỷ XIX phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã thống trị ở hầu hết các nước châu Âu, đặc biệt là Anh và Pháp.

- Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã tạo ra khối lượng của cải vật chất khổng lồ.

- Giai cấp tư sản trở thành giai cấp thống trị về chính trị trên thế giới.

- Mâu thuẫn xã hội phát triển, đặc biệt là mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản → đấu tranh của công nhân nổ ra và thất bại.

Điều kiện đó là cơ sở để nghiên cứu về chủ nghĩa tư bản kỹ hơn, khoa học hơn. Nó cũng yêu cầu cần có một lý luận cách mạng mới ra đời.

*** Tiền đề về văn hoá - tư tưởng:**

- Tiền đề về văn hóa (khoa học tự nhiên) có những phát minh vạch thời đại

+ Học thuyết tế bào (nội dung cơ bản - ý nghĩa)

+ Định luật bảo toàn và chuyển hoá năng lượng

+ Học thuyết tiến hoá của Đác uyn.

- Tiền đề về tư tưởng

+ Triết học cổ điển Đức: Hêghen, PhơBach

+ Kinh tế chính trị học cổ điển Anh: A - Smit và D.Ricácđô

+ Chủ nghĩa xã hội không tưởng (tiền đề lý luận trực tiếp): H. Xanh xi mông, S.Phuriê, R. Ôwen.

*** Ý nghĩa phương pháp luận khi nghiên cứu về điều kiện và tiền đề dẫn tới sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học.**

- Chủ nghĩa xã hội khoa học được bắt nguồn từ những tiền đề trước đó. Nó là một bộ phận trong dòng chảy của nhân loại về chủ nghĩa xã hội.

- Chủ nghĩa xã hội khoa học vượt lên trên các trào lưu tư tưởng trước đó về một xã hội tốt đẹp.

- Thấy được cống hiến lớn lao của Các Mác và Ăng ghen đối với nhân loại. Bổ xung phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học trong điều kiện lịch sử mới.

Câu 3: Những giai đoạn cơ bản trong tiến trình phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học? Cống hiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đối với việc vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa xã hội khoa học

Gợi ý nghiên cứu:

* Các giai đoạn phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học.

- Giai đoạn Mác, Ăngghen đặt nền móng và tiếp tục phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học. 3 thời kỳ.

+ Từ 1844 - 1848 là thời kỳ chuyển lập trường

+ Từ 1848 - 1851 đến công xã Pari 1871

+ 1871 - cuối đời của hai ông.

- Giai đoạn Lê Nin bảo vệ và phát triển chủ nghĩa xã hội trong điều kiện lịch sử mới.

+ Thời kỳ trước cách mạng tháng Mười Nga.

+ Thời kỳ 1917 - 1924.

- Giai đoạn sau khi Lênin qua đời.

*** Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng sáng tạo và phát triển xã hội khoa học (sẽ nghiên cứu kỹ ở bộ môn tư tưởng Hồ Chí Minh). Ở góc độ bộ môn tập trung vào:**

- Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là quy luật của cách mạng Việt Nam.

- Kết hợp ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trung tâm, từng bước đổi mới chính trị.

- Xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước.
- Giải quyết đúng đắn quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và thực hiện công bằng xã hội.
- Mở rộng và phát huy khối đại đoàn kết dân tộc.
- Tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ quốc tế
- Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng.

CHƯƠNG 2

Câu 1: Phân biệt hai khái niệm " chủ nghĩa xã hội" và " chủ nghĩa xã hội khoa học".

Gợi ý nghiên cứu:

*** Chủ nghĩa xã hội là danh từ có ý nghĩa rộng hơn chủ nghĩa xã hội khoa học.**

Nói đến chủ nghĩa xã hội có 5 ý nghĩa.

- Một là: Chủ nghĩa xã hội là những nhu cầu và hoạt động thực tiễn của nhân dân lao động trong quá trình sản xuất ngày càng xã hội hoá.

- Hai là: Chủ nghĩa xã hội với ý nghĩa là phong trào đấu tranh của nhân dân lao động chống chế độ tư hữu, áp bức, bóc lột bất công.

- Ba là: Chủ nghĩa xã hội với tư cách là ước mơ, lý tưởng của nhân dân lao động về một xã hội không có chế độ tư hữu, giai cấp, áp bức bóc lột, nghèo nàn lạc hậu, chiến tranh.

- Bốn là: Chủ nghĩa xã hội với ý nghĩa là chế độ xã hội mà nhân dân lao động xây dựng trên thực tế dưới sự lãnh đạo của Đảng, của giai cấp công nhân hiện đại.

- Năm là: Chủ nghĩa xã hội với ý nghĩa là tư tưởng, lý luận, học thuyết về giải phóng con người, giải phóng xã hội.

*** Chủ nghĩa xã hội khoa học là khái niệm hẹp hơn:** là lý thuyết khoa học, là lý luận chính trị - xã hội dẫn dắt thực tiễn hoạt động xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nó là lý luận soi đường cho Đảng cộng sản và giai cấp công nhân thực hiện được mục tiêu của mình.

Câu 2: Nêu rõ vị trí, đối tượng và chức năng của chủ nghĩa xã hội khoa học.

Gợi ý nghiên cứu:

*** Vị trí của chủ nghĩa xã hội khoa học.**

- Với tư tưởng xã hội chủ nghĩa của nhân loại nó là đỉnh cao nhất trong lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa nhân loại vì thể hiện ở tính khoa học trong việc tìm ra những quy luật, tính quy luật trong quá trình lật đổ chủ nghĩa tư bản xây dựng xã hội mới tiến bộ hơn.

- Trong chủ nghĩa Mác - Lênin: Chủ nghĩa xã hội khoa học tức là chủ nghĩa Mác Lênin, nghĩa là nói đến tính mục đích và thực chất của chủ nghĩa Mác Lênin là làm cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Nghĩa hẹp: Chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận của chủ nghĩa Mác Lênin. Nó cùng triết học Mác Lênin, kinh tế chính trị học Mác Lênin tạo thành sự thống nhất biện chứng của chủ nghĩa MácLênin.

*** Đối tượng nghiên cứu**

Dựa trên phương pháp luận chung của triết học Mác Lênin, dựa trên cơ sở lý luận của kinh tế chính trị Mác Lênin để nghiên cứu những quy luật và tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Nghĩa là:

- Chủ nghĩa xã hội nghiên cứu quy luật khách quan của sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

- Nghiên cứu nhân tố chủ quan trong quá trình chuyển biến đó (tập trung vào hoạt động của giai cấp công nhân hiện đại).

*** Phạm vi nghiên cứu:**

- Là một khoa học bắt nguồn từ thực tiễn, do vậy chủ nghĩa xã hội khoa học phải gắn bó với thực tiễn. Khi nghiên cứu vận dụng phải từ hoàn cảnh cụ thể.

- Gắn với thực tiễn là vấn đề thường phức tạp hơn nhiều các môn học khác.

*** Chức năng của chủ nghĩa xã hội khoa học .**

- Trang bị hệ thống lý luận chính trị - xã hội và phương pháp luận khoa học về sự hình thành tất yếu của hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa.

- Chức năng, nhiệm vụ trực tiếp: Giáo dục trang bị lập trường tư tưởng chính trị của giai cấp công nhân cho Đảng cộng sản, giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

- Chức năng định hướng về chính trị - xã hội cho giai cấp công nhân trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử.

Câu 3: Ý nghĩa của việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học nhất là trong tình hình hiện nay.

Gợi ý nghiên cứu:

*** Ý nghĩa về mặt lý luận:**

- Nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học giúp chúng ta hiểu chủ nghĩa Mác Lênin một cách hoàn chỉnh.

- Nó là vũ khí lý luận để giai cấp công nhân tìm ra con đường giải phóng giai cấp mình đồng thời giải phóng toàn nhân loại.

*** Về mặt thực tiễn.**

- Nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học rất cần thiết với Việt Nam hiện nay:

- Giúp Đảng có cơ sở lý luận trực tiếp để đề ra đường lối, chiến lược.
- Giúp cho đông đảo quần chúng tiếp thu đường lối của Đảng một cách tự giác.
- Giúp cán bộ, nhân dân củng cố niềm tin.
- Giúp ta tránh được sai lầm, khuyết điểm.

CHƯƠNG 3

Câu 1: Phân tích những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin về sự phân kỳ hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Gợi ý nghiên cứu:

Trong tác phẩm "Hệ tư tưởng Đức" 1846 Mác và Ăng ghen chỉ rõ sự phát triển của lịch sử rất phức tạp và đầy mâu thuẫn không thể quy về lý luận trừu tượng mà xem nhẹ cơ sở thực tiễn của nó.

*** Các ông đi đến kết luận.**

- Chủ nghĩa cộng sản là một phong trào hiện thực nhằm thủ tiêu trạng thái hiện tồn, là nấc thang phát triển cao nhất trong phong trào cách mạng, theo đuổi những mục tiêu tốt đẹp nhờ vào những phương tiện thực tiễn.

- Dựa vào quan điểm đó khi phân tích hình thái kinh tế - xã hội.

*** Các ông đã căn cứ vào:**

- Sự phát triển cụ thể của lực lượng sản xuất.
- Sự tồn tại của quan hệ sản xuất
- Cùng kiến trúc thượng tầng tương ứng.

*** Các ông đã phân chia:**

- Lịch sử loài người thành các hình thái kinh tế - xã hội.
- Các hình thái kinh tế - xã hội thành các giai đoạn phát triển nhất định.
- Mỗi giai đoạn phát triển lại chia thành các thời đoạn.

Mác Ăng ghen phân chia hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa thành hai giai đoạn phát triển từ thấp đến cao là chủ nghĩa xã hội, có các nhiệm vụ:

→ Xây dựng giai cấp công nhân thành giai cấp thống trị

→ Trong chủ nghĩa xã hội chế độ kinh tế và sự phát triển văn hoá mới đạt tới giới hạn nguyên tắc "Làm theo năng lực, hưởng theo lao động".

→ Giai cấp công nhân phải:

- + Giành chính quyền cho Nhà nước
- + Tước đoạt tư liệu sản xuất trong tay giai cấp tư sản
- + Mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển.
- + Thi hành nghĩa vụ lao động, xây dựng kỷ luật lao động mới, xoá dần khoảng cách giữa thành thị và nông thôn.
- + Phổ cập giáo dục.

Giai đoạn cao hơn của xã hội cộng sản: Chủ nghĩa cộng sản.

→ Ở giai đoạn này con người không phụ thuộc phiến diện vào sự phân công lao động: lao động trở thành phương tiện, nhu cầu của con người.

→ Sự phát triển phi thường của lực lượng sản xuất tạo ra năng suất lao động dồi dào.

→ Sự bất bình đẳng xã hội không còn, sự phát triển tự do cho mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của mỗi người.

→ Sự đối lập giữa lao động trí óc và lao động chân tay, thành thị và nông thôn không còn nữa.

→ Xã hội đủ điều kiện vật chất và tinh thần thực hiện nguyên tắc "làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu".

- Lênin cũng thống nhất với quan điểm của Mác Ăngghen trong tác phẩm " Chủ nghĩa Mác về vấn đề nhà nước".

I. Những cơn đau đê kéo dài

II. Giai đoạn đầu của xã hội cộng sản chủ nghĩa.

III. Giai đoạn cao của xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Câu 2: Nêu rõ những đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa và đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Gợi ý nghiên cứu:

*** Những đặc điểm cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa.**

1. Cơ sở vật chất, kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội (xã hội xã hội chủ nghĩa) là nền sản xuất công nghiệp hiện đại.

2. Xã hội xã hội chủ nghĩa đã xoá bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa thiết lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất.

3. Xã hội xã hội chủ nghĩa tạo ra cách tổ chức lao động và kỷ luật lao động mới.

4. Xã hội xã hội chủ nghĩa thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động - nguyên tắc phân phối cơ bản nhất.

5. Nhà nước xã hội chủ nghĩa mang bản chất giai cấp công nhân tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc, thực hiện quyền lực và lợi ích của nhân dân.

6. Xã hội xã hội chủ nghĩa là chế độ đã giải phóng con người thoát khỏi áp bức bóc lột, thực hiện công bằng, bình đẳng, tiến bộ xã hội tạo những điều kiện cơ bản để con người phát triển toàn diện.

*** Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.**

Đặc điểm nổi bật là sự đan xen giữa hai xã hội cũ và mới trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội.

Cụ thể:

- Trên lĩnh vực kinh tế: Tồn tại nhiều thành phần kinh tế...
- Trên lĩnh vực xã hội: Cơ cấu giai cấp, tầng lớp phức tạp...
- Trên lĩnh vực văn hoá, tư tưởng: Nhiều loại tư tưởng văn hoá...

Câu 3: Đảng cộng sản Việt Nam đã vận dụng những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam như thế nào?

Gợi ý nghiên cứu:

*** Đảng cộng sản Việt Nam đã vận dụng những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội** (chỉ vì những đặc trưng về xã hội mà Đảng và nhân dân ta xây dựng).

- Xây dựng xã hội do nhân dân lao động làm chủ.
- Xây dựng xã hội có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại, quan hệ sản xuất tiên tiến xây dựng chế độ công hữu về tư liệu sản xuất.
- Xây dựng xã hội có nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.
- Con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công. Làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc.
- Các dân tộc trong nước bình đẳng, giúp nhau cùng tiến bộ.
- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.

*** Vận dụng về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.**

- Từ 1975 - 1985: Xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước vận dụng quan điểm của Lênin về đặc điểm thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở những " nước tiểu nông".

+ Chúng ta đã đạt được thành quả bước đầu trong xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

+ Nhưng chúng ta cũng mắc phải một số sai lầm như: Chủ quan nóng vội, giản đơn... nhất là về kinh tế.

- Từ Đại hội VI (1986) chúng ta đã tiến hành đổi mới: đổi mới tư duy, lý luận, nhất là tư duy về kinh tế.

+ Nhận thấy rõ hơn về thời kỳ quá độ: " Là thời kỳ quá độ đặc biệt của đặc biệt" quá độ gián tiếp lên chủ nghĩa xã hội.

+ Chỉ rõ hơn về " Bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa lên chủ nghĩa xã hội" ...

- Chỉ rõ phương hướng cơ bản (7 phương hướng mà đại hội VII) nêu ra).

+ Xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân lấy liên minh giai cấp công nhân với nông dân và trí thức làm nền tảng.

+ Phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

+ Phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất, từng bước thiết lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

+ Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng văn hoá, làm cho thế giới quan chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh giữ vai trò chủ đạo trong đời sống xã hội.

+ Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc.

+ Thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

+ Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức.

CHƯƠNG 4

Câu 1: Phân tích khái niệm giai cấp công nhân

Gợi ý nghiên cứu.

Trong quá trình trình bày về giai cấp công nhân trong xã hội tư bản chủ nghĩa Mác và Ăngghen sử dụng nhiều thuật ngữ khác nhau:

Giai cấp công nhân, giai cấp vô sản, giai cấp xã hội hoàn toàn chỉ dựa vào việc bán sức lao động của mình, giai cấp lao động làm thuê ở thế kỷ XIX giai cấp công nhân hiện đại... dùng để chỉ giai cấp công nhân - con đẻ của nền đại công nghiệp, đại biểu cho phương thức sản xuất tiên tiến.

*** Tên gọi có khác nhau nhưng nổi lên hai thuộc tính cơ bản.**

- Về phương thức lao động, phương thức sản xuất.

+ Lao động trong nền sản xuất vật chất có tính chất công nghiệp ngày càng hiện đại có tính xã hội cao.

+ Trực tiếp hay gián tiếp sử dụng công cụ sản xuất.

+ Nhấn mạnh giai cấp công nhân công xưởng

Tiêu chí này phân biệt với giai cấp nông dân, trí thức.

- Về vị trí trong quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa.

+ Là những người không có tư liệu sản xuất, phải bán sức lao động cho nhà tư bản, lại bị nhà tư bản bóc lột giá trị thặng dư.

+ Là những người lao động tự do, những người bán sức lao động của mình để kiếm sống.

*** Từ hai tiêu chí cơ bản là phương pháp luận để nghiên cứu giai cấp công nhân hiện đại.**

Diện mạo giai cấp công nhân hiện nay khác với thời của Mác và Ăng ghen mô tả ở thế kỷ XIX:

- Sự phát triển của lực lượng sản xuất hiện nay đã vượt xa trình độ của văn minh công nghiệp trước đây dẫn tới sự xã hội hoá và phân công lao động mới.

- Cơ cấu giai cấp công nhân hiện đại và phương thức bóc lột của giai cấp tư sản cũng khác trước (nêu ra các biểu hiện).

Kết luận: Có thể coi công nhân làm trong các ngành công nghiệp - dịch vụ công nghiệp là công nhân - giai cấp công nhân. Những người làm trong các ngành y tế, văn hóa, giáo dục, dịch vụ không liên quan đến công nghiệp là những người lao động nói chung, được thu hút vào các nghiệp đoàn lao động nhưng không phải là công nhân.

Câu 2: Những quan điểm cơ bản của các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin về điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

Gợi ý nghiên cứu:

*** Giai cấp công nhân, con đẻ của nền sản xuất công nghiệp hiện đại, được nền công nghiệp hiện đại, rèn luyện tổ chức lại thành một lực lượng xã hội hùng mạnh.**

- Là con đẻ của nền đại công nghiệp.

- Giai cấp công nhân bị giai cấp tư sản áp bức bóc lột nặng nề, là giai cấp trực tiếp đối kháng với giai cấp tư sản.

- Trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa: Giai cấp công nhân đại biểu cho phương thức sản xuất tiên tiến.

*** Địa vị kinh tế - xã hội khách quan còn tạo ra khả năng cho giai cấp công nhân đoàn kết các giai cấp khác, khả năng đi đầu trong đấu tranh.**

- Giai cấp công nhân có khả năng đoàn kết giai cấp.

- Họ có lý luận cách mạng soi đường.

- Có khả năng đoàn kết với giai cấp cùng bị bóc lột dưới chủ nghĩa tư bản.
Phê phán các quan điểm sai lầm phủ nhận vai trò của sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

Câu 3: Phân tích nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

Gợi ý nghiên cứu:

- Nêu nội dung khái quát.

- Nội dung thực chất.

+ Về kinh tế: Xoá bỏ chế độ chiếm hữu tư nhân tư liệu sản xuất xây dựng chế độ công hữu về tư liệu sản xuất. Phát triển sản xuất nâng cao năng suất lao động. Đáp ứng với nhu cầu ngày càng phát triển của xã hội.

+ Về chính trị: Đập tan nhà nước tư sản thiết lập nhà nước chuyên chính vô sản, đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân.

+ Về xã hội: Xoá bỏ giai cấp bóc lột tiến tới xoá bỏ giai cấp nói chung, tạo ra sự bình đẳng thật sự trong công hiến và hưởng thụ.

Kết luận: Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân bao gồm 4 sự nghiệp: Giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng người lao động, giải phóng con người.

Câu 4: Phân tích các quan điểm của Lê nin và Hồ Chí Minh về điều kiện thành lập Đảng Cộng sản và mối quan hệ giữa Đảng với giai cấp công nhân.

Gợi ý nghiên cứu:

*** Quan điểm của Lê nin về điều kiện thành lập Đảng cộng sản và mối quan hệ giữa Đảng với giai cấp công nhân.**

- Điều kiện thành lập Đảng là sự kết hợp 2 yếu tố:

+ Phong trào công nhân: (Phân tích: là cơ sở xã hội, lực lượng xã hội của Đảng...).

+ Chủ nghĩa Mác (Phân tích: là lý luận Cách mạng và khoa học, lấy lợi ích giai cấp công nhân là mục đích chính, có xu hướng đi vào phong trào công nhân...)

Sự kết hợp giữa phong trào công nhân và chủ nghĩa Mác là sự kết hợp giữa lực lượng vật chất với lực lượng tinh thần tiên tiến đưa tới sự hình thành Đảng cộng sản.

- Quan hệ giữa Đảng Cộng sản với giai cấp công nhân

+ Tính giai cấp của Đảng Cộng sản:

Đại biểu cho trí tuệ, lợi ích giai cấp công nhân

Điều cốt lõi nhất: Đảng phải lấy chủ nghĩa Mác Lê nin làm nền tảng. Đảng phải có đường lối chiến lược sách lược đúng.

+ Quan hệ giữa Đảng và giai cấp

Quan hệ hữu cơ không tách rời:

Những Đảng viên của Đảng phải có giác ngộ cao nhất. Sự lãnh đạo của Đảng là sự lãnh đạo của giai cấp.

*** Quan điểm của Hồ Chí Minh:**

- Về sự hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam

Trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, căn cứ vào điều kiện thực tiễn của Việt Nam, Hồ Chí Minh nêu ra quy luật hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam, đó là sự kết hợp 3 yếu tố:

+ Chủ nghĩa Mác - Lê - nin

+ Phong trào công nhân

+ Phong trào yêu nước (phân tích)

- Quan hệ giữa Đảng Cộng sản Việt Nam với giai cấp công nhân:

+ Đảng là đội tham mưu, đội tiên phong chiến đấu của giai cấp

+ Đảng quyết định thắng lợi của Cách mạng Việt Nam (phân tích)

Câu 5: Phân tích những điều kiện giai cấp công nhân Việt Nam làm tròn sứ mệnh lịch sử của mình đối với Cách mạng Việt Nam.

Gợi ý nghiên cứu:

*** Nêu khái quát về giai cấp công nhân Việt Nam**

- Về sự ra đời

- Về số lượng, chất lượng

- Vai trò

*** Nêu những đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam (cũng là điều kiện)**

- Sinh ra trong một dân tộc có truyền thống đấu tranh bất khuất chống giặc ngoại xâm ... (phân tích).

- Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời và từng bước trưởng thành trong không khí sục sôi của một loạt phong trào yêu nước và các cuộc khởi nghĩa nổ ra liên tục ở nước ta... (phân tích).

- Ra đời vào lúc cách mạng thế giới phát triển, cách mạng tháng Mười Nga thành công ảnh hưởng tới phong trào dân tộc, dân chủ ở các nước khác, lúc Nguyễn Ái Quốc đã tìm đến với chủ nghĩa Mác - Lênin.

- Xuất thân từ tuyệt đại đa số từ nông dân, có mối liên hệ mật thiết gắn bó với nông dân... là cơ sở để xây dựng khối liên minh công nông vững chắc...

*** Nêu thực tiễn để chứng minh: phong trào công nhân phát triển từ khi chưa có Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời.**

Câu 6: Trong bối cảnh hiện nay giai cấp công nhân phải làm gì để đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ mới?

Gợi ý nghiên cứu:

*** Nêu khái quát về giai cấp công nhân hiện nay:**

- Gồm những người lao động chân tay và lao động trí óc trong các ngành thuộc các doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã, tư nhân liên doanh với nước ngoài. Hợp thành giai cấp đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến.

- Giai cấp công nhân thông qua Đảng Cộng sản lãnh đạo công cuộc đổi mới, là lực lượng đi đầu trong công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

- Tuy nhiên vẫn còn nhược điểm: doanh nghiệp nhà nước số lượng không tăng, trình độ học vấn thấp, trình độ tay nghề không cao, thừa những người chưa qua đào tạo...

*** Phương hướng: nêu Nghị quyết IX: SGK trang 96**

*** Những việc phải tiến hành:**

- Tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng cho giai cấp công nhân kiên định với con đường xã hội chủ nghĩa đã chọn.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng với giai cấp công nhân.

- Giải quyết tốt đời sống và việc làm cho giai cấp công nhân trong điều kiện mới: tạo việc làm, chính sách trợ cấp.

- Đổi mới phương thức đào tạo đối với giai cấp công nhân.

- Xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh.

- Phát triển về số lượng, chất lượng.

CHƯƠNG 5

Câu 1: Phân tích những nguyên nhân, điều kiện khách quan, chủ quan của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Gợi ý nghiên cứu:

- Nêu khái niệm, bản chất cách mạng xã hội chủ nghĩa.

+ Khái niệm: Hai nghĩa rộng, hẹp.

+ Bản chất: Là cuộc cách mạng toàn diện, triệt để và lâu dài.

*** Nguyên nhân cách mạng xã hội chủ nghĩa.**

- Cũng như mọi cuộc cách mạng xã hội: đều nổ ra từ nhu cầu giải phóng lực lượng sản xuất.

- Cách mạng xã hội chủ nghĩa nổ ra từ nguyên nhân.

Lực lượng sản xuất đã đạt đến trình độ xã hội hoá cao mâu thuẫn với quan hệ sản xuất chiếm hữu tư liệu sản xuất.

- Mâu thuẫn trên trở nên gay gắt hơn và trở thành mâu thuẫn cơ bản trên trong chủ nghĩa tư bản.

*** Điều kiện của cách mạng xã hội chủ nghĩa:**

- Điều kiện khách quan:

+ Từ nguyên nhân của Cách mạng phát triển cao mới xuất hiện điều kiện khách quan của Cách mạng.

+ Chỉ khi lực lượng sản xuất đã mang tính xã hội hoá cao mới làm nảy sinh nhu cầu xoá bỏ chế độ chiếm hữu tư bản chủ nghĩa.

+ Đại công nghiệp phát triển

+ Giai cấp công nhân hiện đại phát triển

+ Chủ nghĩa tư bản làm nảy sinh nhân tố phủ định nó. Mỗi bước phát triển của chủ nghĩa tư bản càng làm chín muồi thêm những điều kiện vật chất cho sự ra đời của chủ nghĩa xã hội.

+ Suy đến cùng quyết định sự phát triển của xã hội là khoa học kỹ thuật và công nghệ dưới chủ nghĩa tư bản cũng có sự mâu thuẫn → Để tăng cường lợi nhuận giai cấp tư sản phải sử dụng khoa học công nghệ, sự phát triển khoa học công nghệ lại làm tăng thêm mâu thuẫn vốn có giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất → Khoa học thường bị hướng vào mục đích phi nhân đạo: chiến tranh, biến dạng môi trường sinh thái...

- Điều kiện chủ quan:

+ Quyết định nhất là sự trưởng thành của giai cấp công nhân

+ Sự trưởng thành về chính trị của giai cấp công nhân

+ Sự ra đời của Đảng Cộng sản

+ Sự liên minh giai cấp, tầng lớp dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản

Câu 2: Mục tiêu và động lực của Cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Gợi ý nghiên cứu

*** Mục tiêu:**

- Giải phóng các giai cấp bị áp bức, bóc lột, giải phóng các dân tộc bị nô dịch, giải phóng xã hội khỏi sự trì trệ để tiếp tục phát triển trên con đường văn minh, tiến bộ.

- Thực chất xã hội chủ nghĩa mà Mác - Ăngghen áp dụng là "Một thể liên hiệp trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự tự do của tất cả mọi người".

- Mục tiêu đó được chia làm 2 giai đoạn.

+ Thứ nhất là giành chính quyền về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

+ Thứ hai, xóa bỏ chế độ người bóc lột người, phát triển lực lượng sản xuất đem lại ấm no cho toàn dân.

*** Động lực của Cách mạng xã hội chủ nghĩa.**

Gồm giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức

- Giai cấp công nhân: Là động lực và là lực lượng lãnh đạo Cách mạng xã hội chủ nghĩa ...

- Giai cấp nông dân: Lợi ích cơ bản thống nhất với giai cấp công nhân có ý nghĩa quan trọng trong việc hiện thực hóa vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân. Là đảm bảo cho thắng lợi của Cách mạng.

- Tầng lớp trí thức: Đại diện cho trí tuệ của đất nước, có nhiều khả năng tiếp cận thành tựu khoa học công nghệ của thời đại.

Là lực lượng không thể thiếu được của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Kết luận: Cách mạng xã hội chủ nghĩa phù hợp với nhu cầu phát triển của xã hội nên đã kết hợp được mọi lực lượng thành động lực tổng hợp của cách mạng.

Câu 3: Phân tích nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Gợi ý nghiên cứu:

Cách mạng xã hội chủ nghĩa tiến hành trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, tạo nên sự toàn diện, sâu sắc, triệt để.

*** Trên lĩnh vực chính trị:**

- Đập tan chính quyền của giai cấp tư sản, thiết lập chính quyền của dân vì dân

- Khi có chính quyền phải xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa (dân chủ hóa đời sống chính trị).

*** Trên lĩnh vực kinh tế:**

- Xóa bỏ chế độ chiếm hữu tư nhân tư liệu sản xuất (sở hữu tư bản chủ nghĩa) thay đổi vị trí người lao động trong hệ thống sản xuất xã hội.

- Phát triển lực lượng sản xuất, nâng cao năng suất lao động.

*** Trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng:**

- Tạo nên sự thay đổi trong phương thức và nội dung sinh hoạt tư tưởng hướng tới sự phát triển.
- Kế thừa, nâng cao các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.
- Tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.
- Xây dựng nền văn hóa mới theo lập trường của giai cấp công nhân: giải phóng người lao động về mặt tinh thần.

Câu 4: Nội dung cơ bản của lý luận "Cách mạng không ngừng" của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Gợi ý nghiên cứu:

*** Tư tưởng cách mạng không ngừng của Mác - Ăngghen**

- Hoàn cảnh lịch sử:
 - + Chủ nghĩa tư bản đang phát triển mạnh, giai cấp tư sản đang đóng vai trò tiên bộ.
 - + Giai cấp công nhân còn nhỏ bé, đang tập hợp lực lượng
 - + Cách mạng xã hội chủ nghĩa chưa đặt ra một cách trực tiếp
 - Tư tưởng của Mác - Ăngghen
 - + Xem cách mạng như một quá trình gồm 2 giai đoạn nhưng phát triển liên tục.
 - + Đặt hy vọng vào sự bùng nổ đồng loạt cách mạng ở những nước tư bản phát triển.
 - + Hai ông cũng bỏ qua những nước tư bản chủ nghĩa phát triển ở mức độ trung bình, các ông coi đó là một bộ phận của cách mạng vô sản giả định rằng cách mạng xã hội chủ nghĩa nổ ra ở những nước này trước thì:
 - Phải kết hợp phong trào công nhân với phong trào nông dân với lực lượng tư sản để chống phong kiến đế: Lịch sử phát triển cao hơn và giành dân chủ.
 - Phải ủng hộ mọi phong trào dân chủ và phát triển lực lượng của mình: Lôi kéo quần chúng, tập hợp, phát triển lực lượng độc lập về đường lối, mục tiêu chính trị của mình, giành dân chủ phải đặt trong xu hướng tiến tới cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- Kết luận:** Cách mạng tư sản chỉ là mục tiêu trước mắt, cách mạng xã hội chủ nghĩa là mục tiêu cần hướng tới.

*** Lênin phát triển tư tưởng của Mác - Ăngghen.**

- Điều kiện lịch sử có bước phát triển
 - + Giai cấp công nhân phát triển về số, chất lượng.
 - + Chủ nghĩa đế quốc xuất hiện: giai cấp tư sản mất vai trò tiên bộ

Gợi ý trả lời câu hỏi ôn tập

- + Lênin phân tích các mâu thuẫn ở Nga: Hòa bình - Dân sinh - Dân chủ.
- Nội dung tư tưởng: Phải tiến hành một cuộc cách mạng triệt để rồi tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa
 - + Cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới phải do giai cấp công nhân lãnh đạo vì:
 - Cách mạng Nga đặt ra nội dung có sự phát triển
 - Vì yếu tố thời đại chi phối
 - Vì lực lượng cách mạng
 - + Cách mạng dân chủ tư sản phải được tiến hành triệt để, rồi chuyển ngay vào cách mạng xã hội chủ nghĩa.
 - Giữa 2 cuộc cách mạng không có bức tường thành ngăn cách
 - Nhân tố dân chủ được định hướng xã hội chủ nghĩa.
 - Nhân tố xã hội chủ nghĩa đặt trên mảnh đất dân chủ
 - + Điều kiện để chuyển cách mạng dân chủ tư sản lên cách mạng xã hội chủ nghĩa
 - Tăng cường vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua chính Đảng
 - Củng cố tăng cường khối liên minh
 - Chuyên chính công nông phải được thay thế bằng chuyên chính vô sản.

Câu 5: Sự vận dụng lý luận "cách mạng không ngừng" của Chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam được thể hiện như thế nào?

Gợi ý nghiên cứu:

*** Tính tất yếu của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam**

- 1858 thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, xã hội Việt Nam chuyển tính chất từ xã hội phong kiến sang thuộc địa nửa phong kiến.
- Cứu nước, giải phóng dân tộc là đề tài bao trùm của người Việt Nam lúc đó nhiều phong trào yêu nước theo các hệ tư tưởng đều thất bại.
- Yêu cầu dân tộc dân chủ của nhân dân vượt khỏi phạm vi dân chủ tư sản yêu cầu phải giải quyết theo một đường lối cách mạng triệt để.

Được thể hiện thành nguyện vọng bức thiết của nhân dân

- + Giai cấp công nhân
- + Giai cấp nông dân
- + Các tầng lớp nhân dân khác: tiểu tư sản, học sinh, trí thức

Hồ Chủ tịch, Đảng ta thấy rõ nhu cầu khách quan của lịch sử, khẳng định đúng quá trình phát triển của lịch sử là giành độc lập dân tộc, giải phóng gia cấp.

*** Tính tất yếu chuyển biến từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân lên Cách mạng xã hội chủ nghĩa.**

- Được khẳng định ngay từ cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng "Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng đều đi tới xã hội cộng sản".

- Thực tiễn đã chỉ rõ điều đó

+ Khi Pháp xâm lược lần 2: Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân có đặc trưng kết hợp kháng chiến, kiến quốc (phân tích thành tựu). Điều đó đặt cách mạng Việt Nam vào dòng chảy liên tục, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử.

+ Sau 1954 miền Nam tiếp tục thực hiện nhiệm vụ Cách mạng dân tộc dân chủ và miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội .

+ Tính tất yếu thể hiện: đường lối và mục tiêu cách mạng Việt Nam chia làm 2 giai đoạn nhưng do một Đảng Cộng sản lãnh đạo.

+ Việt Nam có đủ điều kiện và khả năng đi lên chủ nghĩa xã hội.

+ Con đường đó được khẳng định và chứng minh qua các Đại hội của Đảng.

CHƯƠNG 6

Câu 1: Quan niệm về thời đại ngày nay

- Vào cuối thế kỷ XIX khi chủ nghĩa tư bản phát triển sang giai đoạn tột cùng là chủ nghĩa đế quốc xuất hiện:

+ Mâu thuẫn sâu sắc giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất tột cùng là chủ nghĩa đế quốc xuất hiện:

+ Giai cấp tư sản không còn là giai cấp cách mạng nữa

+ Giai cấp cách mạng mới xuất hiện. Giai cấp công nhân đóng vai trò trung tâm của thời đại. Chủ nghĩa tư bản tất yếu diệt vong.

- Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 mở đầu một thời đại mới:

thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. (cách mạng tháng Mười Nga có ý nghĩa quốc tế to lớn).

+ Cách mạng tháng Mười Nga biến chủ nghĩa xã hội từ lý luận trở thành thực tiễn, xuất hiện hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

+ Trục xuyên suốt của sự vận động lịch sử từ sau cách mạng tháng Mười Nga là đấu tranh xóa bỏ trật tự tư bản chủ nghĩa thiết lập và từng bước xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.

+ Sau 1917 các nước xã hội chủ nghĩa, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế trở thành lực lượng nòng cốt cho đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội trên thế giới.

+ Sau 1917, cách mạng giải phóng dân tộc nằm trong phạm trù cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhiều nước sau khi giành được độc lập dân tộc đã đi theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Kết luận: Chi rõ đặc điểm của sự quá độ: Thời kỳ chuyển hóa từ xã hội cũ sang xã hội mới bằng đấu tranh cách mạng: chủ nghĩa tư bản chưa bị đánh bại hoàn toàn.

*** Những giai đoạn chính trong thời đại ngày nay (4 giai đoạn) .**

- Trong giai đoạn từ sau cách mạng tháng Mười 1917 đến kết thúc chiến tranh thế giới thứ hai năm 1945 (nêu sự kiện cơ bản).

- Từ 1945 đến những năm 70 của thế kỷ XX.

- Từ cuối những năm 70 đến cuối những năm 80.

- Giai đoạn từ đầu những năm 90 cho đến nay.

Câu 2: Phân tích rõ nội dung cơ bản những tính chất và những mâu thuẫn cơ bản của thời đại ngày nay.

Gợi ý nghiên cứu:

*** Phân tích nội dung cơ bản của thời đại ngày nay:**

- Xóa bỏ giai cấp tư sản và chế độ tư bản chủ nghĩa.

- Đồng thời thiết lập những cơ sở xã hội của xã hội mới xã hội xã hội chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa.

- Đây là quá trình lịch sử lâu dài bắt đầu bằng cách mạng tháng Mười Nga, sau đó là cuộc cách mạng ở các nước khác (Khi phân tích cần chỉ rõ xu hướng thế chủ yếu của thời đại, đặc điểm biểu hiện của sự quá độ).

*** Những tính chất.**

- Đấu tranh giữa chủ nghĩa tư bản với chủ nghĩa xã hội (chủ yếu)

+ Đấu tranh của giai cấp công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa .

+ Sự khẳng định mạnh mẽ của các nước dân tộc chủ nghĩa.

+ Đấu tranh của các lực lượng tiến bộ vì mục tiêu của loài người.

- Tính chất khó khăn phức tạp của quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội.

+ Chủ nghĩa tư bản còn thích nghi và tồn tại

+ Chủ nghĩa xã hội rơi vào khủng hoảng.

*** Những mâu thuẫn cơ bản trong thời đại ngày nay (4 mâu thuẫn cơ bản).**

- Mâu thuẫn giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội (cơ bản nhất)

- Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và công nhân (giữa tư bản và lao động)

- Mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa và chủ nghĩa đế quốc.
- Mâu thuẫn giữa các nước tư bản chủ nghĩa với nhau.

Câu 3: làm rõ những đặc điểm cơ bản của thời đại ngày nay.

Gợi ý nghiên cứu:

Thời đại ngày nay khác thời đại trước kia ở đặc điểm (thuộc tính) của nó. Thời đại ngày nay có các đặc điểm sau:

*** Đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp diễn ra gay gắt.**

- Do: Các mâu thuẫn vẫn tồn tại và phát triển.
- Đấu tranh dân tộc và giai cấp diễn ra với nhiều hình thức mới.
- Giải quyết vấn đề nhân loại bao giờ cũng theo lăng kính giai cấp.

*** Cuộc cách mạng khoa học công nghệ đang diễn ra như vũ bão, tạo ra nhiều sự thay đổi ở các lĩnh vực.**

- Nhân loại đã trải qua 4 cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật đến cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật lần 4 (từ giữa thế kỷ XX đến nay).

- Tạo ra sự biến đổi nhanh chóng ở các lĩnh vực: Khoa học cơ bản, khoa học ứng dụng, khoa học vũ trụ, khoa học điện tử, vật liệu mới...

- Đưa ra quy luật mới trong quan hệ quốc tế: phụ thuộc - phối hợp...

*** Sự xuất hiện của hơn một trăm các quốc gia độc lập trẻ tuổi.**

- Các nước này vừa thoát khỏi chủ nghĩa thực dân cũ.
- Phải đương đầu với chủ nghĩa thực dân mới để đảm bảo độc lập.
- Khu vực châu Á - Thái Bình Dương đang là khu vực phát triển năng động, khả năng phát triển với tốc độ cao nhưng cũng chứa đựng những nhân tố gây mất ổn định cao.

+ Là khu vực rộng lớn.

+ Là khu vực năng động nhất.

+ Tiềm ẩn nhân tố gây mất ổn định.

*** Cả thế giới đang đứng trước các vấn đề toàn cầu.**

- Thế giới đang phân chia
- Nhưng đang đương đầu với những vấn đề toàn cầu. Bệnh tật, chiến tranh, môi trường sinh thái.

Đòi hỏi phải liên kết để giải quyết.

Câu 4: Xu thế phát triển của thời đại ngày nay và quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam về vấn đề này

Gợi ý nghiên cứu:

*** Xu thế phát triển của thời đại**

- Hòa bình, hợp tác để cùng phát triển.

+ Hòa bình là ước mơ, nguyện vọng lâu đời của các lực lượng tiến bộ trên thế giới, nhưng không phải lúc nào cũng đạt được vì còn chủ nghĩa đế quốc.

+ Đấu tranh cho hòa bình cùng tồn tại trong hòa bình có quan hệ biện chứng (phân tích).

- Xu hướng gia tăng hợp tác giữa các quốc gia với nhiều hình thức liên minh, ở các lĩnh vực

- Hợp tác và cạnh tranh đi liền với nhau.

- Các dân tộc nâng cao ý thức độc lập, tự chủ, tự cường, chống lại sự can thiệp của nước ngoài.

Độc lập dân tộc là vấn đề quan tâm của tất cả các chế độ chính trị - xã hội, tất cả các nước dù trình độ phát triển khác nhau.

- Các nước xã hội chủ nghĩa, các Đảng cộng sản, phong trào công nhân giữ nòng cốt trong phong trào đấu tranh bảo vệ hòa bình, tiến bộ và phát triển.

+ Bất chấp những dao động nảy sinh trong quá trình phát triển của mình, chủ nghĩa xã hội vẫn là nhân tố có ý nghĩa quyết định đến sự phát triển của lịch sử.

+ Đảng cộng sản giữ vai trò làm nòng cốt trong đấu tranh vì sự tiến bộ xã hội.

- Các nước có chế độ chính trị khác nhau vừa hợp tác vừa đấu tranh. Cùng tồn tại trong hòa bình.

*** Một số quan điểm của Đảng ta.**

- Đa phương, đa dạng hóa trong quan hệ quốc tế và trong chính sách đối ngoại của Nhà nước.

- Việt Nam sẵn sàng làm bạn với tất cả các nước, các dân tộc trên thế giới theo nguyên tắc tôn trọng độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, hai bên cùng có lợi.

- Giải quyết tranh chấp bằng đàm phán.

- Xây dựng lực lượng vũ trang đủ mạnh để bảo vệ độc lập dân tộc.

- Tận dụng tất cả các cơ hội thuận lợi do tình hình quốc tế mang lại.

- Vượt qua những thử thách để phát triển.

- Đảng phải tự đổi mới, chỉnh đốn. Kiên định mục tiêu chủ nghĩa xã hội.

CHƯƠNG 7

Câu 1: Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và dân chủ

Gợi ý nghiên cứu:

*** Nêu sự phát triển của quan điểm dân chủ trong lịch sử nhân loại**

- Dân chủ theo quan điểm của Hy Lạp: quyền lực của dân (phân tích)
- Về sau được bổ xung, làm rõ.
- Quyền lực
- Quyền lực chính trị.

*** Quan niệm của chủ nghĩa xã hội khoa học về dân chủ.**

- Tán thành quan điểm của nhân loại về dân chủ: Quyền lực thuộc về nhân dân.
- Khi xuất hiện nhà nước thì không có "dân chủ chung chung, phi giai cấp, dân chủ thuần túy. Mỗi chế độ dân chủ gắn với nhà nước đều mang bản chất giai cấp thống trị xã hội. Có các kiểu dân chủ.

+ Các chế độ dân chủ chủ nô (là nền dân chủ đầu tiên trong lịch sử phân tích)

+ Dân chủ tư sản

+ Dân chủ vô sản

(Lưu ý trong chế độ phong kiến không xem dân chủ là một chế độ dân chủ độc lập, nhưng tư tưởng dân chủ vẫn tồn tại).

- Từ khi có nhà nước dân chủ, thì dân chủ còn với ý nghĩa một hình thức nhà nước.

Quyền lực thuộc về nhân dân (còn quan niệm dân như thế nào là tùy thuộc vào giai cấp thống trị quy định).

- Với một chế độ dân chủ và nhà nước tương ứng. Mọi hoạt động của xã hội giai cấp thống trị quy định.

Câu 2: Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa theo quan điểm của chủ nghĩa xã hội khoa học?

Gợi ý nghiên cứu.

*** Khẳng định bản chất của chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa (nêu)**

Chỉ rõ:

- Dân chủ xã hội chủ nghĩa là hình thức dân chủ cao nhất.
- Dân chủ xã hội chủ nghĩa ra đời trên cơ sở giá trị dân chủ tư sản và sáng tạo các giá trị dân chủ mới.

- Là bước ngoặt trong việc phát triển các giá trị tư tưởng trên con đường giải phóng giai cấp, xã hội và con người.

*** Thể hiện bản chất dân chủ xã hội chủ nghĩa.**

- Bản chất dân chủ trên lĩnh vực chính trị.

+ Quyền lực thuộc về nhân dân.

+ Nhân dân trở thành người làm chủ xã hội.

+ Nhân dân tham gia vào công việc quản lý của Nhà nước.

+ Xây dựng quan hệ bình đẳng giữa người với người, xóa bỏ áp bức hình thành nhân cách con người mới xã hội chủ nghĩa.

- Bản chất dân chủ trên lĩnh vực kinh tế

+ Là cơ sở của nền dân chủ.

+ Dựa trên chế độ công hữu và tư liệu sản xuất.

+ Nhân dân tham gia vào quá trình tổ chức phân công lao động xã hội và phân phối sản phẩm.

+ Bản chất về kinh tế được bộc lộ đầy đủ qua quá trình ổn định chính trị và phát triển sản xuất, nâng cao đời sống của toàn xã hội.

- Bản chất tư tưởng - văn hóa.

+ Lấy hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng.

+ Phát triển truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc.

+ Tiếp thu giá trị văn hóa nhân loại.

+ Xây dựng nền văn hóa theo lập trường của giai cấp công nhân.

Kết luận: Dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Câu 3: Phân tích rõ cơ cấu hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa

Gợi ý nghiên cứu:

*** Quan niệm của chủ nghĩa xã hội khoa học.**

Mác - Lênin nêu ra luận điểm cơ bản về "chuyên chính vô sản". Gồm: Đảng, Nhà nước, công đoàn và một số các tổ chức khác để tạo ra mối liên hệ giữa đảng với quần chúng.

- Vận dụng, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện mới. Đảng ta đưa ra khái niệm " hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa"

(SGK/1960 - 1961)

*** Cấu trúc cơ bản của hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa.**

- Đảng cộng sản. là thành tố nhưng đồng thời là hạt nhân lãnh đạo hệ thống chính trị.
 - + Đảng cộng sản lãnh đạo là tất yếu.
 - + Để giữ vững vai trò lãnh đạo Đảng phải làm gì (phân tích)
- Nhà nước xã hội chủ nghĩa.
 - + Quan niệm về nhà nước xã hội chủ nghĩa thống nhất với nhà nước chuyên chính vô sản về bản chất, mục tiêu, vai trò, chức năng, nguyên tắc tổ chức hoạt động.
 - + Nhà nước xã hội chủ nghĩa là một trong những tổ chức chính trị quan trọng nhất của hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa, là công cụ chủ yếu vững mạnh của nhân dân trong quá trình thực hiện quyền làm chủ của mình để xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- Bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa: Mang bản chất giai cấp công nhân (phân tích).
- Chức năng nhiệm vụ của nhà nước xã hội chủ nghĩa: Tập trung ở quản lý xã hội trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội chủ yếu bằng pháp luật, chính sách và pháp chế.
Ngoài ra thực hiện các chức năng đối nội, đối ngoại.
Nhiệm vụ quan trọng là quản lý xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa xã hội, giáo dục...
- * **Các tổ chức chính trị - xã hội khác:**
 - Là đại diện cho quyền lực của các tầng lớp nhân dân lao động.
 - Nhiệm vụ: Huy động mọi thành viên tham gia vào công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Tham gia, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước.
Rút ra: Mọi quan hệ giữa các bộ phận trong hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa là quan hệ thống nhất. Trong đó Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, các tổ chức chính trị xã hội tham gia quản lý giám sát.
Các bộ phận hoạt động nhịp nhàng, đồng bộ, không chồng chéo.

Câu 4: Phân tích những vấn đề có tính nguyên tắc định hướng xã hội chủ nghĩa trong đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta. Phương hướng cải cách nhà nước ta hiện nay.?

Gợi ý nghiên cứu

* **Những vấn đề có tính nguyên tắc định hướng xã hội chủ nghĩa trong đổi mới hệ thống chính trị ở Việt Nam.**

- Không thay đổi mục tiêu, con đường xã hội chủ nghĩa, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Đổi mới hệ thống chính trị là đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, tổ chức cán bộ và mối quan hệ vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội hợp pháp.

Gợi ý trả lời câu hỏi ôn tập

- Những nguyên tắc, chức năng, nhiệm vụ của chuyên chính vô sản vẫn được thực hiện ngày càng tốt hơn.

- Không chấp nhận "đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập".

- Đổi mới toàn diện cả xã hội song trọng điểm là dựa trên cơ sở ổn định phát triển kinh tế, nâng cao đời sống của nhân dân.

* **Phương hướng cải cách nhà nước ta hiện nay.**

Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Quốc hội: Quan tâm đặc biệt đến việc lập pháp, lập quy.

+ Xây dựng chương trình pháp luật

+ Quyền trình dự án luật của các đoàn thể nhân dân

+ Nâng cao kiến thức lập pháp của đại biểu Quốc hội

+ Nâng cao trình độ thẩm định luật

+ Tập hợp ý kiến của các nhà khoa học, các chuyên gia và ý kiến nhân dân

+ Cải cách hành chính được đẩy mạnh

→ Cải cách thể chế hành chính

→ Cải cách bộ máy

- Đổi mới nâng cao chất lượng cán bộ công chức

+ Ban hành quy chế về chế độ công vụ, công chức

+ Quy định rõ nghĩa vụ, quyền hạn, thẩm quyền và kỷ luật hành chính

+ Quy định chế độ đào tạo, tuyển dụng, sàng lọc công chức

+ Xây dựng đội ngũ công chức vừa "hồng" vừa "chuyên".

CHƯƠNG 8

Câu 1: Cơ cấu xã hội là gì? Cơ cấu xã hội và cơ cấu xã hội - giai cấp có mối quan hệ như thế nào?

Gợi ý nghiên cứu:

* **Cơ cấu xã hội là tất cả những cộng đồng người và toàn bộ các quan hệ xã hội do sự tác động lẫn nhau của các cộng đồng ấy tạo nên.**

- Xem xét cơ cấu xã hội phải được đặt trong một không gian thời gian cụ thể. Tức là chỉ rõ cơ cấu xã hội được hình thành khách quan trong lịch sử trên tất cả các dấu hiệu khác nhau: dân tộc, giai cấp, tôn giáo, dân cư, nghề nghiệp.

- Dưới góc độ nghiên cứu khác nhau đề cập tới cơ cấu xã hội ở những phạm vi khác nhau. Chủ nghĩa xã hội nghiên cứu cơ cấu xã hội chủ yếu khai thác ở góc độ chính trị - xã hội.

*** Cơ cấu xã hội - giai cấp là hệ thống các giai cấp, tầng lớp và các mối quan hệ giữa chúng**

Đề cập tới:

- Quan hệ kinh tế (quan hệ về sở hữu tư liệu sản xuất, tổ chức quản lý sản xuất...) đó là quan hệ quyết định nội dung của cơ cấu xã hội - giai cấp.

- Lợi ích và địa vị kinh tế quyết định thái độ chính trị và vai trò các giai cấp trong xã hội.

*** Quan hệ cơ cấu xã hội và cơ cấu xã hội giai cấp.**

Cơ cấu xã hội - giai cấp phản ánh sự phát triển của cơ cấu xã hội.

- Quyết định tính chất và bản chất của các mối quan hệ khác như: chính trị, pháp lý, đạo đức, tôn giáo, thẩm mỹ...

- Cơ cấu xã hội - giai cấp là tiêu chí để phân biệt sự khác nhau về chất giữa các xã hội

- Cơ cấu xã hội - giai cấp chỉ rõ mối quan hệ giữa các giai cấp bao giờ cũng mang tính chất chính trị.

Câu 2: Tính tất yếu của liên minh công nhân với nông dân và trí thức trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội?

Gợi ý nghiên cứu

Tiếp tục phát triển quan điểm về điều kiện thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân của Mác - Ăng-ghe-n, Lênin đã chỉ rõ tính tất yếu phải liên minh công nhân, nông dân và trí thức trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội vì:

*** Xuất phát từ việc củng cố vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân và chính quyền nhà nước phải thực hiện các nguyên tắc:**

- Tập hợp lực lượng: Liên minh này tập hợp được lực lượng cách mạng cơ bản dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân để xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

- Nguyên tắc lãnh đạo: Duy nhất chỉ có giai cấp công nhân lãnh đạo được hệ thống chuyên chính vô sản. Nhưng vai trò đó chỉ được giữ vững và tăng cường khi có liên minh công, nông, trí thức làm nền tảng.

- Xét về lợi ích cơ bản: Mục tiêu của việc xây dựng chủ nghĩa xã hội là vì lợi ích của nhân dân, mà đại đa số nhân dân nằm trong khối liên minh công, nông, trí thức.

*** Xuất phát từ nhân tố quyết định cuối cùng cho sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội là nhân tố kinh tế (đặc biệt ở một nước kinh tế lạc hậu đi lên chủ nghĩa xã hội) phải:**

- Gắn chặt giữa nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ, đồng thời phải áp dụng và phát triển khoa học kỹ thuật trong cơ cấu kinh tế thống nhất (đó là các lĩnh vực hoạt động của công, nông, trí thức).

- Từ một nước tiểu nông đi lên chủ nghĩa xã hội, phải tập trung phát triển nông nghiệp, đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn mới tạo điều kiện để công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Phải thỏa mãn lợi ích kinh tế thiết yếu cho công nhân, nông dân thì mới tiến tới xây dựng lợi ích lâu dài.

- Nông, công nghiệp và các lĩnh vực khác của đời sống xã hội phải gắn với khoa học công nghệ mới phát triển được.

- Từ vai trò của kinh tế là cơ sở quan trọng để chính quyền giải quyết tình trạng: đói nghèo, bệnh tật, giáo dục...

Kết luận: Trong thời kỳ quá độ liên minh giữa công nhân, nông dân và trí thức là tất yếu.

Câu 3: Tính tất yếu của liên minh công, nông, trí thức trong thời kỳ quá độ ở Việt Nam.

Gợi ý nghiên cứu

* **Xuất phát từ quan điểm của xã hội chủ nghĩa Mác - Lênin** về liên minh công nhân, nông dân và trí thức trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

* **Đảng ta và Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin** vào điều kiện cụ thể của Việt Nam khẳng định: "Liên minh giữa công nhân, nông dân và trí thức cùng toàn thể dân tộc ta qua các thời kỳ cách mạng".

*** Thể hiện**

- Trong chính cương Đảng Lao động Việt Nam (2/1951) khẳng định: "Chính quyền của nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa là chính quyền dân chủ nhân dân... lấy liên minh công nhân, nông dân và lao động trí thức làm nền tảng và do gia cấp công nhân lãnh đạo" (Phân tích).

- Trong cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội: Coi trọng việc thực hiện liên minh công nhân, nông dân và trí thức với ý nghĩa là nền tảng của nhà nước của dân, do dân, vì dân.

- Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX: Khẳng định tính tất yếu và coi trọng vai trò của liên minh khi bước vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

"Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân, nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo".

Kết luận: Đó là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam, cũng là sự tổng kết kinh nghiệm thực tiễn từ 1930 cho đến nay của Đảng và Hồ Chí Minh.

Câu 4: Phân tích những đặc điểm của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức Việt Nam trong mối quan hệ liên minh giữa các giai tầng này.

Gợi ý nghiên cứu:

* **Với giai cấp công nhân Việt Nam** (Xem lại chương Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, có mục này).

* **Giai cấp nông dân:** Là những người lao động sản xuất vật chất trong nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp...

- Là lực lượng lao động đông đảo của xã hội.

- Mang đặc trưng của giai cấp nông dân: vừa tích cực (là người lao động) vừa tiêu cực (có tính tư hữu), không có hệ tư tưởng riêng.

- ở Việt nam nông dân có sự phát triển về chất sau cách mạng tháng Tám là người làm chủ xã hội, có đóng góp to lớn cho sự nghiệp cách mạng.

- Hiện nay có vai trò quan trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa. Ngày càng giảm về số lượng.

* **Trí thức:** Là những người lao động trí óc

- Trí thức không có hệ tư tưởng riêng.

- Trí thức Việt Nam được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau.

- Có vị trí vai trò ngày càng quan trọng trong cơ cấu xã hội giai cấp, trong liên minh.

- Ngày càng tăng về số lượng, chất lượng nghiên cứu khoa học.

Câu 5: Nội dung cơ bản của liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Gợi ý nghiên cứu:

* **Nguyên tắc bao trùm:** Kết hợp đúng đắn các lợi ích (về chính trị kinh tế, văn hóa, xã hội của giai cấp công nhân giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức và của toàn xã hội, với tư cách là những chủ thể lợi ích nhất là lợi ích kinh tế)

* **Thực chất:** Phát hiện và giải quyết đúng đắn các mâu thuẫn để tạo ra động lực tổng hợp để xây dựng và bảo vệ tổ quốc

Tập trung giải quyết lợi ích với nông dân

* **Nội dung liên minh**

- Liên minh về chính trị:

+ Mục tiêu chung: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

+ Liên minh không phải là sự dung hòa về lập trường chính trị tư tưởng của các giai cấp tầng lớp, do đặc điểm các giai cấp tầng lớp liên minh phải do giai cấp công nhân lãnh đạo.

+ Giải quyết các vấn đề về nhu cầu, lợi ích chính trị của các giai cấp, tầng lớp phải trên lập trường của giai cấp công nhân.

+ Liên minh phải đảm bảo được: đường lối, chiến lược sách lược đúng.

+ Liên minh công, nông, trí làm nền tảng cho mặt trận tổ quốc, đại đoàn kết toàn dân.

+ Liên minh không tách rời nội dung, phương hướng đổi mới hệ thống chính trị.

- Liên minh về kinh tế:

+ Vị trí: Là nội dung cơ bản để quyết định nhất

+ Nội dung:

→ Xác định đúng khả năng kinh tế của đất nước

→ Thực hiện cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp - dịch vụ.

→ Đa dạng hóa các hình thức hợp tác, liên minh, liên kết.

→ Từng bước hoàn thành quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

→ Thể hiện trong vai trò của nhà nước với nông dân, trí thức.

- Liên minh về văn hóa xã hội.

+ Vị trí: Nhằm thỏa mãn nhu cầu tinh thần cho nhân dân.

+ Nội dung.

→ Các giai cấp tầng lớp là chủ thể sáng tạo, chủ thể trong hưởng thụ các giá trị văn hóa tinh thần.

→ Giải quyết việc làm trong cơ chế mới.

→ Đổi mới thực hiện tốt các chính sách xã hội với nông dân

→ Nâng cao dân trí

→ Có quy hoạch tổng thể để phát triển khoa học công nghệ, phát triển đô thị gắn với phát triển nông thôn.

CHƯƠNG 9

Câu 1: Phân biệt các khái niệm dân tộc. Phân tích về hai xu hướng khác quan của sự phát triển các dân tộc trong thời đại ngày nay.

Gợi ý nghiên cứu.

* Các khái niệm dân tộc.

- Nghĩa thứ nhất, dân tộc chỉ cộng đồng người có mối liên hệ chặt chẽ và bền vững, có sinh hoạt kinh tế chung, có ngôn ngữ riêng và những nét đặc thù xuất hiện sau bộ lạc, bộ tộc; kế thừa phát triển cao hơn những nhân tố tộc người ở bộ lạc, bộ tộc và thể hiện thành ý thức tự giác tộc người của dân cư cộng đồng đó.

Hiểu theo nghĩa này: dân tộc là một bộ phận của quốc gia. Ví dụ: Kinh, Tày ở Việt Nam (bộ môn nghiên cứu theo nghĩa này).

- Nghĩa thứ hai, dân tộc là một cộng đồng người ổn định làm thành nhân dân của một nước, có lãnh thổ quốc gia, nền kinh tế thống nhất, quốc ngữ chung và có ý thức về sự thống nhất của mình gắn bó với nhau bởi quyền lợi chính trị, kinh tế, truyền thống văn hóa và truyền thống đấu tranh chung trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước.

Nghĩa này chỉ rõ dân tộc là toàn bộ nhân dân của cả quốc gia đó: Quốc gia dân tộc.

- Dân tộc có đặc trưng cơ bản.

- + Dân tộc có chung sinh hoạt kinh tế
- + Dân tộc có chung lãnh thổ
- + Có chung ngôn ngữ
- + Có tâm lý riêng.

*** Hai xu hướng khách quan của sự phát triển dân tộc trong thời đại ngày nay.**

- Xu hướng xác lập quốc gia dân tộc độc lập.

- + Xu hướng này nổi bật trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa tư bản .
- + Khi sự trưởng thành về ý thức dân tộc, các cộng đồng dân cư muốn tách khỏi nhau để thành lập quốc gia thống nhất.
- + Xu hướng này phát triển thành phong trào chống áp bức dân tộc.

- Xu hướng thứ hai: Liên hiệp giữa các dân tộc.

- + Xu hướng này nổi bật trong thời kỳ đế quốc chủ nghĩa.
- + Các dân tộc trong từng nước, thậm chí các dân tộc ở nhiều quốc gia muốn liên hiệp với nhau.

*** Biểu hiện hai xu hướng khách quan trong thời đại ngày nay.**

- Xét trong phạm vi quốc gia xã hội chủ nghĩa có nhiều dân tộc.

- + Xu hướng 1: Các dân tộc nỗ lực để đạt đến sự tự chủ về dân tộc.
- + Xu hướng 2: Các dân tộc xích lại gần nhau trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội.

- Xét trên phạm vi thế giới: Sự tác động giữa hai xu hướng rất nổi bật.

- + Một trong những mục tiêu của thời đại là độc lập dân tộc, xu hướng này thể hiện trong phong trào giải phóng dân tộc.

+ Sự tác động của yếu tố thời đại làm xuất hiện các xu hướng các dân tộc xích lại gần nhau.

Thể hiện: Liên minh, liên kết trên cơ sở lợi ích: tay đôi tay ba, khu vực... Liên kết các dân tộc để giải quyết vấn đề toàn cầu.

Câu 2: Phân tích nội dung cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin

Gợi ý nghiên cứu:

Tiếp tục quan điểm của Mác - Ăng ghen, Lênin viết tác phẩm "về quyền dân tộc tự quyết". Người chỉ rõ: "Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, các dân tộc được quyền tự quyết, liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc lại". Cụ thể:

*** Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng:**

- Nêu vị trí của quan điểm: Quyền thiêng liêng của mọi dân tộc
- Nội dung: Các dân tộc có quyền lợi và nghĩa vụ ngang nhau trên tất cả các lĩnh vực (cụ thể).

*** Các dân tộc được quyền tự quyết:**

- Vị trí: Là quyền bất khả xâm phạm của các dân tộc (vì sao? Nêu)
- Thực chất: Là quyền làm chủ của dân tộc, không một dân tộc nào có quyền can thiệp.
- ý nghĩa: Thức tỉnh các dân tộc thuộc địa đứng lên đấu tranh.

*** Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc.**

- Vị trí: Là nội dung cơ bản, xuyên suốt, mang tính nguyên tắc trong cương lĩnh.
- Nội dung: Cơ bản là sự kết hợp chặt chẽ phong trào yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản.
- Là mục tiêu phấn đấu, là biện pháp hữu hiệu để Đảng cộng sản đấu tranh.
- Phê phán: Tư tưởng nước lớn, tư tưởng Sô Vanh...

Câu 3: Phân tích đặc điểm cơ bản của dân tộc Việt Nam.

Gợi ý nghiên cứu

*** Nêu khái quát về dân tộc Việt Nam (số lượng, tỷ lệ...)**

*** Đặc điểm nổi bật.**

- Những yếu tố liên kết tạo nên tính cộng đồng chung. Cộng đồng các dân tộc, quốc gia đạt đến độ bền vững.

+ Có ý thức sâu sắc về cộng đồng.

+ Có truyền thống đoàn kết (về khách quan, dân tộc Kinh (Việt) là lực lượng trung tâm.

- Hình thành nên chủ nghĩa yêu nước truyền thống.

- Các dân tộc nhìn chung sống xen kẽ là chủ yếu, không có dân tộc nào phát triển riêng rẽ (theo nghĩa tuyệt đối).

- Do điều kiện lịch sử và nhân tố chủ quan (đề quốc chia rẽ và thiếu sót của Đảng và Nhà nước), nên các dân tộc, có sự chênh lệch khá lớn về trình độ kinh tế, văn hóa, xã hội.

- Các dân tộc đều thừa nhận ngôn ngữ chung là tiếng Việt, có dân tộc có chữ viết riêng.

- Các dân tộc có ít người thường cư trú trên địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng cả về phát triển kinh tế an ninh quốc phòng.

Kết luận: Từ đặc điểm đó mà các dân tộc ở Việt Nam có xu hướng hợp tác gắn bó lẫn nhau trong một tổ quốc thống nhất để cùng phát triển.

Câu 4: Phân tích chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.

Gợi ý nghiên cứu:

*** Căn cứ vào lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc.**

*** Căn cứ vào lý luận và thực tiễn giải quyết vấn đề dân tộc ở Việt nam.**

- Cương lĩnh 10/1930 xác định vấn đề dân tộc là một bộ phận của cách mạng Việt Nam.

- Vào chính sách dân tộc qua các giai đoạn cách mạng 1930 - 1945, 1946 - 1954, 1954 - 1975, Nghị quyết đại hội IV, V, VI, VII.

- Căn cứ vào tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc.

- Căn cứ vào thực tiễn: giải quyết vấn đề dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

+ Thành tựu

+ Hạn chế.

*** Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.**

- Đại hội IX: Vấn đề dân tộc và đoàn kết của dân tộc luôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp Cách mạng.

- Cụ thể:

+ Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển kinh tế hàng hóa, chăm lo phát triển đời sống văn hóa, tinh thần cho đồng bào dân tộc.

+ Tôn trọng lợi ích, truyền thống văn hóa, ngôn ngữ, tập quán tín ngưỡng của các dân tộc, chống tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, kỳ thị và chia rẽ dân tộc.

- + Tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết và đấu tranh kiên cường của các dân tộc vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh.
- + Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dân tộc ít người.
- + Thực hiện đảm bảo về mặt pháp luật quyền bình đẳng giữa các dân tộc về ngôn ngữ...

CHƯƠNG 10

Câu 1: Phân tích nguồn gốc, bản chất và những tính chất cơ bản của tôn giáo.

Gợi ý nghiên cứu:

*** Bản chất của tôn giáo**

- Nêu luận điểm của Mác và Ăng-ghe-n.

+ Ăng-ghe-n: "Tất cả mọi tôn giáo chỉ là sự phản ánh hư ảo vào trong đầu óc của con người, của những lực lượng ở bên ngoài chi phối cuộc sống hàng ngày của họ, chỉ là sự phản ánh trong đó những lực lượng ở trần thế đã mang hình thức những lực lượng siêu trần thế"

+ Các Mác: "Sự nghèo nàn của tôn giáo vừa là sự biểu hiện nghèo nàn của hiện thực, vừa là sự phản kháng chống sự nghèo nàn hiện thực ấy. Tôn giáo là tiếng thở dài của chúng sinh bị áp bức, là trái tim của thế giới không có trái tim. Cũng giống như nó là tinh thần của những trật tự không có tinh thần. Tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân"...Phê phán thượng giới phải phê phán cõi trần, phê phán tôn giáo phải biến thành phê phán pháp quyền"

- Có thể thấy:

+ Tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội phản ánh xuyên tạc, hoang đường hiện thực khách quan. Tôn giáo đối lập với thế giới quan duy vật, đối lập với khoa học.

+ Tôn giáo là một hiện tượng xã hội tiêu cực.

+ Tuy nhiên tôn giáo cũng còn chứa đựng một số nhân tố phù hợp.

*** Nguồn gốc của tôn giáo**

- Nguồn gốc kinh tế - xã hội

+ Khi trình độ của lực lượng sản xuất thấp kém, điều kiện sinh hoạt vật chất thấp kém, con người cảm thấy yếu đuối và bất lực trước tự nhiên → họ cầu xin tự nhiên che chở, thần thánh hóa sức mạnh của tự nhiên, tôn giáo ra đời.

+ Sự bần cùng trước những bất công xã hội, áp bức giai cấp, những hiện tượng xã hội tự phát họ thất vọng cũng là nguồn gốc sâu xa của tôn giáo.

- Nguồn gốc nhận thức

+ Trong từng giai đoạn lịch sử thì nhận thức của con người cũng có hạn. Con người luôn mong ước đạt đến chân lý tuyệt đối nhưng chỉ gần đạt đến. Khoảng cách giữa tuyệt đối và tương đối trong nhận thức được giải thích bằng tôn giáo. "Khoa học bất lực thì tôn giáo lên tiếng".

+ Xuất phát từ đặc điểm nhận thức của con người (hay do sự phát triển thiên lệch trong tính năng động của ý thức làm nảy sinh tôn giáo).

- Nguồn gốc tâm lý của tôn giáo:

Khi con người còn nhu cầu về vật chất và tinh thần thì còn có điều kiện nảy sinh tôn giáo.

+ Sự sợ hãi cũng làm nảy sinh tôn giáo

+ Tâm lý tích cực cũng làm xuất hiện tôn giáo: Lòng biết ơn, kính trọng...

+ Tín ngưỡng, tôn giáo đáp ứng được nhu cầu tinh thần của 1 bộ phận nhân dân: khi họ sa cơ, lỡ vận, trống vắng trong tâm hồn...

*** Tính chất của tôn giáo:**

- Tôn giáo mang tính lịch sử:

Tôn giáo có quá trình phát sinh, phát triển lâu dài. Nó chỉ mất đi khi nguồn gốc tạo ra nó không còn nữa. Tôn giáo không phải là hiện tượng vĩnh viễn.

- Tôn giáo mang tính chất quần chúng

Đại bộ phận tín đồ tôn giáo là quần chúng nhân dân

Tôn giáo phản ánh khát vọng của quần chúng nhân dân muốn vươn tới: tự do - bình đẳng - bác ái.

Tôn giáo thật sự trở thành nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân.

- Tính chính trị của tôn giáo:

Khi mới ra đời tôn giáo đơn thuần mang tính tư tưởng. Khi xã hội có phân chia giai cấp, nó không đơn thuần mang tính tư tưởng: Thường bị giai cấp thống trị lợi dụng như 1 công cụ để thống trị nhân dân. Nó phản ánh sự biến đổi của cơ cấu xã hội – giai cấp.

Câu 2: Nguyên nhân nào dẫn đến tôn giáo còn tồn tại trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Gợi ý nghiên cứu:

*** Nguyên nhân nhận thức:**

Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội trình độ nhận thức của nhân dân chưa cao, nhiều hiện tượng tự nhiên và xã hội khoa học chưa giải thích được. Những người vốn có tín ngưỡng tôn giáo bèn cầu xin sự che chở của lực lượng siêu nhiên.

- Nguyên nhân tâm lý:

Tôn giáo tồn tại lâu đời trong lịch sử, ăn sâu vào tiềm thức của nhiều người dân. Hơn nữa nó lại là hình thái ý thức xã hội bảo thủ nhất, tồn tại dai dẳng nhất.

- Nguyên nhân văn hóa:

Đa số các tôn giáo gắn với sinh hoạt văn hóa của nhân dân, do đó việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc phải đi liền với bảo tồn các giá trị văn hóa ở mức độ nhất định.

- Nguyên nhân chính trị xã hội.

Trong giáo lý và nguyên tắc tôn giáo có nhiều điểm phù hợp với xã hội mới, do đó nó còn được khuyến khích phát huy mặt tích cực. Kẻ thù của chủ nghĩa xã hội lợi dụng.

- Nguyên nhân kinh tế

Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội vẫn còn sở hữu riêng lại thực hiện nền kinh tế hàng hóa theo cơ chế thị trường nên người, thành công và thất bại trong kinh doanh đều đến với tôn giáo.

Kết luận: Tôn giáo còn tồn tại trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Câu 3: Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề tôn giáo.

Gợi ý nghiên cứu:

*** Khắc phục dần những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo trong đời sống xã hội, gắn liền với cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới.**

- Tránh hai khuynh hướng quá tả, hữu trong giải quyết vấn đề tôn giáo.

- Khắc phục dần những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo, cái gì còn phù hợp phải tận dụng.

- Căn cứ vào điều kiện hoàn cảnh lịch sử cụ thể để cải tạo.

*** Tôn trọng về đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng và tự do không tín ngưỡng của nhân dân.**

- Có hệ thống chính sách, luật pháp cụ thể.

- Thực hiện mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật.

*** Thực hiện đoàn kết những người theo hoặc không theo một tôn giáo nào, đoàn kết toàn dân để xây dựng và bảo vệ tổ quốc.**

- Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

- Cấm hành vi chia rẽ đoàn kết vì lý do tôn giáo.

- Tạo nên phong trào cách mạng chung.

*** Phân biệt rõ hai mặt chính trị và tư tưởng của tôn giáo.**

- Mặt tư tưởng: Phản ánh mâu thuẫn không có tính chất đối kháng giữa người có tôn giáo và người không có tôn giáo.

- Mặt chính trị: Phản ánh mâu thuẫn kinh tế, chính trị giữa các giai cấp và các thế lực phản động, có ba trạng thái: Tiêu cực, phạm pháp và phản động về chính trị.

*** Phải có quan điểm lịch sử khi giải quyết vấn đề tôn giáo.**

Tùy thuộc vào:

- Vai trò tác động của tôn giáo đối với xã hội.

- Tùy vào quan điểm của tôn giáo.

- Giải quyết phải phù hợp với điều kiện lịch sử, cụ thể.

Câu 4: Khái quát tình hình tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

Gợi ý nghiên cứu:

*** Các tôn giáo lớn ở Việt Nam (theo số liệu của Ban tôn giáo chính phủ)**

- Phật giáo: Là tôn giáo thế giới xuất hiện ở Ấn Độ vào thế kỷ VI trước công nguyên, vào Việt Nam đầu công nguyên.

Số lượng tín đồ	: 7.620.083
Chức sắc nhà tu	: 21.068
Nơi thờ tự	: 14.017 có học viện Phật học...

- Thiên chúa giáo: Là tôn giáo thế giới xuất hiện đầu công nguyên vào Việt Nam được 4 thế kỷ.

Số lượng tín đồ	: 5.028.480
Số giám mục:	: 33
Linh mục	: 2.100
Tu sĩ	: 10.795

Có Đại chủng viện đào tạo linh mục.

- Tin lành: xuất hiện thế kỷ XVI ở Châu Âu, vào Việt Nam 1911 do Hội Tin lành Mỹ truyền vào, tập trung chủ yếu ở phía Nam và Tây Nguyên

Số lượng	: 412.344
Mục sư	: 611

- Hồi giáo: Tôn giáo thế giới ra đời thế kỷ thứ VII vào Việt Nam thế kỷ XI.

Số lượng	: 93.294
----------	----------

Gợi ý trả lời câu hỏi ôn tập

Chức sắc : 544

Nơi thờ tự : 81

- Cao Đài: Tôn giáo nội sinh, ra đời ở Nam Bộ và 1926

Số lượng : 1.147.527

Chức sắc : 15.848

Nơi thờ tự : 196

- Ngoài ra còn có 50 tôn giáo chưa được Nhà nước công nhận.

*** Tình hình tôn giáo:**

- Đồng bào các tôn giáo đã góp phần xứng đáng vào sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

- Trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội nhiều chức sắc và tín đồ tôn giáo làm tốt "việc đạo, việc đời" chấp hành tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Tôn giáo có xu hướng phục hồi và gia tăng về tín đồ tôn giáo

- Nhiều yếu tố tín ngưỡng dân gian truyền thống được phục hồi, phát triển, tác động lớn đến đời sống tinh thần của xã hội.

- Do nhiều nguyên nhân một bộ phận đồng bào có tín ngưỡng, tôn giáo còn băn khoăn cả phần đời, phần đạo.

- Bên cạnh những tôn giáo kể trên những năm qua đã xuất hiện nhiều tôn giáo bất hợp pháp, nhiều hoạt động mê tín dị đoan mới xuất hiện.

Câu 5: Những quan điểm và chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.

Gợi ý nghiên cứu

*** Quan điểm chỉ đạo.**

- Phải có nhận thức toàn diện về vấn đề tôn giáo theo tinh thần đổi mới.

- Ba quan điểm chỉ đạo.

+ Công tác tôn giáo vừa phải quan tâm giải quyết hợp lý nhu cầu tín ngưỡng của quần chúng, vừa kịp thời đấu tranh chống địch lợi dụng tôn giáo để phá hoại cách mạng.

+ Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là vận động quần chúng sống "tốt đời đẹp đạo" góp phần xây dựng và bảo vệ tổ quốc theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

+ Làm tốt công tác tôn giáo là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị do Đảng lãnh đạo.

*** Nội dung cụ thể.**

- Tiếp tục khẳng định tín ngưỡng tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân.

- Thực hiện quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của công dân trên cơ sở pháp luật.
- Thực hiện vận động đồng bào các tôn giáo tăng cường đoàn kết toàn dân nhằm xây dựng cuộc sống " tốt đời, đẹp đạo".
- Hướng các chức sắc tôn giáo hoạt động theo đúng pháp luật ủng hộ xu hướng tiến bộ.

CHƯƠNG 11

Câu 1: Phân tích định nghĩa, các đặc trưng và quan hệ cơ bản của gia đình.

Gợi ý nghiên cứu

*** Phân tích định nghĩa**

- Nêu định nghĩa: Gia đình là một hình thức tổ chức đời sống cộng đồng mà con người, một thiết chế văn hóa - xã hội đặc thù được hình thành, tồn tại và phát triển trên cơ sở của quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống, quan hệ nuôi dưỡng và giáo dục... giữa các thành viên.

- Phân tích: Hình thức cộng đồng tổ chức đời sống xã hội của gia đình.

+ Xuất hiện những cơ chế tổ chức ràng buộc lẫn nhau phù hợp và thích ứng với những điều kiện sản xuất, sinh hoạt của mỗi nền sản xuất.

+ Gia đình trở thành một thiết chế xã hội " Một xã hội thu nhỏ".

*** Đặc trưng và các mối quan hệ cơ bản của gia đình.**

- Hôn nhân và quan hệ hôn nhân là quan hệ cơ bản cấu sự hình thành tồn tại và phát triển của gia đình.

+ Là một hình thức quan hệ tính giao giữa nam và nữ.

+ Hình thức hôn nhân có sự thay đổi trong lịch sử.

+ Có thể và cần phải được xã hội chấp nhận.

+ Có mục đích: thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, tái sản xuất ra con người...

- Huyết thống và quan hệ huyết thống là quan hệ cơ bản nhất.

+ Có sự thay đổi dưới tác động của điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội

- Quan hệ quần tụ trong cùng một không gian sinh tồn.

+ Gia đình luôn quần tụ trong một không gian sinh tồn.

+ Không gian sinh tồn mở rộng nhưng những thành viên trong gia đình vẫn có nhu cầu quần tụ và chịu sự tác động của các yếu tố kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật.

- Quan hệ nuôi dưỡng các thành viên và thế hệ thành viên trong gia đình.

+ Là nghĩa vụ, trách nhiệm và nhu cầu quyền lợi của các thành viên trong gia đình.

+ Nuôi dưỡng gia đình có những đặc thù mà xã hội không thể thay thế được.

Câu 2: Phân tích mối quan hệ giữa gia đình và xã hội. Làm rõ chức năng cơ bản của gia đình.

Gợi ý nghiên cứu:

*** Quan hệ giữa gia đình và xã hội.**

Sự phát triển của xã hội quy định hình thái, quy mô, kết cấu của gia đình, thể hiện:

- Gia đình là tế bào của xã hội. (là tế bào, thiết chế cơ sở đầu tiên để tạo nên xã hội).
- Trình độ phát triển kinh tế - xã hội quyết định quy mô, kết cấu, hình thức tổ chức và kết cấu của gia đình.
- Gia đình là thiết chế cơ sở, đặc thù của xã hội, là cầu nối giữa các thành viên gia đình với xã hội.
- Gia đình là tổ ấm, mang lại các giá trị hạnh phúc, sự hài hòa trong đời sống cá nhân của mỗi thành viên, mỗi công dân của xã hội.

*** Chức năng cơ bản của gia đình (4 chức năng).**

- Chức năng tái sản xuất ra con người.
 - + Là chức năng cơ bản và riêng có của gia đình
 - + Xuất phát từ nhu cầu tâm sinh lý của con người, xã hội phải quan tâm.
- Chức năng kinh tế và tổ chức đời sống gia đình: Hoạt động kinh tế hiệu theo nghĩa đầy đủ: Gồm sản xuất kinh doanh hoạt động tiêu dùng, thỏa mãn nhu cầu ăn mặc ở đi lại của các thành viên.
- Chức năng giáo dục của gia đình.
 - + Nội dung giáo dục toàn diện, có lợi thế.
 - + Hỗ trợ bổ xung cho giáo dục của Nhà trường và xã hội.
- Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý của các thành viên trong gia đình.

Câu 3: Những điều kiện, tiền đề của xây dựng gia đình trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Gợi ý nghiên cứu.

*** Những điều kiện.**

- Điều kiện tiền đề kinh tế - xã hội.
 - + Xác lập quan hệ sản xuất công hữu và tư liệu sản xuất
 - + Trong thời kỳ quá độ: cơ sở vật chất kỹ thuật phát triển.

- Điều kiện và tiền đề về văn hóa - chính trị.
 - + Hệ thống pháp luật, chính sách và gia đình, luật hôn nhân gia đình.
 - + Giá trị văn hóa truyền thống được phát huy.
 - + Giáo dục , đào tạo khoa học công nghệ được coi là chính sách hàng đầu tạo điều kiện để mỗi cá nhân và gia đình phát huy khả năng của mình.
 - + Nhà nước xây dựng các hệ thống chính sách y tế, bảo hiểm xã hội

Câu 4: Phân tích những vấn đề cơ bản của xây dựng gia đình mới ở Việt Nam hiện nay.

Gợi ý nghiên cứu.

*** Phải trên cơ sở kế thừa, giữ gìn và phát huy các giá trị tốt đẹp của gia đình truyền thống Việt Nam.**

- Truyền thống có kết gia đình, nghĩa xóm tình làng, kính trên, nhường dưới, phụ nữ thủy chung, hết lòng vì chồng con.

- Loại bỏ những nhân tố không hợp lý của gia đình truyền thống
- Đông con, cục bộ dòng họ, bất bình đẳng...

*** Xây dựng cơ sở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, đảm bảo tự do kết hôn và ly hôn.**

- Tình yêu chân chính là cơ sở chủ yếu
- Được đảm bảo thừa nhận của Pháp luật và hôn nhân, ly hôn và kết hôn

*** Xây dựng trên cơ sở quan hệ bình đẳng, thương yêu, có trách nhiệm cùng chia sẻ, gánh vác công việc của các thành viên để thực hiện chức năng cơ bản của gia đình.**

- Quan hệ bình đẳng vợ chồng, quan hệ cha mẹ - con cái - các con
- Kết hợp với nhiều biện pháp của xã hội

*** Xây dựng gia đình Việt Nam gắn với quá trình hình thành, xác lập, củng cố từng bước các quan hệ gắn bó với cộng đồng với các thiết chế, tổ chức ngoài gia đình.**

- Xây dựng quan hệ gắn bó đùm bọc các gia đình
- Cùng nhau thực hiện chủ trương, chính sách mới

Câu 5: Một số nội dung chủ yếu để xây dựng gia đình Việt Nam hiện nay

Gợi ý nghiên cứu

*** Trên cơ sở định hướng cơ bản trong xây dựng gia đình mỗi địa phương cần xây dựng tiêu chí cụ thể phù hợp với điều kiện lịch sử, phù hợp với từng hình thức gia đình hiện có.**

- Địa phương khác nhau, tiêu chí khác nhau

- Hình thức gia đình hiện có là cơ sở của tiêu chí
- Sau mỗi phong trào có tổng kết rút kinh nghiệm

*** Tập trung vào nội dung cơ bản: Là xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc.**

- No ấm được hiểu là thỏa mãn những nhu cầu vật chất và tinh thần phù hợp với khả năng lao động của từng gia đình

- Xây dựng quan hệ bình đẳng nam - nữ, cha mẹ và con cái
- Là tổng thể trong đời sống văn hóa tinh thần của mỗi gia đình

*** Chiến lược kinh tế - xã hội phải gắn với việc xây dựng gia đình mới**

- Rà soát lại chiến lược phát triển kinh tế gắn với nhu cầu phát triển xã hội
- Sửa đổi, đưa ra chính sách xã hội có liên quan đến gia đình

*** Quan tâm đến chính sách giải phóng phụ nữ**

*** Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học nhằm giải quyết những vấn đề nảy sinh cấp bách liên quan đến gia đình**

- Nghiên cứu giá trị của gia đình truyền thống
- Nghiên cứu gia đình hiện đại
- Thực hiện ứng dụng và có biện pháp đảm bảo vững chắc các chuẩn mực gia đình mới hiện đại.

CHƯƠNG 12

Câu 1: Nêu quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và con người

Gợi ý nghiên cứu

Trên cơ sở triết học Mác - Lênin, dựa vào thành tựu của các khoa học, những công trình lý luận gần đây có thể khẳng định về quan niệm về con người như sau:

*** Con người là một thực thể xã hội, mang bản chất xã hội đồng thời là một thực thể tự nhiên có cấu trúc sinh học**

- Do đó con người có nhu cầu vật chất, lợi ích vật chất, nhu cầu tinh thần, lợi ích tinh thần

- Rõ ràng vấn đề giải phóng con người phải được đặt ra ở 2 phương diện

- + Con người phải được sống trong môi trường xã hội tốt đẹp
- + Đồng thời phải được đáp ứng nhu cầu ngày càng cao

*** Mặt tự nhiên và mặt xã hội trong con người có sự thống nhất biện chứng**

- Nhờ sự tác động của mặt xã hội, mặt tự nhiên trong con người nâng lên trên trình độ con vật.

- Sự tác động qua lại trên đây biểu hiện trong bản chất sâu xa và và bộc lộ thường xuyên trong hành vi sống của con người

- Bản chất con người là tổng hòa các quan hệ xã hội.

Câu 2: Những đặc trưng của con người xã hội chủ nghĩa.

Gợi ý nghiên cứu

*** Con người có đủ điều kiện thuận lợi để tìm cho mình con đường đạt tới sự phát triển không ngừng và hoàn thiện.**

(Vì từ thành quả của cách mạng xã hội chủ nghĩa mang lại)

- Con người xã hội chủ nghĩa là con người lao động mới có tri thức sâu sắc về công việc mình làm, có sức khỏe và lao động giỏi biết cống hiến cho xã hội bằng khả năng cao nhất của mình, biết tự đánh giá chất lượng lao động của mình.

*** Là con người có văn hóa và nghĩa tình. Đời sống cá nhân phong phú. Có tri thức ngày càng đầy đủ về địa vị cá nhân, về tự do, kỷ luật, trách nhiệm công dân.**

*** Là con người giàu lòng yêu nước, yêu sự nghiệp cách mạng do chính mình tham gia, có tình yêu giai cấp, đồng loại và tình thân quốc tế chân chính.**

Kết luận: Những đặc trưng trên tạo thành bản chất của con người mới xã hội chủ nghĩa, được hình thành, hoàn thiện từng bước trong quá trình con người tham gia vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Câu 3: Phân tích quan niệm về nguồn lực con người. Thực trạng về phát huy nguồn lực con người Việt Nam hiện nay.

Gợi ý nghiên cứu

*** Quan niệm về nguồn lực con người**

Nguồn lực con người là tổng thể những yếu tố thuộc về thể chất và tinh thần, đạo đức, phẩm chất, trình độ tri thức vị thế xã hội... tạo thành năng lực của con người và của cộng đồng người. Năng lực đó khi được sử dụng, phát huy sẽ góp phần thúc đẩy sự phát triển của xã hội.

*** Phân tích**

- Nguồn lực con người là một khái niệm rộng gồm nhiều nhân tố tiêu chí cả về vật chất và tinh thần của con người trong quan hệ giữa cá nhân - tập thể và xã hội.

- Nguồn lực con người gồm cả yếu tố phẩm chất và năng lực của con người.

- Gồm cả hoạt động vật chất lẫn hoạt động tinh thần của con người

- Chỉ rõ con người vừa là sản phẩm của sự phát triển tự nhiên xã hội mà còn là chủ thể tích cực của quá trình đó.

* Thực trạng về việc phát huy nguồn lực con người Việt Nam hiện nay

- Thành tựu

+ Đảng ta đã xác định một loạt quan điểm mang tính hệ thống trong việc phát huy nhân tố con người.

→ Thống nhất mục tiêu tăng trưởng kinh tế với các mục tiêu xã hội ngay từ đầu, trong từng bước và trong suốt quá trình phát triển

→ Lấy việc phát huy nguồn lực con người - yếu tố cơ bản cho việc phát triển nhanh và bền vững

→ Coi con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của việc phát triển kinh tế xã hội.

→ Nhất quán mục tiêu " Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

+ Đường lối đó đem lại nhiều thành tựu quan trọng cho việc phát triển đất nước.

→ Trên lĩnh vực kinh tế.

→ Chính sách xã hội gắn bó với chiến lược xây dựng và phát triển kinh tế (giải quyết được 5 vấn đề vừa cấp bách vừa cơ bản: Xóa đói, giảm nghèo, tạo việc làm, hòa nhập xã hội, đảm bảo công bằng xã hội, thực hiện công bằng xã hội)

+ Khuyết điểm:

→ Hạn chế ở lĩnh vực kinh tế: (Kinh tế phát triển chưa vững chắc)

→ Nhiệm vụ giáo dục chưa được quan trọng

→ Xây dựng cơ cấu xã hội mới còn nhiều bất cập.

→ Thực hiện dân chủ trong quản lý nhà nước còn nhiều hạn chế.

Câu 4: Phương hướng và giải pháp cơ bản nhằm phát huy nguồn lực con người ở nước ta hiện nay.

Gợi ý nghiên cứu.

* **Tiếp thu có chọn lọc các phương án giải quyết quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và thực hiện công bằng xã hội.**

* **Phương hướng chung:** Tăng trưởng kinh tế gắn liền với phát triển kinh tế - xã hội và phát triển nguồn lực con người.

- Quán triệt quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin về vai trò quần chúng nhân dân.

- Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh: "Nếu nước độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng chẳng có ý nghĩa gì"

- Nghị quyết Đại hội VIII, XI của Đảng đặt con người vào vị trí trọng tâm

- Cụ thể:

+ Kết hợp chính sách cơ cấu kinh tế với hoạch định chính sách xã hội để giải quyết những vấn đề nảy sinh trong sự biến động cơ cấu xã hội – giai cấp.

+ Kết hợp chặt chẽ trong việc thực hiện 2 mục tiêu: Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội với xây dựng đội ngũ lao động đáp ứng nhiệm vụ.

+ Kết hợp đầu tư những nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa với yêu cầu phát triển nông thôn, đặc biệt vùng sâu, vùng xa.

+ Tranh thủ tối đa nguồn nội lực và ngoại lực.

+ Kết hợp thực hiện cơ chế quản lý kinh tế với các chính sách khác điều tiết thu nhập.

*** Những giải pháp**

- Trên lĩnh vực kinh tế

- Trên lĩnh vực chính trị

- Trên lĩnh vực xã hội

- Trên lĩnh vực giáo dục

- Trên lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật

CHƯƠNG 13

Câu 1: Phân tích tính tất yếu của Cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng văn hóa.

Gợi ý nghiên cứu

*** Từ cuộc đấu tranh gia cấp trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa trong thời đại ngày nay.**

- Dưới chủ nghĩa tư bản gia cấp công nhân, nhân dân lao động bị nô dịch về văn hóa.

- Cách mạng xã hội chủ nghĩa giải phóng họ khỏi những áp bức trong đó có lĩnh vực tinh thần.

- Trong thời kỳ quá độ phải đấu tranh chống: Tư tưởng tư sản, phong kiến tập tục, thói quen lạc hậu.

*** Xuất phát từ đòi hỏi phải thay đổi phương thức sản xuất tinh thần**

- Cách mạng xã hội chủ nghĩa đã thay đổi quan hệ sản xuất cũ bằng quan hệ sản xuất mới tiến bộ hơn (thay đổi đời sống vật chất). Tất yếu dẫn đến thay đổi đời sống tinh thần.

- Tư tưởng văn hóa là một trong những tiền đề đưa tới sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội.

*** Xuất phát từ yêu cầu văn hóa vừa là mục tiêu vừa là động lực của quá trình xây dựng CNXH.**

- Xây dựng chủ nghĩa xã hội phải có lực lượng: Động lực cách mạng là công, nông, trí thức.
- Cách mạng xã hội chủ nghĩa nhằm giải phóng triệt để người lao động
- Con người là trung tâm của các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội phải tập trung vào con người ở mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Câu 2: Nêu và phân tích nội dung cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa ở Việt Nam.

Gợi ý nghiên cứu

*** Giáo dục hệ tư tưởng của gia cấp công nhân**

- Công tác tư tưởng là hoạt động có tính mục đích của Đảng Cộng sản nhằm hình thành, phát triển hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa, làm cho nó trở thành hệ tư tưởng chủ đạo trong xã hội.

- Nội dung: "Làm cho thế giới quan Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần của xã hội".

- Phương hướng biện pháp

*** Nâng cao trình độ dân trí, đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục, phát triển khoa học, kỹ thuật, công nghệ.**

- Giáo dục đào tạo:

- + Nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục
- + Phát triển quy mô giáo dục
- + Thực hiện công bằng trong giáo dục

- Với hoạt động khoa học công nghệ.

- + Giải đáp kịp thời những vấn đề về lý luận và thực tiễn
- + Cung cấp luận cứ khoa học cho chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước
- + Nâng cao trình độ công nghệ
- + Có chính sách sử dụng, đào tạo, bố trí, đãi ngộ các nhà khoa học

*** Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc**

- Bản sắc văn hóa dân tộc: Phát huy các giá trị bền vững, những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

- Tiên tiến: Yêu nước và tiến bộ...

*** Xây dựng con người phát triển toàn diện**

- Xây dựng con người có mẫu nhân cách mới...

- Thể hiện các tiêu chí cụ thể

*** Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng với cách mạng tư tưởng văn hóa**

- Nội dung: Tăng cường hệ tư tưởng của gia cấp công nhân

Đảng lãnh đạo văn hóa bằng phương pháp văn hóa

Tăng cường đào tạo cán bộ, chuyên gia văn hóa

- Yêu cầu:

+ Trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa: Đảm bảo thế giới quan của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng HCM giữ vai trò là nền tảng tư tưởng xã hội

+ Đẩy mạnh công tác tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận...

+ Nâng cao hiệu quả và chất lượng công tác tuyên truyền

+ Ban hành các văn bản về bảo vệ Đảng

+ Nâng cao hiệu quả và chất lượng công tác tuyên truyền

+ Trên lĩnh vực văn hóa, văn nghệ

→ Thấy được vai trò của văn hóa, văn nghệ

→ Chăm lo nâng cao nhận thức, hiểu biết về lý tưởng cách mạng cho văn nghệ sĩ.

→ Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng với văn hóa, văn nghệ.



TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học, Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. NXB Chính trị Quốc gia 2002.
2. Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học, Bộ giáo dục. NXB Chính trị quốc gia 2003.
3. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng VI, VII, VIII, X.
4. Hồ Chí Minh toàn tập. NXB Quốc gia 2000.



HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
Km10 Đường Nguyễn Trãi, Hà Nội
Tel: (04) 5554... Fax: (04) 5554...
Website: <http://www.e-ptit.edu.vn> E-mail: info@e-ptit.edu.vn

MỤC LỤC

GIỚI THIỆU MÔN HỌC.....	1
I. GIỚI THIỆU CHUNG	1
II. MỤC ĐÍCH MÔN HỌC.....	1
III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN HỌC THEO HÌNH THỨC GIÁO DỤC TỪ XA.....	1
CHƯƠNG 1: LƯỢC KHẢO TƯ TƯỞNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA.....	4
GIỚI THIỆU CHUNG	4
MỤC ĐÍCH YÊU CẦU CẦN NẮM VỮNG	4
NỘI DUNG	4
1.1. KHÁI NIỆM VÀ PHÂN LOẠI TƯ TƯỞNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA.....	4
1.2. LƯỢC KHẢO TƯ TƯỞNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRƯỚC MÁC.....	6
1.3. SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC	10
1.4. KẾT LUẬN.....	13
CÂU HỎI ÔN TẬP	14
CHƯƠNG 2: VỊ TRÍ, ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP VÀ CHỨC NĂNG CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC	15
GIỚI THIỆU CHUNG	15
MỤC ĐÍCH YÊU CẦU CẦN NẮM VỮNG.....	15
NỘI DUNG	15
2.1. VỊ TRÍ CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC.....	15
2.2. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU VÀ PHẠM VI KHẢO SÁT, ỨNG DỤNG CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC	17
2.3. PHƯƠNG PHÁP CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC	18
2.4. CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC VÀ Ý NGHĨA VIỆC NGHIÊN CỨU CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC.....	19
2.5. KẾT LUẬN.....	20
CÂU HỎI ÔN TẬP	21
CHƯƠNG 3: XÃ HỘI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA.....	22
GIỚI THIỆU CHUNG	22
MỤC ĐÍCH YÊU CẦU CẦN NẮM VỮNG	22
NỘI DUNG	22
3.1. HÌNH THÁI KINH TẾ XÃ HỘI CỘNG SẢN CHỦ NGHĨA	22
3.2. NHỮNG ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA XÃ HỘI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA.....	26
3.3. THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM.....	28

3.4. KẾT LUẬN.....	29
CÂU HỎI ÔN TẬP	30
CHƯƠNG 4: SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN	31
GIỚI THIỆU CHUNG	31
MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CẦN NẮM.....	31
NỘI DUNG	31
4.1. KHÁI NIỆM GIAI CẤP CÔNG NHÂN.....	31
4.2. NỘI DUNG VÀ ĐIỀU KIỆN KHÁCH QUAN QUY ĐỊNH SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN.....	33
4.3. NHỮNG NHÂN TỐ CHỦ QUAN, ĐẶC BIỆT LÀ VAI TRÒ CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN	35
4.4. SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM	37
4.5. KẾT LUẬN.....	39
CHƯƠNG 5: CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	40
GIỚI THIỆU CHUNG	40
MỤC ĐÍCH YÊU CẦU CẦN NẮM VỮNG	40
NỘI DUNG	40
5.1. CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA - QUY LUẬT PHỔ BIẾN CỦA QUÁ TRÌNH CHUYỂN BIẾN TỪ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI.....	40
5.2. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ ĐỘNG LỰC CỦA CUỘC CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	43
5.3. LÝ LUẬN CÁCH MẠNG KHÔNG NGỪNG CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VÀ SỰ VẬN DỤNG Ở VIỆT NAM.....	45
5.4. KẾT LUẬN.....	48
CÂU HỎI ÔN TẬP	48
CHƯƠNG 6: THỜI ĐẠI NGÀY NAY	49
GIỚI THIỆU CHUNG	49
MỤC ĐÍCH YÊU CẦU CẦN NẮM VỮNG.....	49
NỘI DUNG	49
6.1. KHÁI NIỆM VỀ THỜI ĐẠI VÀ THỜI ĐẠI NGÀY NAY	49
6.2. TÍNH CHẤT VÀ NHỮNG Mâu THUẦN CƠ BẢN CỦA THỜI ĐẠI NGÀY NAY.....	52
6.3. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN VÀ XU THẾ VẬN ĐỘNG CỦA THỜI ĐẠI NGÀY NAY ..	54
6.4. KẾT LUẬN.....	56
CÂU HỎI ÔN TẬP	56
CHƯƠNG 7: NỀN DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA ...	58
GIỚI THIỆU CHUNG	58
MỤC ĐÍCH YÊU CẦU CẦN NẮM VỮNG.....	58
NỘI DUNG	58
7.1. NỀN DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	58
7.2. NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	60

Mục lục

7.3. CẢI CÁCH NHÀ NƯỚC TRONG QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	62
7.4. KẾT LUẬN.....	63
CÂU HỎI ÔN TẬP	64
CHƯƠNG 8: LIÊN MINH GIỮA CÔNG NHÂN VỚI NÔNG DÂN VÀ TRÍ THỨC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI.....	65
GIỚI THIỆU CHUNG	65
MỤC ĐÍCH YÊU CẦU CẦN NẮM VỮNG.....	65
NỘI DUNG	65
8.1. CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI..	65
8.2. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LIÊN MINH GIỮA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VỚI NÔNG DÂN VÀ TRÍ THỨC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM.....	68
8.3. KẾT LUẬN.....	71
CÂU HỎI ÔN TẬP	71
CHƯƠNG 9: VẤN ĐỀ DÂN TỘC TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI....	72
GIỚI THIỆU CHUNG	72
MỤC ĐÍCH YÊU CẦU CẦN NẮM VỮNG.....	72
NỘI DUNG	72
9.1. DÂN TỘC VÀ HAI XU HƯỚNG KHÁC QUAN CỦA PHONG TRÀO DÂN TỘC.....	72
9.2. NỘI DUNG CƯƠNG LĨNH DÂN TỘC CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN.....	74
9.3. VẤN ĐỀ DÂN TỘC Ở VIỆT NAM VÀ CHÍNH SÁCH DÂN TỘC CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA HIỆN NAY	76
9.4. KẾT LUẬN.....	77
CÂU HỎI ÔN TẬP	78
CHƯƠNG 10: VẤN ĐỀ TÔN GIÁO TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	79
GIỚI THIỆU CHUNG	79
MỤC ĐÍCH YÊU CẦU CẦN NẮM VỮNG.....	79
NỘI DUNG	79
10.1. BẢN CHẤT NGUỒN GỐC VÀ TÍNH CHẤT CỦA TÔN GIÁO	79
10.2. VẤN ĐỀ TÔN GIÁO TRONG XÃ HỘI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	81
10.3. VẤN ĐỀ TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM VÀ CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA HIỆN NAY	83
10.4. KẾT LUẬN.....	85
CÂU HỎI ÔN TẬP	85
CHƯƠNG 11: VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH VÀ XÂY DỰNG GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	86
GIỚI THIỆU CHUNG	86
MỤC ĐÍCH YÊU CẦU CẦN NẮM VỮNG.....	86
NỘI DUNG	86

11.1. GIA ĐÌNH, MỐI QUAN HỆ GIA ĐÌNH XÃ HỘI	86
11.2. NHỮNG ĐIỀU KIỆN VÀ TIỀN ĐỀ XÂY DỰNG GIA ĐÌNH TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	89
11.3. NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG CƠ BẢN VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI GIA ĐÌNH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	90
11.4. KẾT LUẬN.....	91
CÂU HỎI ÔN TẬP	91
CHƯƠNG 12: VẤN ĐỀ NGUỒN LỰC CON NGƯỜI TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI.....	93
GỚI THIỆU CHUNG	93
MỤC ĐÍCH YÊU CẦU CẦN NẮM VỮNG.....	93
NỘI DUNG	93
12.1. NGUỒN LỰC CON NGƯỜI VÀ VAI TRÒ CỦA NÓ TRONG SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI.....	93
12.2. PHÁT HUY NGUỒN LỰC CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM	96
12.3. KẾT LUẬN.....	99
CÂU HỎI ÔN TẬP	99
CHƯƠNG 13: CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRÊN LĨNH VỰC TƯ TƯỞNG VĂN HOÁ	100
GỚI THIỆU CHUNG	100
MỤC ĐÍCH YÊU CẦU CẦN NẮM VỮNG.....	100
NỘI DUNG	100
13.1. TÍNH TẤT YẾU CỦA CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRÊN LĨNH VỰC TƯ TƯỞNG VĂN HOÁ.....	100
13.2. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRÊN LĨNH VỰC TƯ TƯỞNG VÀ VĂN HOÁ Ở VIỆT NAM	102
13.3. KẾT LUẬN.....	105
CÂU HỎI ÔN TẬP	106
GỢI Ý TRẢ LỜI CÂU HỎI ÔN TẬP	107
CHƯƠNG 1.....	107
CHƯƠNG 2.....	110
CHƯƠNG 3.....	112
CHƯƠNG 4.....	115
CHƯƠNG 5.....	119
CHƯƠNG 6.....	124
CHƯƠNG 7.....	128
CHƯƠNG 8.....	131
CHƯƠNG 9.....	135
CHƯƠNG 10.....	139
CHƯƠNG 11.....	144

Mục lục

CHƯƠNG 12.....	147
CHƯƠNG 13.....	150
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	153
MỤC LỤC.....	154

